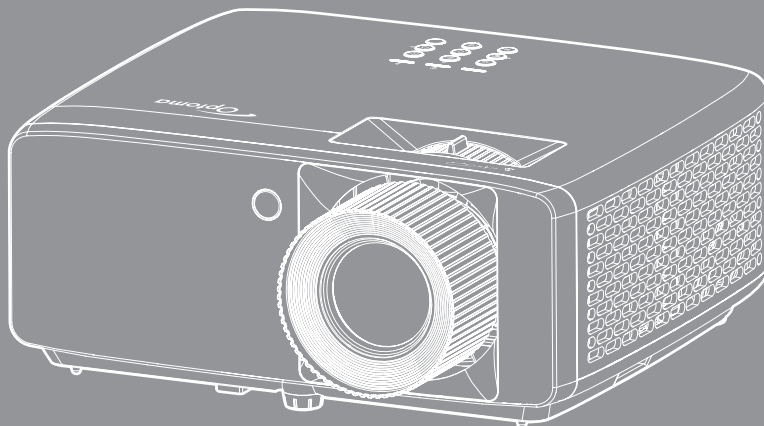
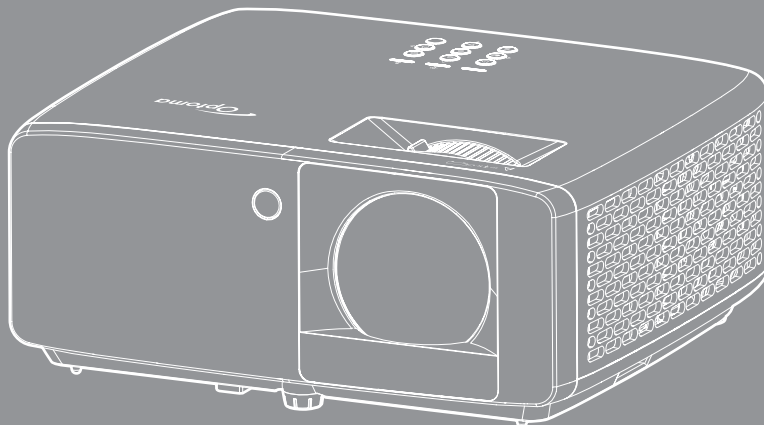
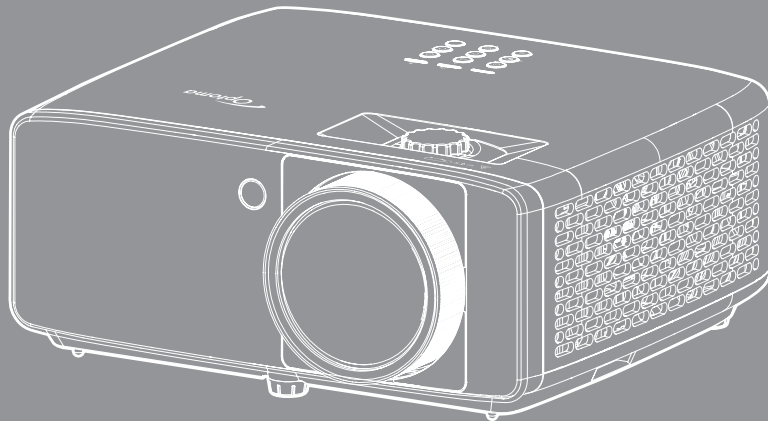




MỤC LỤC

AN TOÀN 4

Hướng dẫn về an toàn quan trọng	4
Thông tin an toàn bức xạ laser.....	5
Thông báo Laser	6
Bản quyền	7
Khước từ trách nhiệm.....	7
Nhận biết thương hiệu	7
FCC	7
Tuyên bố tuân thủ quy định của các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu.....	8
WEEE	8
Thông số kỹ thuật và nhãn cảnh báo	8
cTUVus.....	10
Lau ống kính.....	10

GIỚI THIỆU 11

Tổng quan về gói sản phẩm	11
Phụ kiện chuẩn.....	11
Tổng quan về Sản phẩm	12
Các đầu nối	14
Bàn phím	15
Điều khiển từ xa	16

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT 18

Lắp đặt máy chiếu	18
Kết nối các nguồn tín hiệu với máy chiếu.....	20
Điều chỉnh Hình ảnh chiếu	21
Thiết lập điều khiển từ xa	23

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU 25

Bật/tắt nguồn máy chiếu.....	25
Chọn nguồn vào	27
Điều hướng menu và các tính năng	28
Sơ đồ menu OSD	29
Menu chế độ hình ảnh.....	37
Menu dải rộng hình ảnh.....	38
Menu độ sáng hình ảnh.....	38
Menu độ tương phản hình ảnh	38
Menu độ sắc nét hình ảnh.....	38
Menu gamma hình ảnh.....	38
Menu cài đặt màu sắc hình ảnh	38
Menu màu tường hình ảnh	39
Menu 3D hình ảnh.....	39
Menu thiết lập lại hình ảnh	40

Menu Vị trí chiếu hiển thị.....	41
Menu chế độ nguồn sáng hiển thị	41
Hiển thị menu low latency mode.....	41
Menu loại màn chiếu hiển thị.....	41
Hiển thị menu Tỷ lệ khung hình.....	42
Hiển thị menu hiệu chỉnh hình học	44
Hiển thị menu zoom số.....	45
Hiển thị menu Dịch chuyển hình ảnh.....	45
Hiển thị menu dịch chuyển ống kính kỹ thuật số.....	45
Menu thiết lập lại hiển thị.....	45
Menu thiết lập mẫu thử.....	46
Menu thiết lập ngôn ngữ.....	46
Menu thiết lập cài đặt	46
Menu thiết lập tăng tốc quạt	46
Menu thiết lập tùy chỉnh nguồn.....	46
Thiết lập menu bảo mật.....	47
Menu thiết lập logo khởi động	47
Menu thiết lập màu nền.....	48
Cài đặt menu cập nhật hệ thống	48
Thiết lập menu cài lại.....	48
Menu nguồn vào tự động	49
Menu tự động chuyển đổi nguồn vào	49
Menu cài đặt nguồn vào HDMI CEC	49
Mở menu tìm kiếm nhanh nguồn vào.....	49
Menu thiết lập lại nguồn vào.....	49
Menu Âm lượng.....	50
Menu Tắt tiếng.....	50
Menu định dạng đầu ra kỹ thuật số của âm thanh	50
Menu thiết lập lại âm thanh	50
Menu điều chỉnh ID thiết bị.....	51
Menu cài đặt điều khiển.....	51
Menu cài đặt bàn phím.....	51
Menu điều chỉnh LAN.....	51
Menu điều chỉnh điều khiển.....	54
Menu Thiết lập cài đặt kiểm soát mạng.....	55
Menu thiết lập lại điều khiển.....	64
Menu thông tin.....	65

THÔNG TIN BỔ SUNG 66

Độ phân giải tương thích	66
Cỡ hình và khoảng cách chiếu.....	72
Kích thước máy chiếu và lắp đặt giá treo trần.....	75
Mã điều khiển hồng ngoại	77
Liên kết Optoma Management Suite (OMS)	82
Khắc phục sự cố.....	85
Chỉ báo cảnh báo	87
Thông số kỹ thuật.....	89
Văn phòng toàn cầu của Optoma.....	92

AN TOÀN

	Biểu tượng ánh chớp có đầu mũi tên trong tam giác đều nhằm mục đích cảnh báo người dùng về "điện thế nguy hiểm" không được cách điện trong vỏ ngoài của sản phẩm và độ lớn có thể đủ mạnh dẫn đến nguy cơ điện giật cho người.
	Dấu than trong tam giác đều nhằm mục đích cảnh báo người dùng về các hướng dẫn bảo dưỡng (bảo trì) và vận hành quan trọng trong tài liệu đi kèm thiết bị.

Vui lòng thực hiện theo mọi cảnh báo, thận trọng và bảo dưỡng được khuyến nghị trong sách hướng dẫn sử dụng này.

Hướng dẫn về an toàn quan trọng

- Không chặn các lỗ thông khí. Để đảm bảo hoạt động đáng tin cậy của máy chiếu và để bảo vệ chống quá nhiệt, bạn nên đặt máy chiếu ở vị trí không chặn lỗ thông khí. Ví dụ, không đặt máy chiếu trên bàn cà phê, ghế sofa, giường, v.v. chật chội. Không đặt máy chiếu ở nơi bí như giá sách hoặc ngăn kéo hạn chế luồng khí.
- Để giảm nguy cơ cháy và/hoặc điện giật, không để máy chiếu dính nước hoặc hơi ẩm. Không đặt gần các nguồn nhiệt như bộ tản nhiệt, máy sưởi, lò sấy hoặc bất kỳ thiết bị nào khác như bộ khuếch đại có tỏa nhiệt.
- Không để đồ vật hoặc chất lỏng lọt vào máy chiếu. Chúng có thể chạm vào các điểm điện thế nguy hiểm và làm ngắn mạch các bộ phận có thể dẫn đến cháy hoặc điện giật.
- Không sử dụng trong các điều kiện sau:
 - Trong môi trường nóng, lạnh hoặc ẩm khắc nghiệt.
 - (i) Đảm bảo nhiệt độ xung quanh phòng là 5°C ~ 40°C
 - (ii) Độ ẩm tương đối là 10% ~ 85%
 - Ở khu vực dễ có nhiều bụi bặm.
 - Gần một thiết bị phát ra từ trường mạnh.
 - Dưới ánh nắng trực tiếp.
- Không sử dụng thiết bị nếu nó đã bị hỏng hoặc lạm dụng về mặt vật lý. Hư hỏng/lạm dụng vật lý có thể là (nhưng không giới hạn ở):
 - Thiết bị đã bị rơi.
 - Dây nguồn hoặc phích cắm bị hỏng.
 - Chất lỏng bị đổ vào máy chiếu.
 - Máy chiếu bị dính nước mưa hoặc hơi ẩm.
 - Một số vật rơi vào trong máy chiếu hoặc một số chi tiết bên trong bị lỏng.
- Không đặt máy chiếu trên bề mặt không ổn định. Máy chiếu có thể rơi và gây chấn thương cho mọi người hoặc máy chiếu có thể bị hỏng.
- Đừng che kín ánh sáng thoát ra từ ống kính máy chiếu khi đang hoạt động. Ánh sáng sẽ làm nóng vật dụng và có thể nóng chảy, gây bỏng hoặc phát cháy.
- Vui lòng không mở hoặc tháo rời máy chiếu vì việc này có thể dẫn đến điện giật.
- Không cố tự bảo dưỡng thiết bị. Mở hoặc tháo vỏ có thể làm bạn bị điện giật hoặc gặp rủi ro khác. Vui lòng liên hệ với Optoma trước khi bạn gửi thiết bị để sửa chữa.
- Xem vỏ ngoài của máy chiếu để biết các ký hiệu liên quan.
- Thiết bị chỉ được sửa chữa bởi nhân viên bảo dưỡng ủy quyền.
- Chỉ sử dụng phụ tùng/phụ kiện do nhà sản xuất chỉ định.

- Không nhìn thẳng vào ống kính máy chiếu trong khi sử dụng. Ánh sáng chói có thể làm mắt bạn bị tổn thương.
- Máy chiếu này sẽ tự phát hiện tuổi thọ đèn.
- Khi tắt máy chiếu, vui lòng đảm bảo hoàn tất chu kỳ làm mát trước khi ngắt điện. Chờ 90 giây để máy chiếu nguội.
- Tắt máy và rút phích cắm khỏi ổ cắm AC trước khi lau sản phẩm.
- Dùng khăn khô mềm với chất tẩy rửa nhẹ để lau hốc hiển thị. Sử dụng các chất tẩy rửa ăn mòn, chất sáp hoặc dung môi để vệ sinh thiết bị.
- Ngắt phích cắm khỏi ổ cắm AC nếu không sử dụng sản phẩm trong thời gian dài.
- Không lắp đặt máy chiếu ở những nơi có thể bị rung động hoặc va đập.
- Không chạm vào ống kính bằng tay trần.
- Tháo (các) cục pin ra khỏi điều khiển từ xa trước khi cất giữ. Nếu (các) cục pin vẫn để lại trong điều khiển từ xa trong thời gian dài, chúng có thể rò rỉ.
- Không sử dụng hoặc cất giữ máy chiếu ở những nơi có thể xuất hiện khói từ dầu hoặc thuốc lá, vì khói có thể ảnh hưởng bất lợi đến chất lượng hoạt động của máy chiếu.
- Hãy tuân thủ cách lắp đặt hướng máy chiếu thích hợp vì lắp đặt không quy chuẩn có thể ảnh hưởng đến hiệu suất máy chiếu.
- Sử dụng bộ ổ cắm điện và/hoặc bộ chống sốc điện. Vì sự cố cúp điện và nguồn yếu có thể LÀM HỒNG các thiết bị.

Thông tin an toàn bức xạ laser

- Sản phẩm này được phân loại là SẢN PHẨM LASER CẤP ĐỘ 1 - NHÓM RỦI RO 2 của tiêu chuẩn IEC60825-1:2014 và theo 21 CFR 1040.10 và 1040.11, được xếp là Nhóm rủi ro 2, LIP (Laser Illuminated Projector - Máy chiếu được chiếu sáng bằng laser) như được định nghĩa trong IEC 62471-5:Ed.1.0. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem Thông cáo Laser Số 57, ngày 8 tháng 5 năm 2019.
- Tuân thủ 21 CFR 1040.10 và 1040.11 ngoại trừ quy định theo Nhóm Rủi ro 2 LIP được định nghĩa trong IEC 62471-5:Ed.1.0. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem Thông cáo Laser Số 57, ngày 8 tháng 5 năm 2019.
- IEC 60825-1:2014/EN 60825-1+A11/EN50689:2021 SẢN PHẨM LASER TIÊU DÙNG LOẠI 1 NHÓM RỦI RO 2
- IEC 62471-5:2015 NHÓM RỦI RO 2

IEC 60825-1:2014, EN 60825-1:2014+A11:2021, EN 50689:2021 CLASS 1 CONSUMER LASER PRODUCT RISK GROUP 2, Complies with 21 CFR 1040.10 and 1040.11 except for conformance as a Risk Group 2 LIP as defined in IEC 62471-5:Ed.1.0. For more information see Laser Notice No. 57, dated May 8, 2019.
IEC 60825-1:2014 等級1雷射產品RG2危險等級
IEC 60825-1:2014 1类激光产品RG2危险等级

Do not look into the beam within 1 m.
Direct eye exposure to the beam is not permitted.

Ne regardez pas dans le faisceau à une distance inférieure à 1 m.
L'exposition directe des yeux au faisceau est interdite.

請勿在1米以內直視光束,禁止眼睛直接暴露於光束中。

請勿在1 米以內直視光束,禁止眼睛直接暴露於光束中。



- Các hướng dẫn bổ sung để trông coi trẻ nhỏ, không được nhìn thẳng và không được sử dụng thiết bị hỗ trợ quang học.
- Hướng dẫn bổ sung về cách lắp đặt xa tầm tay trẻ em.
- Thông báo được đưa ra để giám sát trẻ em và không bao giờ cho phép trẻ em nhìn thẳng vào chùm tia sáng của máy chiếu từ bất kỳ khoảng cách nào.

- Thông báo được đưa ra để thận khi sử dụng điều khiển từ xa để bật máy chiếu khi đứng trước ống kính máy chiếu.
- Thông báo được đưa ra cho người dùng để tránh sử dụng thiết bị hỗ trợ quang học như ống nhòm hoặc kính viễn vọng lên chùm tia sáng
- Giống như mọi nguồn sáng khác, không được nhìn thẳng vào chùm tia sáng trực tiếp, RG2 IEC 62471-5:2015.
- **CẢNH BÁO: LẮP Ở VỊ TRÍ PHÍA TRÊN ĐẦU CỦA TRẺ EM.** Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng giá treo trần cho sản phẩm này để đặt ở vị trí phía trên tầm mắt của trẻ em.
- Thận trọng - việc sử dụng biện pháp kiểm soát, điều chỉnh hoặc thực hiện quy trình khác với những quy định được nêu ở đây có thể dẫn đến phơi nhiễm bức xạ nguy hiểm.
- Không được mở hoặc tháo rời máy chiếu vì điều này có thể gây ra thiệt hại do phơi nhiễm bức xạ laser.
- Không nhìn thẳng vào chùm tia sáng khi máy chiếu đang bật. Ánh sáng này có thể gây thiệt hại mắt vĩnh viễn.

Nếu không tuân thủ quy trình điều khiển, điều chỉnh hoặc thao tác có thể gây ra thiệt hại do phơi nhiễm bức xạ laser.

Thông báo Laser

IEC 60825-1:2014/EN 60825-1+A11/EN50689:2021 SẢN PHẨM LASER TIÊU DÙNG LOẠI 1 NHÓM RỦI RO 2.

Sản phẩm này có mục đích sử dụng là sản phẩm laser tiêu dùng và tuân thủ theo EN 50689:2021.

SẢN PHẨM LASER TIÊU DÙNG LOẠI 1

EN 50689:2021

Bản quyền

Ấn bản này, kể cả mọi hình ảnh, minh họa và phần mềm, được bảo vệ theo các luật bản quyền quốc tế với mọi bản quyền được bảo lưu. Cấm tái bản sổ tay này cũng như bất cứ phần nào chứa bên trong mà không có sự đồng ý bằng văn bản của tác giả.

© Bản quyền 2026

Khước từ trách nhiệm

Thông tin trong tài liệu này có thể chịu sự thay đổi mà không cần thông báo trước. Nhà sản xuất không đưa ra bất cứ tuyên bố hoặc chính sách bảo hành nào đối với các nội dung liên quan và đặc biệt khước từ mọi chính sách bảo hành gián tiếp về tính thương mại hay khả năng tương thích của sản phẩm cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Nhà sản xuất có quyền sửa đổi ấn bản này và thỉnh thoảng thay đổi nội dung liên quan mà không có trách nhiệm thông báo cho bất cứ cá nhân nào về những chỉnh sửa hay thay đổi đó.

Nhận biết thương hiệu

Kensington là thương hiệu đã đăng ký tại Mỹ của ACCO Brand Corporation với các số đăng ký đã được cấp và các ứng dụng đang chờ cấp bằng sáng chế ở những nước khác trên toàn thế giới.

HDMI, Biểu tượng HDMI và High-Definition Multimedia Interface (Giao diện đa phương tiện độ nét cao) là các thương hiệu hoặc thương hiệu đã đăng ký của HDMI Licensing LLC ở Mỹ và các nước khác.

DLP®, DLP Link và logo DLP là các thương hiệu đã đăng ký của Texas Instruments và BrilliantColor™ là thương hiệu của Texas Instruments.

Tất cả các tên sản phẩm khác sử dụng trong sổ hướng dẫn này là tài sản của các công ty sở hữu riêng và đã được công nhận.

FCC

Thiết bị này đã được kiểm thử và chứng tỏ tuân thủ các giới hạn đối với thiết bị kỹ thuật số loại B chiều theo Phần 15 của quy định FCC. Các giới hạn này nhằm cung cấp sự bảo vệ hợp lý trước nhiễu sóng có hại trong lắp đặt tại gia đình. Thiết bị này tạo ra, sử dụng và có thể phát ra năng lượng có tần số radio và, nếu không được lắp đặt và sử dụng theo đúng hướng dẫn, nó có thể làm nhiễu sóng có hại đối với liên lạc bằng radio.

Tuy nhiên, không có đảm bảo rằng nhiễu sóng sẽ không xuất hiện ở một cách lắp đặt cụ thể nào. Nếu thiết bị này gây ra nhiễu sóng có hại đối với việc tiếp nhận radio hoặc truyền hình, có thể xác định điều này bằng cách bật và tắt thiết bị, người dùng nên cố khắc phục nhiễu sóng bằng một hoặc các biện pháp sau:

- Đổi hướng hoặc đổi vị trí ăng ten nhận tín hiệu.
- Tăng khoảng cách giữa thiết bị và bộ nhận tín hiệu.
- Cắm thiết bị vào ổ cắm của mạch điện khác với nơi cắm bộ nhận tín hiệu.
- Tham khảo ý kiến của đại lý hoặc kỹ thuật viên radio/truyền hình có kinh nghiệm để được trợ giúp.

Thông báo: Cáp có vỏ bọc

Mọi kết nối tới các thiết bị máy tính phải sử dụng cáp có vỏ bọc để tuân thủ các quy định FCC.

Chú ý

Các thay đổi hoặc chỉnh sửa không được thông qua trực tiếp bởi nhà sản xuất có thể khiến cho người dùng mất quyền sử dụng máy chiếu này vốn được cấp phép bởi Ủy ban Truyền thông Liên bang.

Điều kiện hoạt động

Thiết bị này tuân thủ Phần 15 của quy định FCC. Hoạt động phải tuân theo hai điều kiện sau:

1. Thiết bị này có thể không gây nhiễu sóng có hại và
2. Thiết bị này phải chấp nhận mọi nhiễu sóng được nhận, bao gồm nhiễu sóng có thể dẫn đến hoạt động không mong muốn.

Thông báo: Người dùng Canada

Thiết bị kỹ thuật số loại B này tuân thủ tiêu chuẩn ICES-003 của Canada.

Remarque à l'intention des utilisateurs canadiens

Cet appareil numérique de la classe B est conforme à la norme NMB-003 du Canada.

Tuyên bố tuân thủ quy định của các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu

- Chỉ thị EMC 2014/30/EU (bao gồm các sửa đổi)
- Chỉ thị 2014/35/EU về điện thế thấp
- RED 2014/53/EU (nếu sản phẩm có chức năng RF)

WEEE



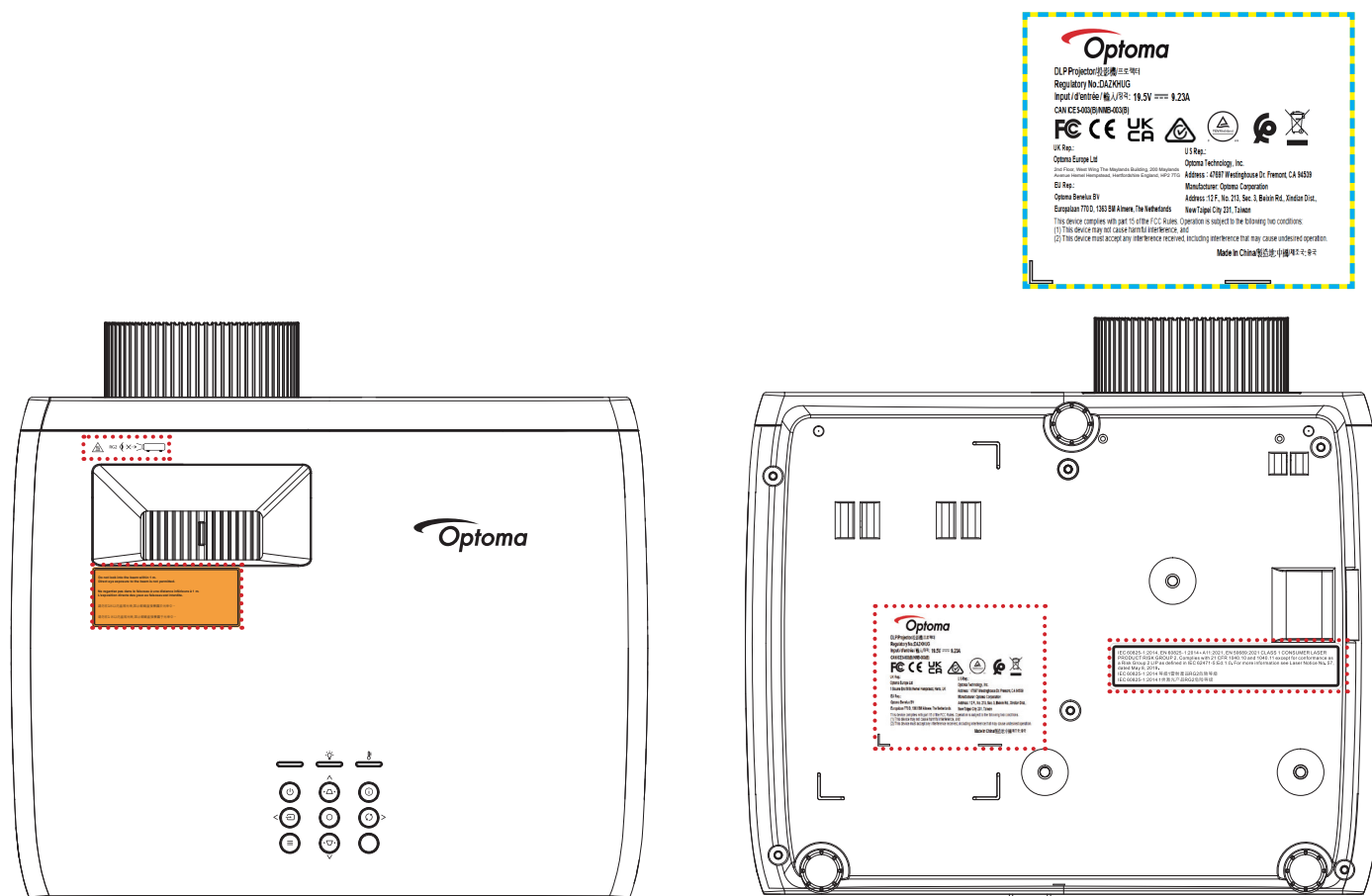
Hướng dẫn thải bỏ

Không vứt thiết bị điện tử này vào thùng rác khi thải bỏ. Để giảm thiểu ô nhiễm và đảm bảo sự bảo vệ tối đa cho môi trường toàn cầu, hãy tái chế thiết bị này.

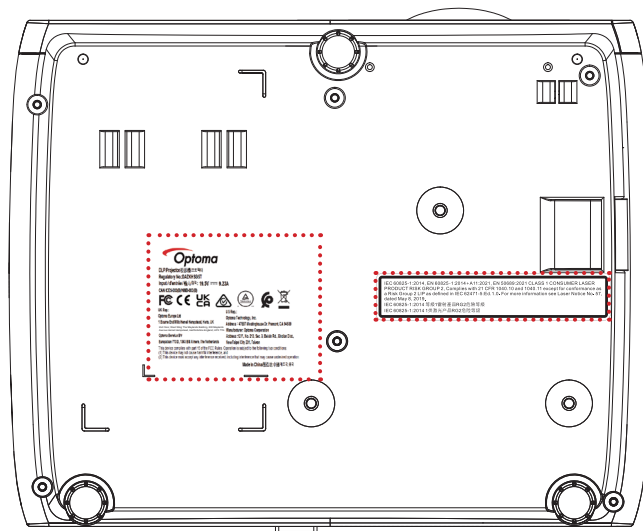
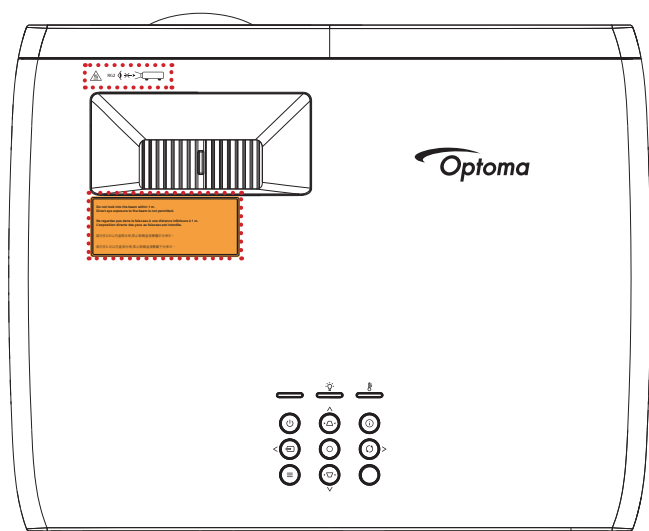
Thông số kỹ thuật và nhãn cảnh báo

Thông số kỹ thuật và nhãn cảnh báo được đặt ở vị trí sau:

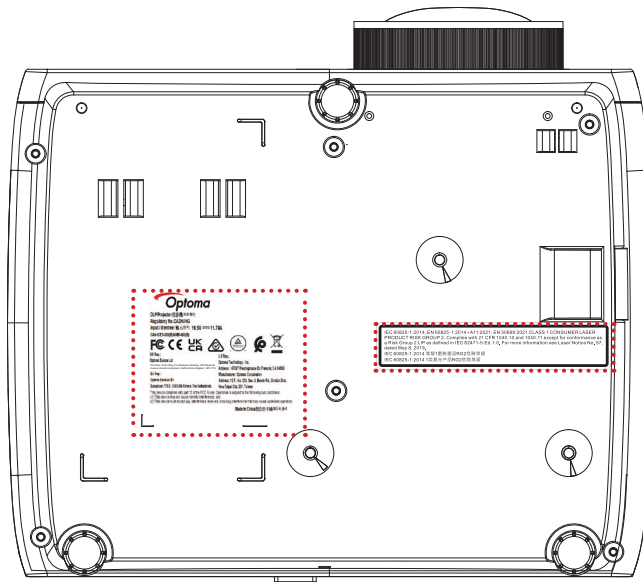
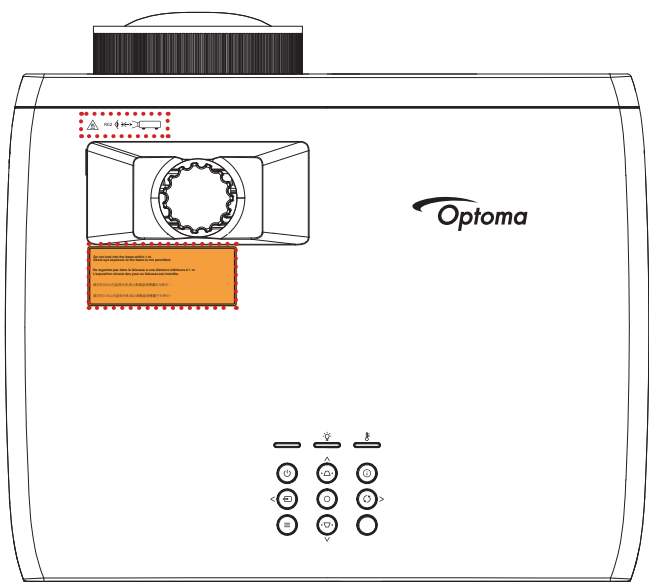
Mẫu tiêu chuẩn



Mẫu Độ lệch tâm ngắn



Mẫu Dịch chuyển ống kính



Lưu ý: Để biết về nguồn điện, định mức công suất và thông tin sản phẩm, vui lòng xem nhãn ở bên dưới của sản phẩm.



Lau ống kính

- Trước khi vệ sinh ống kính, đảm bảo tắt máy chiếu và rút dây nguồn ra để nó nguội hoàn toàn.
- Sử dụng bình khí nén để loại bỏ bụi bẩn.

Sử dụng loại khăn đặc biệt để lau ống kính nhẹ nhàng. Không chạm tay vào ống kính.

- Không sử dụng chất tẩy rửa có tính kiềm/axit hoặc dung môi dễ bay hơi như cồn để lau ống kính. Nếu ống kính bị hỏng do quá trình lau chùi, nó không được bảo hành.



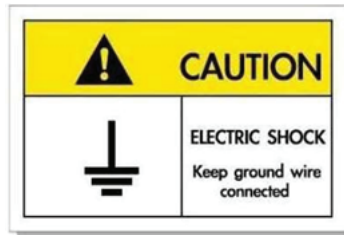
Cảnh báo: Không dùng bình xịt chứa khí dễ cháy để loại bỏ bụi bẩn khỏi ống kính. Điều này có thể gây ra hỏa hoạn do nhiệt quá cao bên trong máy chiếu.



Cảnh báo: Không vệ sinh ống kính nếu máy chiếu nóng lên vì điều này có thể khiến lớp bề mặt ống kính bị bong ra.



Cảnh báo: Không lau hoặc chạm vào ống kính bằng vật cứng.



Để tránh bị điện giật, máy và các thiết bị ngoại vi phải được nối đất đúng cách (đã nối đất).

GIỚI THIỆU

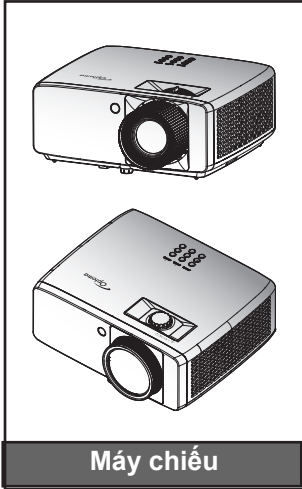
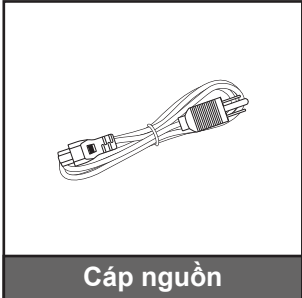
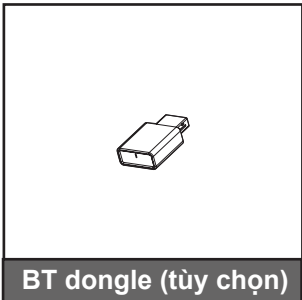
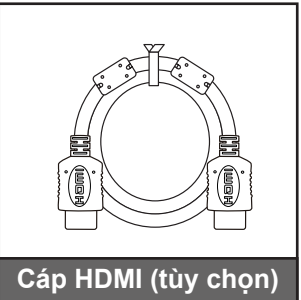
Cảm ơn bạn đã mua máy chiếu laser Optoma. Để biết danh sách tính năng đầy đủ, vui lòng ghé thăm trang sản phẩm trên trang web của chúng tôi. Tại đây bạn sẽ được nhận thêm nhiều thông tin và tài liệu hơn, ví dụ như về các câu hỏi thường gặp.

Tổng quan về gói sản phẩm

Cẩn thận mở hộp đựng và xác nhận là bạn đã nhận các mặt hàng như liệt kê dưới đây thuộc phụ kiện chuẩn. Một số mặt hàng thuộc phụ kiện chuẩn có thể không có sẵn tùy theo mẫu sản phẩm, thông số kỹ thuật và khu vực mua hàng của bạn. Hãy kiểm tra với nơi mua hàng của bạn. Một số phụ kiện có thể khác nhau tùy theo khu vực.

Thẻ bảo hành chỉ được kèm theo ở một số khu vực cụ thể. Hãy liên hệ với đại lý bán hàng để có thông tin chi tiết.

Phụ kiện chuẩn

 Máy chiếu	 Điều khiển từ xa	 Cáp nguồn	 Adapter nguồn
	☒ Thẻ bảo hành* ☒ Sổ hướng dẫn khởi động nhanh	 BT dongle (tùy chọn)	 Cáp HDMI (tùy chọn)
	Tài liệu		

Lưu ý:

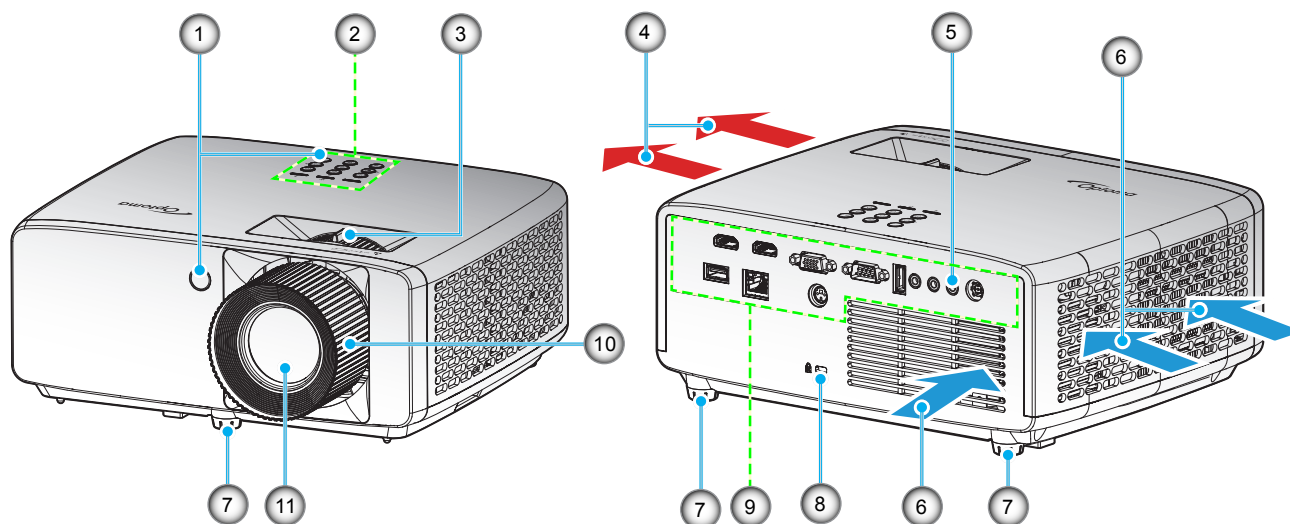
- *Để biết thông tin bảo hành, vui lòng tham khảo <https://www.optoma.com/support/download>.
- Để xem thông tin cài đặt, hướng dẫn sử dụng, thông tin bảo hành và cập nhật sản phẩm - vui lòng quét Mã QR này hoặc truy cập URL sau: <https://www.optoma.com/support/download>



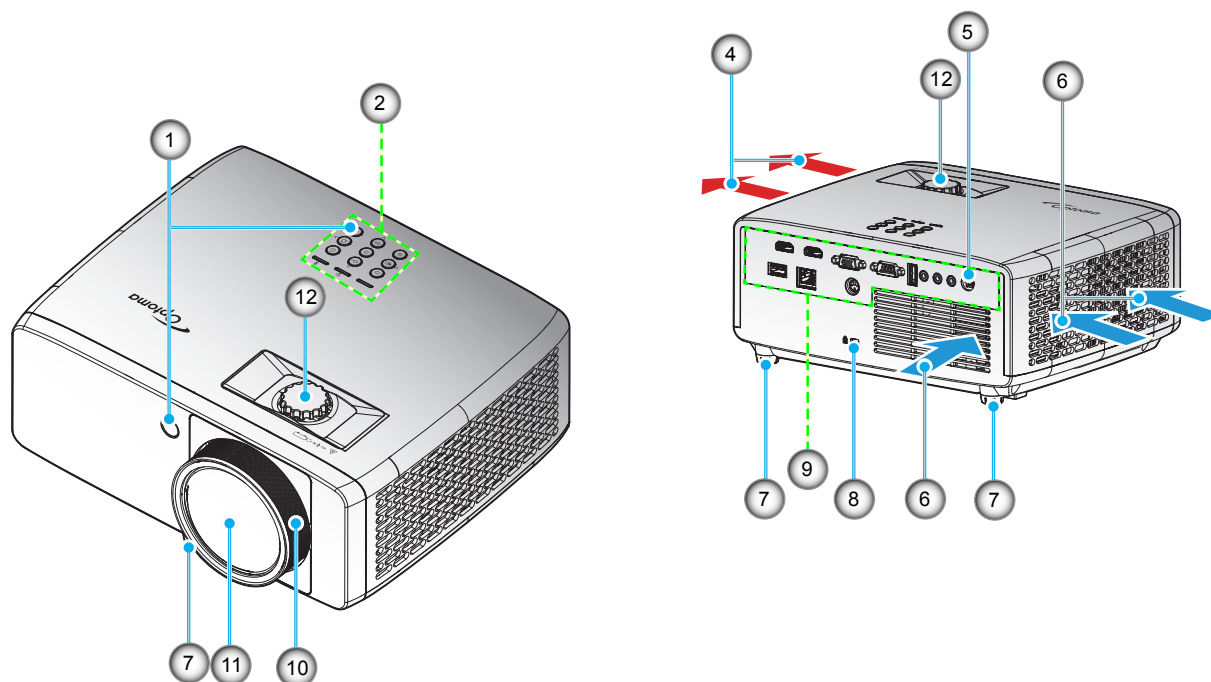
GIỚI THIỆU

Tổng quan về Sản phẩm

Mẫu tiêu chuẩn



Mẫu Độ lệch tâm ngắn



GIỚI THIỆU

Lưu ý:

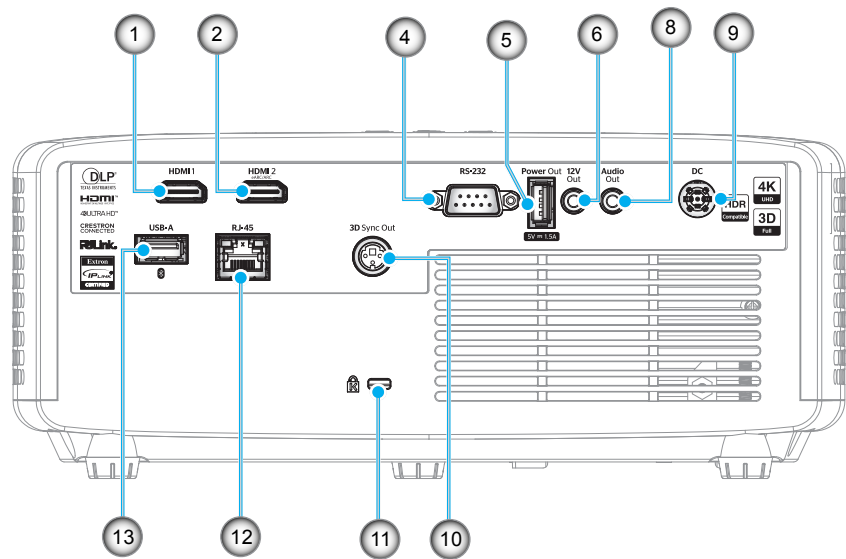
- Không chặn bít đầu vào và lỗ thông khí của máy chiếu.
- Khi sử dụng máy chiếu trong không gian kín, hãy chừa khoảng cách ít nhất 30 cm quanh đầu vào và lỗ thông khí của máy chiếu.

STT	Mục	STT	Mục
1.	Bộ thu Hồng ngoại	7.	Chân chỉnh độ nghiêng
2.	Bàn phím	8.	Cổng khóa Kensington™
3.	Vòng chỉnh thu phóng	9.	Đầu vào/Đầu ra
4.	Thông khí (cửa thoát)	10.	Vòng chỉnh tiêu điểm
5.	Giắc cắm điện DC	11.	Ống kính
6.	Thông khí (cửa nạp)	12.	Dịch chuyển ống kính

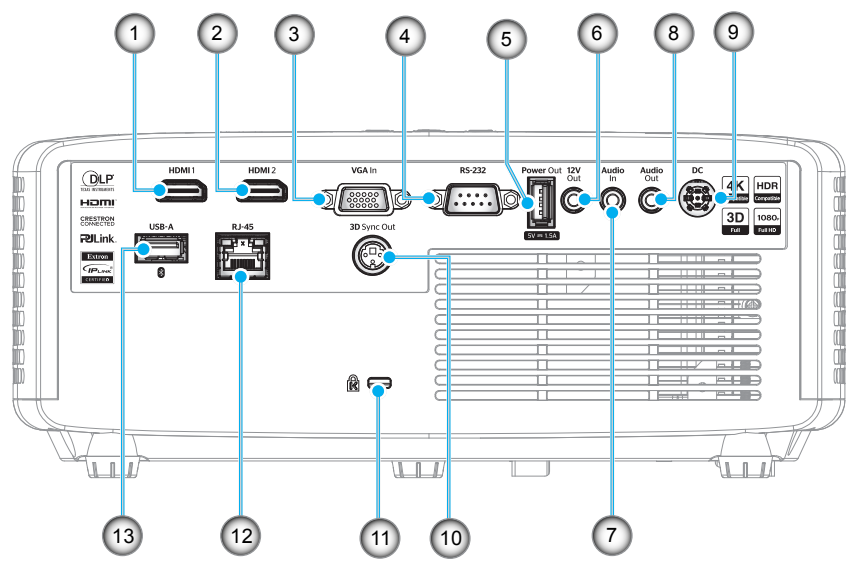
GIỚI THIỆU

Các đầu nối

Mẫu 4K



Mẫu WXGA/1080P

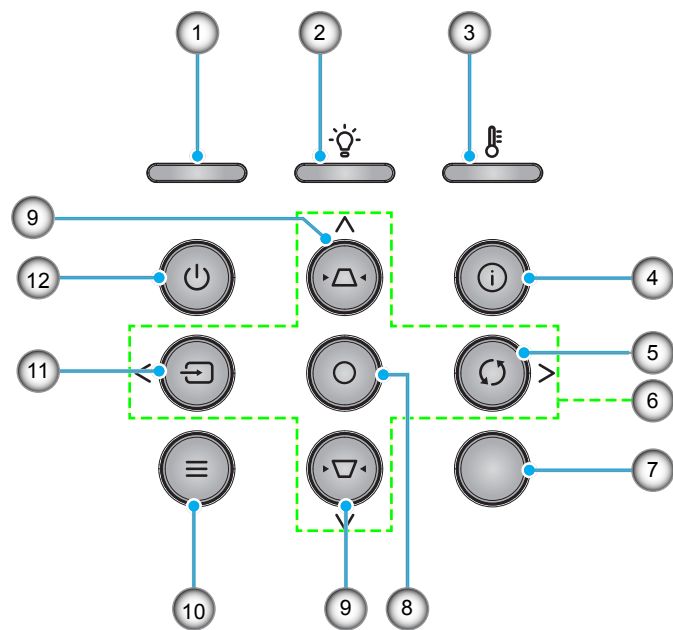


STT	Mục	STT	Mục
1.	Đầu cắm HDMI IN 1	8.	Đầu ra âm thanh
2.	Đầu cắm HDMI IN 2	9.	Giắc cắm điện DC
3.	Đầu cắm VGA IN	10.	Đầu ra bộ đồng hóa 3D
4.	Đầu cắm RS-232	11.	Cổng khóa Kensington™
5.	Đầu ra nguồn cắm USB (5V/ 1,5A)	12.	Đầu cắm RJ-45
6.	Đầu cắm ra 12V	13.	Cổng USB Type-A
7.	Đầu vào âm thanh		

Lưu ý: Cổng I/O khả dụng khác nhau tùy từng mẫu.

GIỚI THIỆU

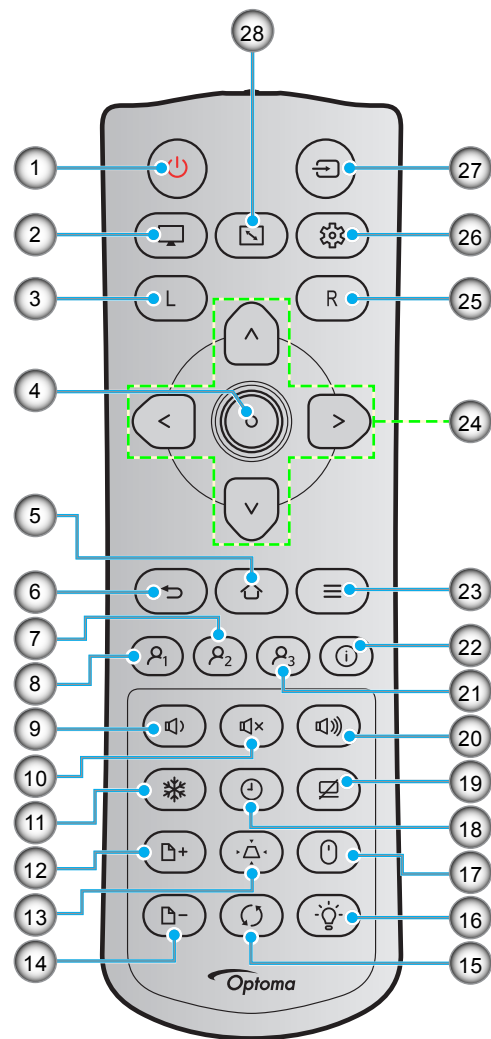
Bàn phím



STT	Mục	STT	Mục
1.	Đèn LED NGUỒN	7.	Bộ thu hồng ngoại
2.	Đèn LED bóng đèn	8.	Nhập
3.	Đèn LED nhiệt độ	9.	Hiệu chỉnh độ méo
4.	Thông tin	10.	Menu
5.	Tái Đồng Bộ	11.	Nguồn tín hiệu
6.	Bốn phím chọn điều hướng	12.	Nguồn

GIỚI THIỆU

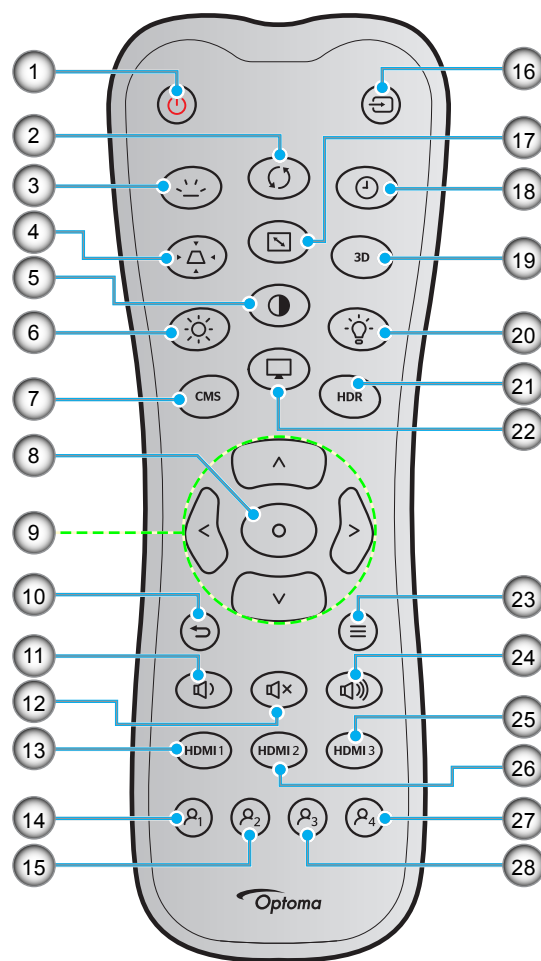
Điều khiển từ xa



STT	Mục	STT	Mục
1.	Nguồn	15.	Resync
2.	Chế độ hiển thị	16.	Chế độ nguồn ánh sáng
3.	Nhấp chuột trái	17.	Chuột
4.	Nhập	18.	Hẹn giờ tắt máy
5.	Home (Màn hình chính)	19.	Chặn AV
6.	Quay lại	20.	Âm lượng +
7.	Người dùng 2 (Có thể gán được)	21.	Người dùng 3 (Có thể gán được)
8.	Người dùng 1 (Có thể gán được)	22.	Thông tin
9.	Âm lượng -	23.	Menu
10.	Tắt tiếng	24.	Bốn phím chọn điều hướng
11.	Đóng băng	25.	Nhấp chuột phải
12.	Page Up	26.	Menu Thiết lập
13.	Điều chỉnh vuông hình	27.	Nguồn tín hiệu
14.	Page Down	28.	Tỉ lệ khung hình

Lưu ý: Một số phím có thể không có chức năng cho những mẫu máy không hỗ trợ các tính năng này.

GIỚI THIỆU



STT	Mục	STT	Mục
1.	Bật nguồn	15.	Người dùng 2 (có thể gán)
2.	Tái đồng bộ	16.	Nguồn tín hiệu
3.	Đèn nền	17.	Tỉ lệ khung hình
4.	Điều chỉnh vuông hình	18.	Hẹn giờ tắt máy
5.	Độ tương phản	19.	Bật/Tắt menu 3D (không hỗ trợ)
6.	Độ sáng	20.	Chế độ nguồn ánh sáng
7.	CMS	21.	HDR
8.	Nhập	22.	Chế độ hiển thị
9.	Bốn phím chọn điều hướng	23.	Menu
10.	Quay lại	24.	Âm lượng +
11.	Âm lượng -	25.	HDMI3 (không hỗ trợ)
12.	Tắt tiếng	26.	HDMI2
13.	HDMI1	27.	Người dùng 4 (có thể gán)
14.	Người dùng 1 (có thể gán)	28.	Người dùng 3 (có thể gán)

Lưu ý:

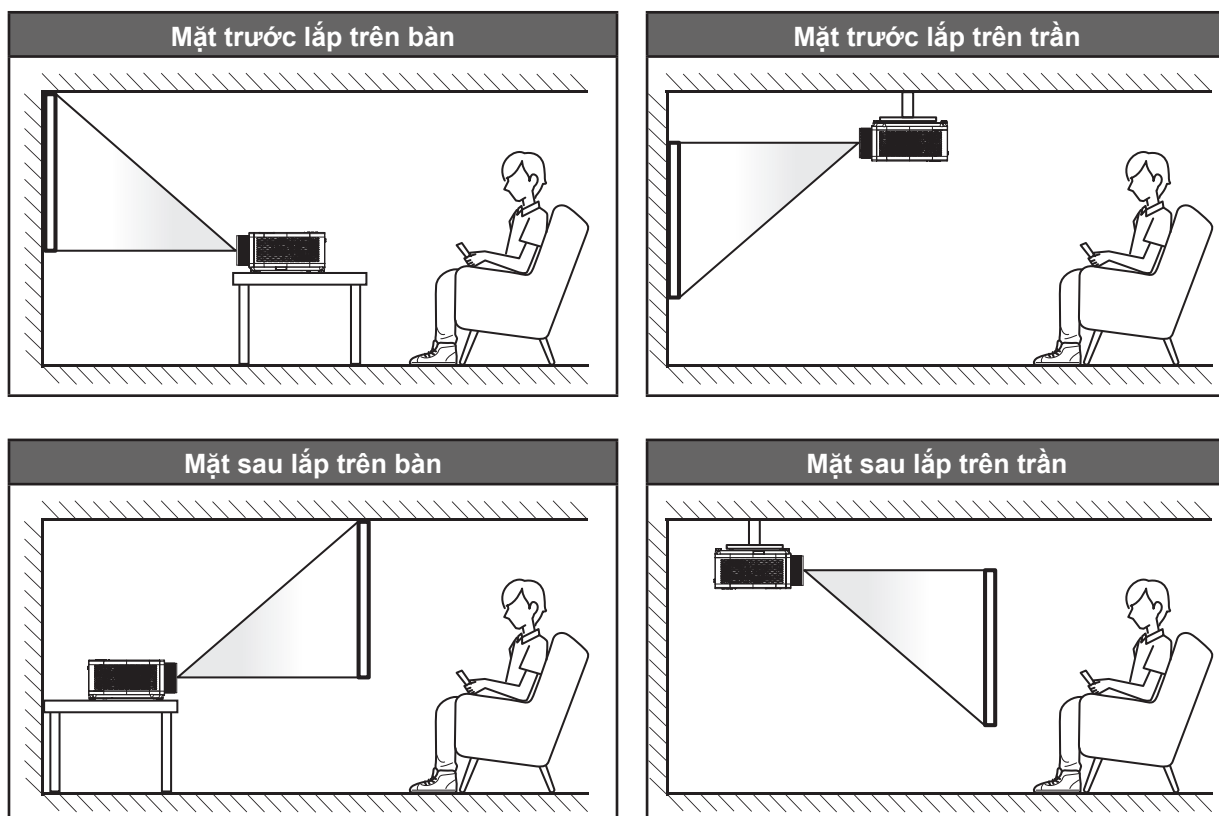
- Điều khiển từ xa thực tế có thể khác nhau tùy theo từng khu vực.
- Một số phím có thể không có chức năng cho những mẫu máy không hỗ trợ các tính năng này.

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Lắp đặt máy chiếu

Máy chiếu của bạn được thiết kế để lắp đặt tại một trong bốn vị trí khả dụng.

Cách bố trí phòng hoặc sở thích riêng sẽ quyết định địa điểm nào bạn cần chọn. Xem xét đến kích thước và vị trí màn hình, vị trí ổ cắm điện thích hợp, cũng như địa điểm và khoảng cách giữa máy chiếu và các trang thiết bị còn lại.



Phải đặt máy chiếu bằng phẳng trên bề mặt với một góc 90 độ và vuông góc với màn hình.

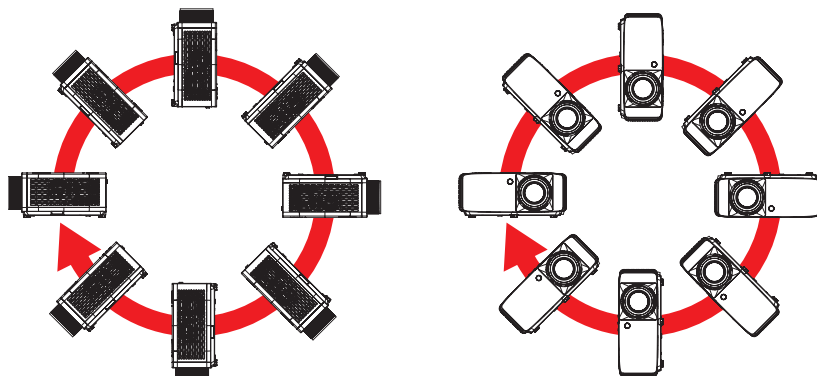
- Để biết cách xác định vị trí máy chiếu cho một kích thước màn chiếu nhất định, vui lòng tham khảo bảng khoảng cách ở trang 72~73.
- Để biết cách xác định kích thước màn chiếu theo khoảng cách có sẵn, vui lòng tham khảo bảng khoảng cách ở trang 72~73.

Lưu ý: Máy chiếu đặt càng xa màn hình thì kích thước hình chiếu càng tăng và độ bù chiều dọc cũng tăng theo tỷ lệ.

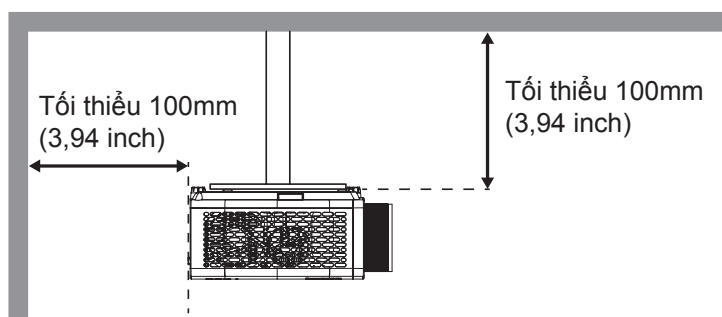
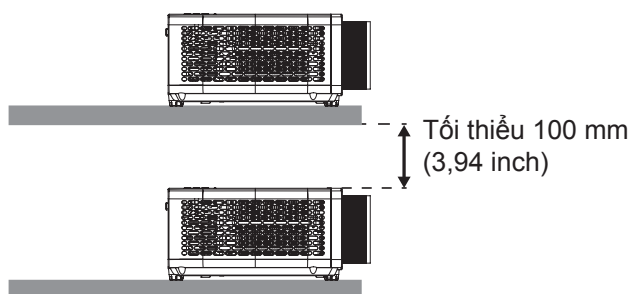
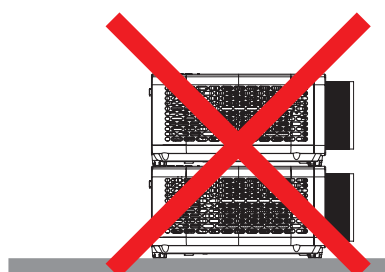
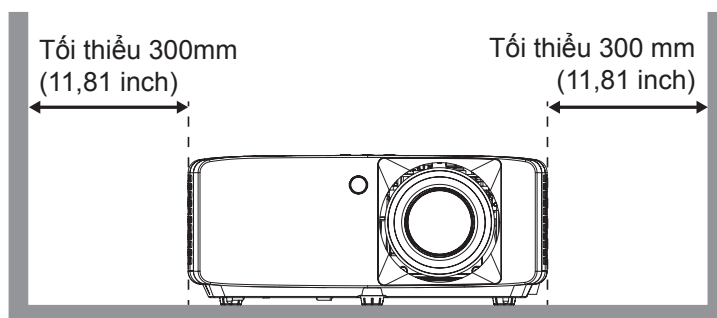
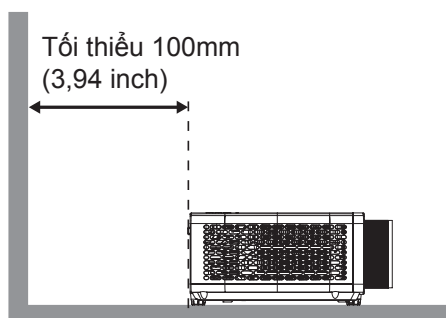
THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Lưu ý lắp đặt máy chiếu

- Hướng chiếu tự do 360°



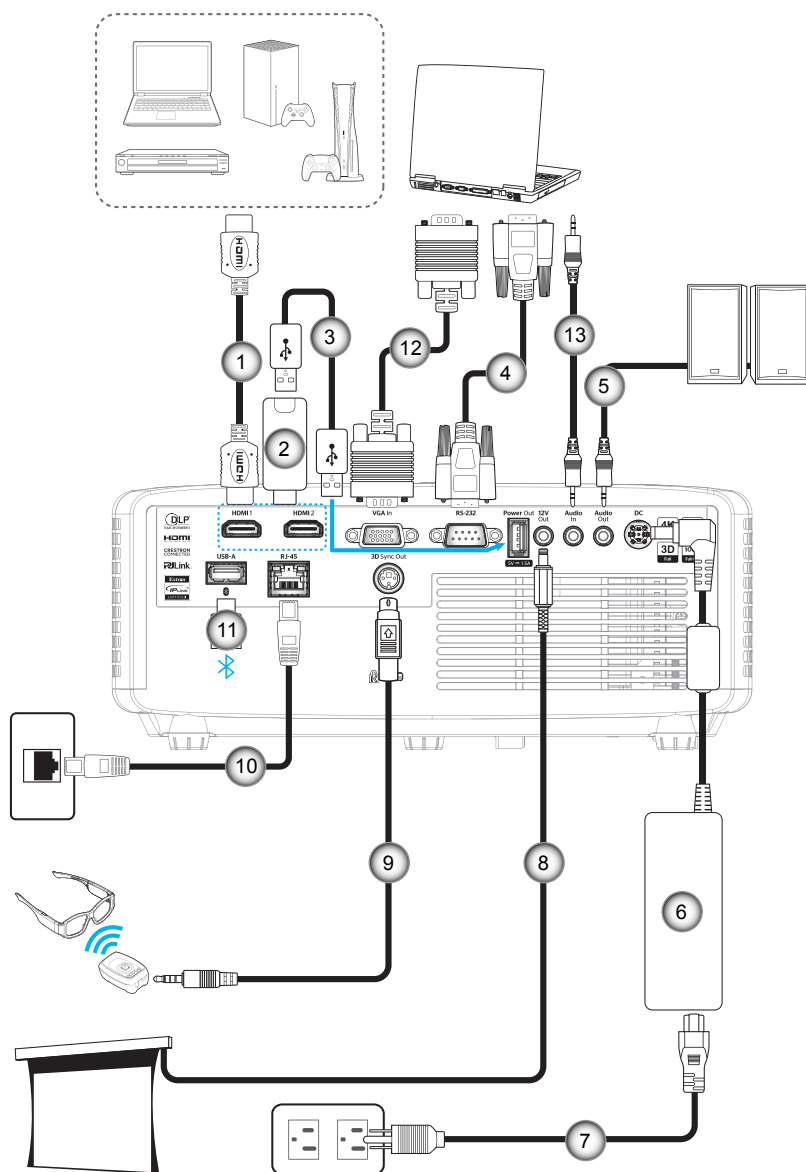
- Để khoảng trống tối thiểu 30 cm xung quanh xả khí.



- Đảm bảo quạt hút khí không tái sử dụng khí nóng từ quạt xả khí.
- Khi sử dụng máy chiếu trong không gian khép kín, đảm bảo nhiệt độ không khí xung quanh trong khu vực khép kín này không vượt quá nhiệt độ hoạt động khi máy chiếu đang chạy, và các lỗ hút khí và xả khí phải luôn thông suốt.
- Mọi khu vực khép kín phải vượt qua quy trình đánh giá về nhiệt được chứng nhận để đảm bảo máy chiếu không tái sử dụng khí thải vì điều này có thể khiến cho thiết bị ngưng hoạt động dù nhiệt độ xung quanh nằm trong phạm vi nhiệt độ hoạt động chấp nhận.

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Kết nối các nguồn tín hiệu với máy chiếu



STT	Mục	STT	Mục
1.	Cáp HDMI	8.	Giắc cắm điện DC 12V
2.	Thiết bị phát tín hiệu / Cáp HDMI	9.	Cáp bộ phát 3D
3.	Cáp nguồn USB	10.	Cáp RJ-45
4.	Cáp RS232	11.	Ổ đĩa USB/Bluetooth Dongle (tùy chọn)
5.	Cáp loa	12.	Cáp VGA
6.	Adapter nguồn	13.	Cáp âm thanh (Không khả dụng với mẫu 4K)
7.	Cáp nguồn		

Lưu ý:

- Cấu hình tiêu chuẩn là cáp 1,8m.
- Cổng I/O khả dụng khác nhau tùy từng mẫu.

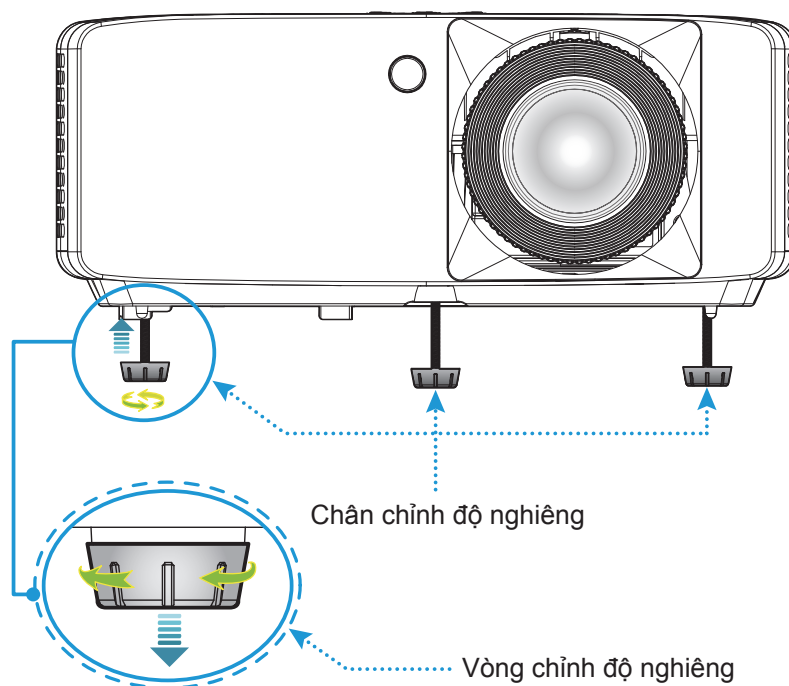
THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Điều chỉnh Hình ảnh chiếu

Chiều cao hình

Máy chiếu được trang bị chân nâng để điều chỉnh độ cao của hình ảnh.

1. Xác định bánh điều chỉnh bạn muốn chỉnh ở mặt dưới máy chiếu.
2. Vặn bánh chân để tùy chỉnh theo hoặc ngược chiều kim đồng hồ để nâng hoặc hạ máy chiếu.

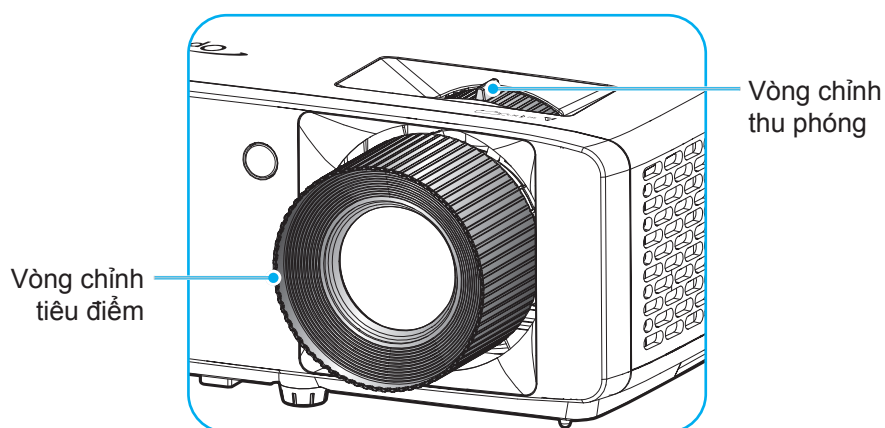


THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

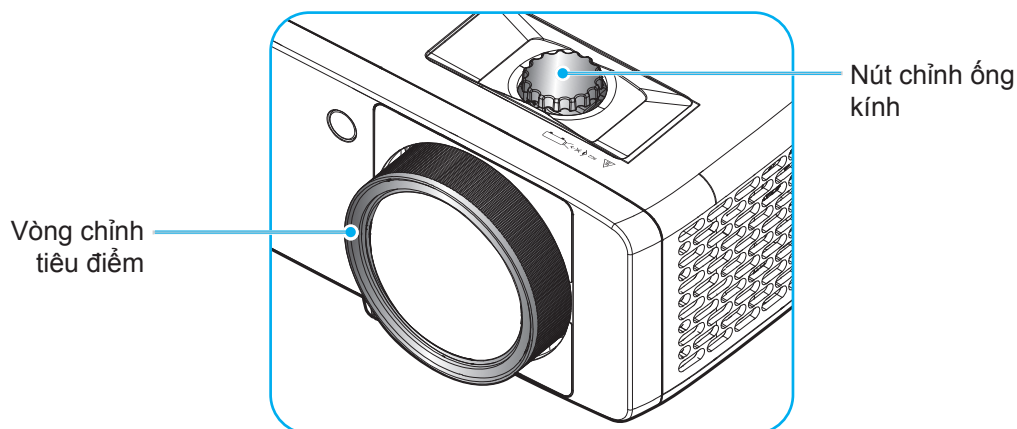
Zoom, chỉnh ống kính và lấy nét

- Để chỉnh cỡ hình, hãy xoay vòng chỉnh thu phóng theo hoặc ngược chiều kim đồng hồ để tăng hoặc giảm kích thước hình chiếu.
- Để chỉnh vị trí hình chiếu, xoay nút chỉnh ống kính theo hoặc ngược chiều kim đồng hồ để chỉnh vị trí hình chiếu theo chiều dọc hoặc chiều ngang.
- Để chỉnh lấy nét, xoay vòng lấy nét theo hoặc ngược chiều kim đồng hồ cho đến khi hình chiếu sắc nét và rõ ràng.

Mẫu WXGA/1080P



Mẫu Độ lệch tâm ngắn



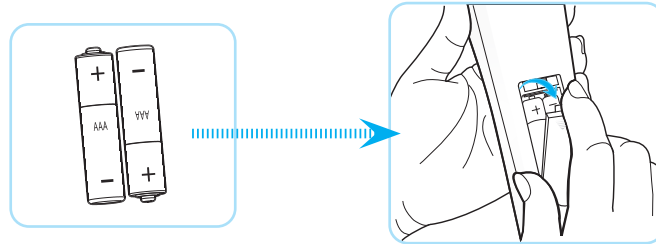
THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Thiết lập điều khiển từ xa

Lắp đặt/thay thế pin cho điều khiển từ xa

Hai cục pin cỡ AAA được kèm theo điều khiển từ xa.

1. Tháo nắp đậy pin ở mặt sau điều khiển từ xa.
2. Lắp các cục pin AAA vào khoang chứa pin như hình minh họa.
3. Lắp lại nắp đậy phía sau vào điều khiển từ xa.



Lưu ý: Chỉ nên thay mới bằng loại pin giống nhau hoặc tương đương.

CHÚ Ý: Để đảm bảo hoạt động an toàn, hãy tuân thủ các lưu ý phòng ngừa sau:

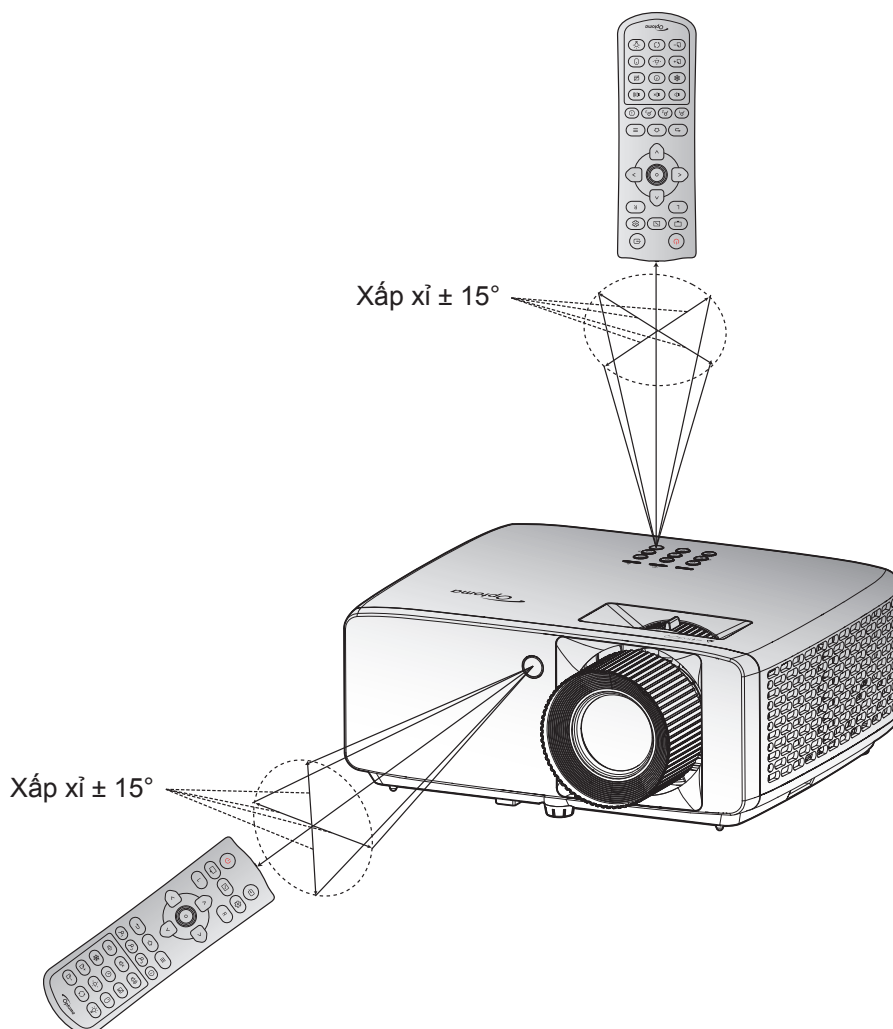
- Thay thế loại pin không chính xác có thể làm hỏng hệ thống bảo vệ (loại pin cỡ AAA).
- Thải bỏ pin vào lửa, lò nóng, nghiền hoặc cắt pin bằng máy móc có thể gây nổ.
- Để pin ở môi trường xung quanh có nhiệt độ quá cao có thể dẫn đến nổ hoặc rò rỉ chất lỏng hoặc khí dễ cháy.
- Pin chịu áp suất không khí quá thấp có thể dẫn đến nổ hoặc rò rỉ chất lỏng hoặc khí dễ cháy.
- Không được kết hợp pin cũ với pin mới. Việc dùng cả pin cũ và pin mới có thể làm giảm tuổi thọ của pin mới hoặc gây rò rỉ hóa chất trong pin cũ.
- Tháo pin ra ngay khi chúng bị dùng cạn. Hóa chất rò rỉ từ pin khi tiếp xúc với da có thể gây phát ban. Nếu bạn phát hiện có bất kỳ rò rỉ hóa chất nào, hãy lau kỹ bằng khăn.
- Pin kèm theo sản phẩm này có thể có tuổi thọ dự kiến ngắn hơn do các điều kiện bảo quản.
- Nếu bạn không dùng điều khiển từ xa trong thời gian dài, vui lòng tháo pin để giảm nguy cơ rò rỉ hóa chất.

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Phạm vi hoạt động

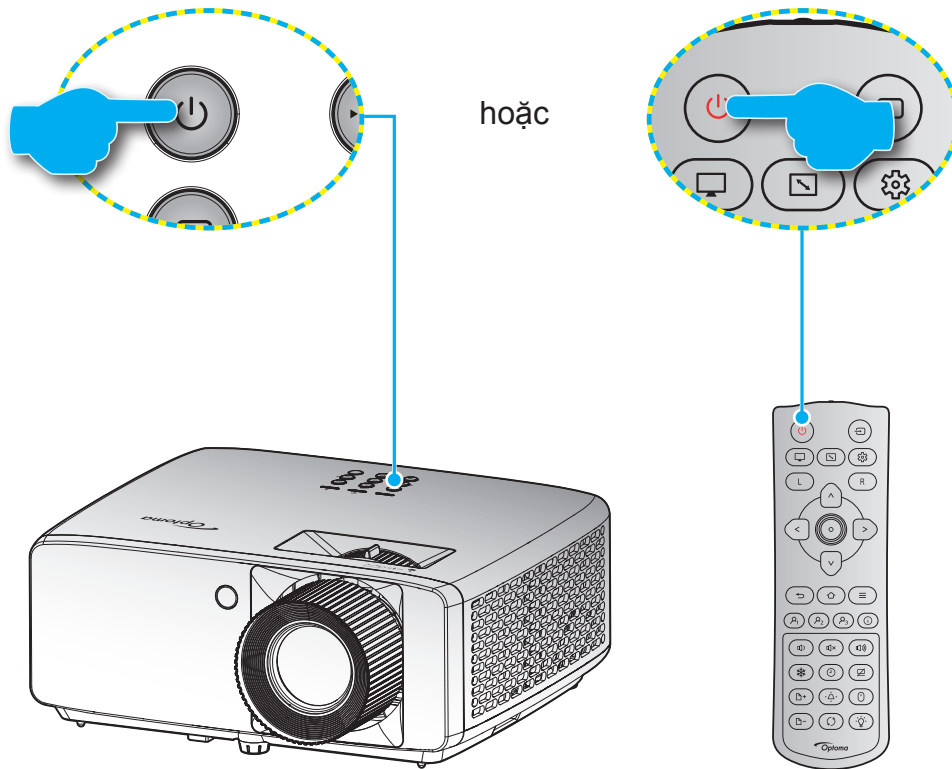
Cảm biến điều khiển từ xa hồng ngoại (IR) nằm ở phía trên và phía trước máy chiếu. Đảm bảo giữ điều khiển từ xa ở một góc 30 độ vuông góc với cảm biến điều khiển từ xa IR của máy chiếu để hoạt động thích hợp. Khoảng cách giữa điều khiển từ xa và cảm biến không được xa quá 6 mét (19,7 foot).

- Đảm bảo không có các vật cản giữa điều khiển từ xa và cảm biến IR trên máy chiếu vốn có thể cản trở chùm tia hồng ngoại.
- Đảm bảo bộ phát IR của điều khiển từ xa không bị ánh sáng mặt trời hoặc đèn huỳnh quang chiếu trực tiếp.
- Hãy giữ xa điều khiển từ xa khỏi các đèn huỳnh quang với khoảng cách hơn 2 mét; nếu không, điều khiển từ xa có thể hỏng.
- Nếu đặt gần các đèn huỳnh quang Loại Bộ đảo điện, điều khiển từ xa thỉnh thoảng có thể không hoạt động.
- Nếu điều khiển từ xa và máy chiếu nằm trong khoảng cách rất gần nhau, điều khiển từ xa có thể không hoạt động.



SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Bật/tắt nguồn máy chiếu



Bật nguồn

1. Cắm chặt dây nguồn và cáp tín hiệu/cáp nguồn. Khi đã kết nối, đèn LED nguồn sẽ chuyển sang màu đỏ.
2. Bật máy chiếu bằng cách nhấn nút  trên bàn phím máy chiếu hoặc nút  trên điều khiển từ xa.
3. Màn hình khởi động sẽ hiển thị trong khoảng 10 giây và đèn LED nguồn sẽ nhấp nháy màu xanh lam.

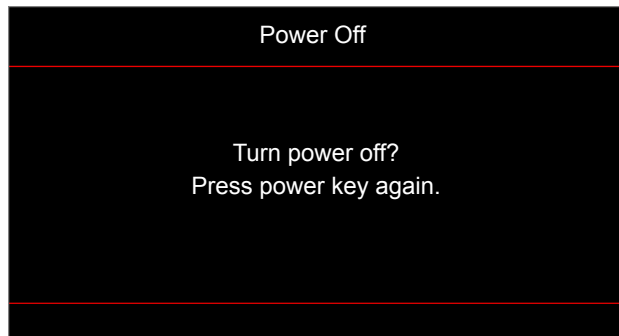
Lưu ý: Lần đầu bật máy chiếu, bạn sẽ được nhắc chọn ngôn ngữ ưu tiên, hướng chiếu và các cài đặt khác.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

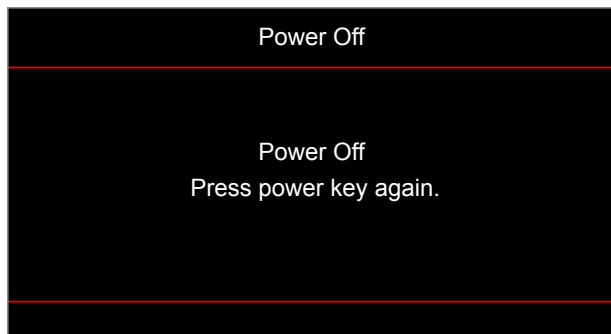
Tắt nguồn

1. Tắt máy chiếu bằng cách nhấn nút  trên bàn phím máy chiếu hoặc nút  trên điều khiển từ xa.
2. Thông báo sau đây sẽ hiển thị:

Mẫu 4K:



Mẫu 1080P:



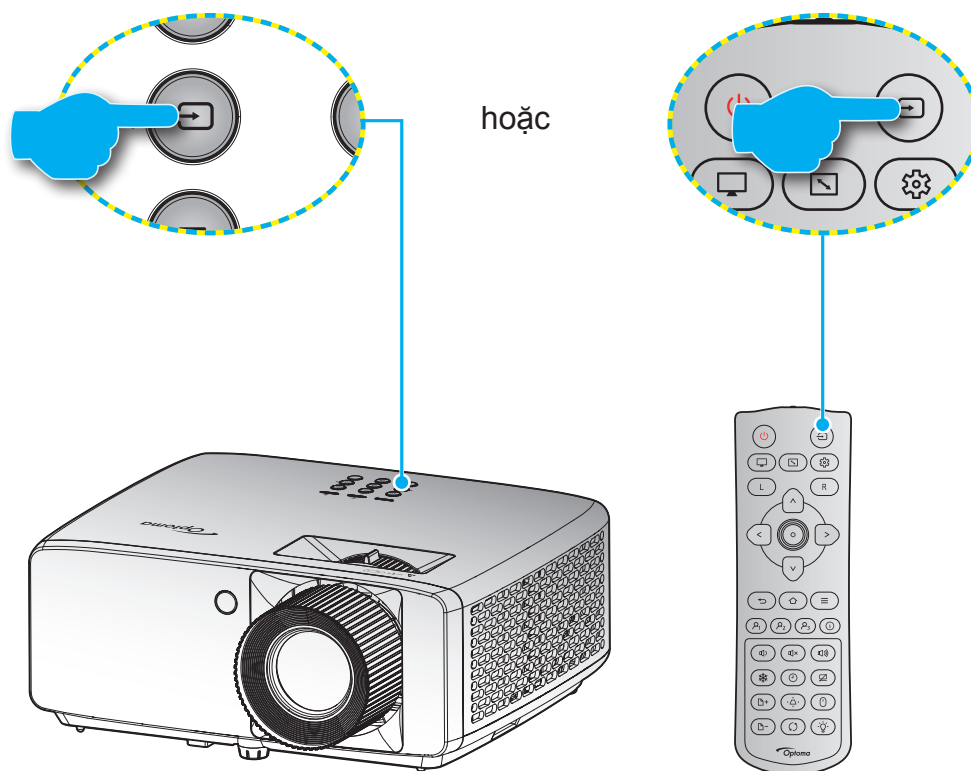
3. Nhấn lại nút / để xác nhận, nếu không thông báo đó sẽ biến mất sau 15 giây. Khi bạn nhấn nút / lần thứ hai, máy chiếu sẽ tắt.
4. Các quạt làm nguội tiếp tục hoạt động khoảng 10 giây theo chu kỳ làm nguội và đèn LED nguồn sẽ nhấp nháy màu xanh lam. Khi đèn LED nguồn chuyển sang một màu đỏ, điều này cho biết máy chiếu đã vào chế độ chờ. Nếu muốn bật máy chiếu trở lại, bạn phải chờ cho đến khi hoàn tất chu trình làm nguội và máy chiếu đã vào chế độ chờ. Khi máy chiếu ở chế độ chờ, chỉ cần nhấn lại nút / để bật máy chiếu.
5. Rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện và máy chiếu.

Lưu ý: Bạn không được bật máy chiếu ngay sau quy trình tắt nguồn.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Chọn nguồn vào

Bật nguồn tín hiệu vừa kết nối mà bạn muốn hiển thị trên màn hình, như máy vi tính, máy tính xách tay, đầu xem video, v.v.... Máy chiếu sẽ tự dò tìm nguồn tín hiệu. Khi kết nối nhiều nguồn tín hiệu, nhấn nút  trên bàn phím máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa để chọn đầu vào mong muốn.

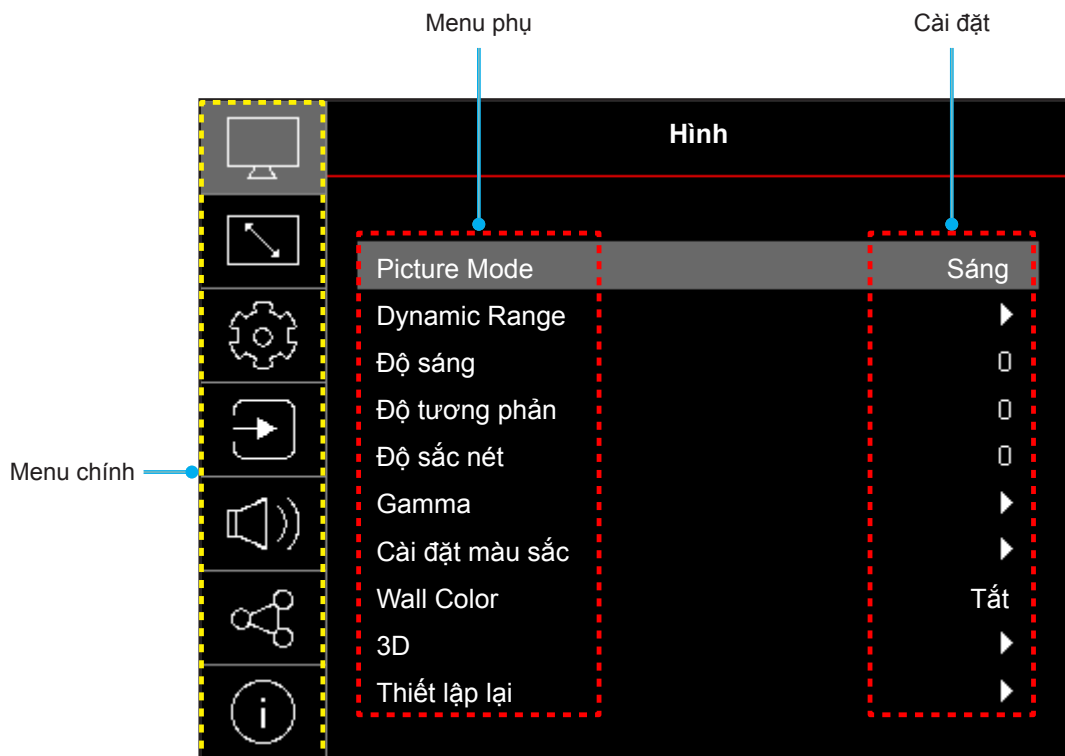


SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Điều hướng menu và các tính năng

Máy chiếu có các menu Hiển thị trên màn hình đa ngữ cho phép bạn điều chỉnh hình ảnh và thay đổi nhiều cài đặt. Máy chiếu sẽ tự động phát hiện nguồn đó.

1. Để mở menu OSD, hãy nhấn giữ nút $\equiv$ trên bàn phím máy chiếu hoặc điều khiển từ xa.
2. Khi menu OSD hiển thị, sử dụng các phím $\wedge/\vee$ để chọn bất kỳ mục nào trong menu chính. Trong khi lựa chọn trên một trang cụ thể, nhấn nút $\bigcirc$ trên bàn phím máy chiếu hoặc điều khiển từ xa để vào menu phụ.
3. Sử dụng các phím $<>$ để chọn mục mong muốn trong menu phụ rồi nhấn nút $\bigcirc$ để xem thêm các cài đặt khác. Chỉnh cài đặt bằng các phím $\wedge \vee < >$.
4. Chọn mục được điều chỉnh tiếp theo trong menu con và điều chỉnh như mô tả ở trên.
5. Nhấn nút $\bigcirc$ để xác nhận và màn hình sẽ trở về menu chính.
6. Để thoát, hãy nhấn lại nút $\equiv$. Menu OSD sẽ đóng và máy chiếu sẽ tự động lưu các cài đặt mới.



SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Sơ đồ menu OSD

Lưu ý: Các mục và tính năng sơ đồ menu OSD tùy thuộc vào mẫu và khu vực. Optoma bảo lưu quyền thêm hoặc bỏ mục để cải thiện hiệu năng của sản phẩm mà không cần báo trước.

Menu chính	Menu phụ	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Giá trị
Hình	Picture Mode			[Không có tín hiệu]
				Sống động
				Sáng
				HDR (Không khả dụng với mẫu WXGA)
				HLG (Không khả dụng với mẫu WXGA)
				Rạp chiếu
				Trò chơi
				Thể thao (Không khả dụng với mẫu WXGA)
				Tham khảo
				DICOM SIM.
				3D
				Golf SIM.
				ISF Day
				ISF Night
				ISF 3D
	Dynamic Range	HDR / HLG (Không khả dụng với mẫu WXGA)		Tắt
		HDR Brightness (Không khả dụng với mẫu 1080P)		Tự động
	Độ sáng			0~10
	Độ tương phản			-50 ~ 50
	Độ sắc nét			-50 ~ 50
	Gamma			1 ~ 15
				Phim
				Đồ họa
				1,8
				2,0
				2,2
	Cài đặt màu sắc			2,4
		Màu sắc		
		Sắc thái		-50 ~ 50
		BrilliantColor™		-50 ~ 50
		Mức độ màu		1 ~ 10
				Ấm
				Standard
				Mát
				Lạnh

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chính	Menu phụ	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Giá trị
Hình	Cài đặt màu sắc	CMS	Màu sắc	Trắng / Đỏ / Lục / Lam / Xanh ngọc / Đỏ thẫm / Vàng
			Màu sắc	-50 ~ 50
			Độ bão hòa	-50 ~ 50
			Tăng cường	-50 ~ 50
			Thiết lập lại	Không
			Thoát	Có
		Không gian màu		RGB(0~255)
				RGB(16~235)
				RGB (Không khả dụng với mẫu 4K)
				YUV
		Mức đen động		Tắt
				Bật
	Wall Color			Tắt
				Bảng đen
				Light Yellow
				Light Green
				Light Blue
				Pink
				Gray
	3D	Chế độ 3D		Tắt
				Bật
		Kỹ thuật 3D		DLP-Link
				3D Sync
		Định dạng 3D		Tự động
				Bên cạnh
				Top and Bottom
				Khung tuần tự
		Chuyển đổi đồng bộ hóa 3D		Tắt
				Bật
		Thiết lập lại		Hủy
				Đồng ý
	Thiết lập lại			Không
				Có
HIỂN THỊ	Vị trí chiếu			(biểu tượng) Mặt trước
				(biểu tượng) Mặt sau
				(biểu tượng) Trần-Phía trên
				(biểu tượng) Mặt sau-Phía trên
	Chế độ nguồn ánh sáng	Eco.		
		Constant Power		100% / 95% / 90% / 85% / 80% / 75% / 70% / 65% / 60% / 55% / 50%
	Low Latency Mode (Không khả dụng với mẫu WXGA)			Tắt
				Bật

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chính	Menu phụ	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Giá trị
HIỂN THỊ	Loại màn chiếu			4:3
				16:9
				16:10
				1:1
				21:9 (Không khả dụng với mẫu WXGA & 1080P)
				Hải quan
	Tỉ lệ khung hình			4:3
				16:9
				16:10
				Full
				Tự nhiên
				Tự động
	Geometric Correction	H Keystone		-30 ~ 30 / -15~15 (với mẫu độ lệch tâm ngắn)
		Chỉnh hình chiều dọc		-30 ~ 30 / -15~15 (với mẫu độ lệch tâm ngắn)
		Four Corners		
		5 x 5 Warp (Không khả dụng với mẫu WXGA & 1080P)		
		Thiết lập lại		
	Zoom kỹ thuật số			-5 ~ 25
	Dịch chuyển hình	 H		-100 ~ 100
		 V		-100 ~ 100
	Dịch chuyển ống kính kỹ thuật số	 H		
		 V		
	Thiết lập lại			Không
				Có
	Tín hiệu ((Không khả dụng với mẫu 4K)	Tự động		Tắt
				Bật
		Tần số		-10 ~ 10
		Pha		0 ~ 31
		Vị trí.Ngang		-5 ~ 5
		Vị trí.Dọc		-5 ~ 5
	Thiết lập lại			Không
				Có
CÀI ĐẶT	Mẫu thử			Tắt
				Khung lưới xanh
				Khung lưới đỏ thẫm
				Khung lưới trắng
				Trắng

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chính	Menu phụ	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Giá trị
CÀI ĐẶT	Ngôn ngữ			English
				عربي
				Čeština
				Dansk
				Nederlands
				فارسی
				Suomi
				Français
				Deutsch
				ελληνικά
				Magyar
				Bahasa Indonesia
				Italiano
				日本語
				한국어
				Norsk
				Polski
				Português
				Română
				Русский
				简体中文
				Español
				Svenska
				ไทย
				繁體中文
				Türkçe
				Tiếng Việt
	Tùy chỉnh Menu	Vị trí thực đơn		(biểu tượng) Ở trên bên trái
				(biểu tượng) Ở trên bên phải
				(biểu tượng) Ở giữa
				(biểu tượng) Ở dưới bên trái
				(biểu tượng) Ở dưới bên phải
		Menu Timer		Tắt
				5s
				10s
				20s
				30s
		Ẩn thông tin		Tắt
				Bật
	Điều chỉnh tốc độ quạt			Tắt
				Bật

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chính	Menu phụ	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Giá trị
CÀI ĐẶT	Điều chỉnh nguồn	Bật nguồn trực tiếp		Tắt
				Bật
		Bật nguồn điện		Tắt
				Bật
		Auto Power Off (min.)		0 ~ 180 (tăng thêm 1 phút)
		Hẹn giờ tắt máy (phút)		0 ~ 990 (tăng thêm 30 phút)
				Không / Có
		Chế độ chờ		Eco.
				Tích cực
				Active (20 mins)
	Bảo mật	12V Trigger		Tắt
				Bật
		Bảo mật		Tắt
				Bật
		Bộ đếm thời gian an toàn		Tháng
				Ngày
	Màn hình khởi động	Đổi mật khẩu		Giờ
				Chế độ mặc định
	Màu nền			Trung tính
				Không
				Lam
				Đỏ
				Lục
				Gray
				Biểu tượng
	Cập nhật hệ thống	Tự động		Tắt
				Bật
	Thiết lập lại	Cập nhật		Tắt / Bật(Hộp thoại)
		Cài đặt OSD		Hủy
				Đồng ý
		Cài đặt mặc định		Hủy
				Đồng ý
Đầu vào	Tự động tìm nguồn tín hiệu			Tắt
				Bật
	Chuyển đổi đầu vào tự động			Tắt
				Bật
	Cài đặt HDMI CEC	Liên kết HDMI		Tắt
				Bật
		Bao gồm TV		Không
				Có
		Liên kết cho bật nguồn		Liên kết tương hỗ
				PJ --> Thiết bị
		Liên kết cho tắt nguồn		Thiết bị --> PJ
				Tắt
				Bật

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chính	Menu phụ	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Giá trị
Đầu vào	Tìm nhanh			Tắt
				Bật
	Thiết lập lại			Không
				Có
	Nguồn tín hiệu vào (Không khả dụng với mẫu 4K)			HDMI 1
				HDMI 2
				VGA (Không khả dụng với mẫu 4K)
Âm thanh	Âm lượng			0 ~ 100
	Tắt âm			Tắt
				Bật
	Định dạng đầu ra kỹ thuật số (Không khả dụng với mẫu WXGA & 1080P)			Bitstream/PCM
	Thiết lập lại			Không
				Có
Điều khiển	ID thiết bị			0 ~ 99
	Thiết lập điều khiển	Chức năng IR		Tắt
				Bật
		User 1		HDMI 1/HDMI 2/Mẫu thử/ Độ sáng/Độ tương phản/ Hẹn giờ tắt máy/ Tinh chỉnh màu/Mức độ màu/ Gamma/ Trình chiếu/ Cài đặt nguồn sáng/ Thu phóng/ Đóng băng [Tùy theo từng mẫu]
				HDMI 1/HDMI 2/Mẫu thử/ Độ sáng/Độ tương phản/ Hẹn giờ tắt máy/ Tinh chỉnh màu/Mức độ màu/ Gamma/ Trình chiếu/ Cài đặt nguồn sáng/ Thu phóng/ Đóng băng [Tùy theo từng mẫu]
				HDMI 1/HDMI 2/Mẫu thử/ Độ sáng/Độ tương phản/ Hẹn giờ tắt máy/ Tinh chỉnh màu/Mức độ màu/ Gamma/ Trình chiếu/ Cài đặt nguồn sáng/ Thu phóng/ Đóng băng [Tùy theo từng mẫu]
		User 2		HDMI 1/HDMI 2/Mẫu thử/ Độ sáng/Độ tương phản/ Hẹn giờ tắt máy/ Tinh chỉnh màu/Mức độ màu/ Gamma/ Trình chiếu/ Cài đặt nguồn sáng/ Thu phóng/ Đóng băng [Tùy theo từng mẫu]
				HDMI 1/HDMI 2/Mẫu thử/ Độ sáng/Độ tương phản/ Hẹn giờ tắt máy/ Tinh chỉnh màu/Mức độ màu/ Gamma/ Trình chiếu/ Cài đặt nguồn sáng/ Thu phóng/ Đóng băng [Tùy theo từng mẫu]
				HDMI 1/HDMI 2/Mẫu thử/ Độ sáng/Độ tương phản/ Hẹn giờ tắt máy/ Tinh chỉnh màu/Mức độ màu/ Gamma/ Trình chiếu/ Cài đặt nguồn sáng/ Thu phóng/ Đóng băng [Tùy theo từng mẫu]
		User 3		HDMI 1/HDMI 2/Mẫu thử/ Độ sáng/Độ tương phản/ Hẹn giờ tắt máy/ Tinh chỉnh màu/Mức độ màu/ Gamma/ Trình chiếu/ Cài đặt nguồn sáng/ Thu phóng/ Đóng băng [Tùy theo từng mẫu]
				HDMI 1/HDMI 2/Mẫu thử/ Độ sáng/Độ tương phản/ Hẹn giờ tắt máy/ Tinh chỉnh màu/Mức độ màu/ Gamma/ Trình chiếu/ Cài đặt nguồn sáng/ Thu phóng/ Đóng băng [Tùy theo từng mẫu]
				HDMI 1/HDMI 2/Mẫu thử/ Độ sáng/Độ tương phản/ Hẹn giờ tắt máy/ Tinh chỉnh màu/Mức độ màu/ Gamma/ Trình chiếu/ Cài đặt nguồn sáng/ Thu phóng/ Đóng băng [Tùy theo từng mẫu]
	Cài đặt bàn phím	Khóa bàn phím		Tắt
				Bật
	LAN	Tình trạng mạng		(chỉ đọc)
		Địa chỉ MAC		(chỉ đọc)
		DHCP		Tắt
				Bật
		Địa chỉ IP		192.168.0.100
		Mặt nạ mạng con		255.255.255.0
		Gateway		192.168.0.254
		DNS 1		192.168.0.51
		DNS 2		0.0.0.0

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chính	Menu phụ	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Giá trị	
Điều khiển	LAN	Cài đặt IPv6	IPv6	Tắt	
				Bật	
			Cấu Hình Tự Động	Bật	
				Manual	
			Temporary Address	Tắt	
				Bật	
			Link Local	(chỉ đọc)	
			Địa chỉ IP	----:----:----:----:----:---- ----:----:----:----:----:----	
			Prefix Length	0~128	
		Gateway	----:----:----:----:----:---- ----:----:----:----:----:----		
	DNS 1	----:----:----:----:----:---- ----:----:----:----:----:----			
	DNS 2	----:----:----:----:----:---- ----:----:----:----:----:----			
	Cài lại				
	Điều khiển	Điều khiển	Crestron		Bật
					Tắt
			Extron		Bật
					Tắt
			Liên kết PJ		Bật
					Tắt
			Phát hiện thiết bị AMX		Bật
					Tắt
			Telnet		Bật
					Tắt
			HTTPS		Bật
					Tắt
			BT Control		Bật
					Tắt
Ủy quyền BT				Bật	
				Tắt	
OMS		Bật			
		Tắt			
Thiết lập lại			Không / Có		
Thông tin	Điều khiển				
	Số Seri				
	Nguồn tín hiệu				
	thông tin màu sắc				
	Light Source Hours				
	Picture Mode				
	ID thiết bị			00 ~ 99	
	Chế độ nguồn ánh sáng				
	OMS			Đã ghép nối/ Chưa ghép nối	

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chính	Menu phụ	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Giá trị
Thông tin	Phiên bản FW	DDP		Cxx
		MCU		Mxx
		LAN		Lxx

- Lưu ý:**
- Một số cài đặt OSD dưới đây có thể không khả dụng. Vui lòng tham khảo OSD thực tế của máy chiếu.
 - Các chức năng sẽ khác nhau tùy vào định nghĩa của từ mẫu máy chiếu.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu hình

Menu chế độ hình ảnh

Bạn có thể chọn một vài chế độ hiển thị được định sẵn để có hình ảnh phù hợp với bạn. Mỗi chế độ đều được tinh chỉnh kỹ càng bởi đội ngũ chuyên gia màu sắc của chúng tôi để đảm bảo hiệu năng màu ưu việt cho nhiều loại nội dung đa dạng.

- **Sống động:** Ở chế độ này, độ bão hòa và độ sáng màu được cân bằng tốt. Chọn chế độ này để chơi game.
- **Sáng:** Chế độ này phù hợp cho môi trường mà cần có mức sáng rất cao, như dùng máy chiếu trong căn phòng nhiều ánh sáng.
- **HDR / HLG:** Mã hóa và hiển thị nội dung Dải Động Cao (HDR)/Hybrid Log Gamma (HLG) đối với các màu đen sâu nhất, màu trắng sáng nhất và màu sắc điện ảnh sống động bằng gam màu REC.2020. Chế độ này sẽ tự động được bật nếu HDR/HLG được đặt thành Bật (và nội dung HDR/HLG được gửi đến máy chiếu - 4K UHD Blu-ray, trò chơi 1080P / 4K UHD HDR/HLG, video phát trực tuyến 4K UHD). Trong khi chế độ HDR/HLG hoạt động, bạn không thể chọn các chế độ hiển thị khác (Điện ảnh, Tham khảo, v.v...) vì HDR/HLG cung cấp màu sắc có độ chính xác cao, vượt quá hiệu suất màu của các chế độ hiển thị khác.
Lưu ý: Tùy chọn này không khả dụng đối với mẫu WXGA.
- **Rạp chiếu:** Đem đến cân bằng hoàn hảo nhất giữa chi tiết và màu sắc khi xem phim.
- **Trò chơi:** Tối ưu hóa máy chiếu của bạn để có độ tương phản tối đa và màu sắc rực rỡ, để bạn có thể nhìn thấy chi tiết bóng khi chơi game.
- **Thể thao:** Tối ưu máy chiếu của bạn để xem thể thao hay chơi game thể thao.
Lưu ý: Tùy chọn này không khả dụng đối với mẫu WXGA.
- **Tham khảo:** Chế độ này tái tạo màu sắc theo sát ý tưởng mà đạo diễn phim mong muốn nhất. Các cài đặt màu, mức độ màu, độ sáng, độ tương phản và gamma đều được định cấu hình theo gam màu Rec.709. Chọn chế độ này để có được màu sắc chuẩn xác nhất để xem phim.
- **DICOM SIM.:** Chế độ này đã được thiết kế để giúp xem hình ảnh thang màu xám, và nó rất hoàn hảo để xem tia X-quang và tia quét trong quá trình đào tạo y tế*.
Lưu ý: *Máy chiếu này không phù hợp để sử dụng trong việc chẩn đoán y tế.
- **3D:** Các cài đặt được tối ưu để xem nội dung 3D.
Lưu ý: Để trải nghiệm hiệu ứng 3D, bạn cần có kính tương thích DLP Link 3D. Xem phần 3D để biết thêm thông tin.
- **Golf SIM.:** Chế độ Golf Sim (Mô phỏng chơi gôn) tăng cường màu sắc và độ tương phản để tạo ra bối cảnh sân golf chân thực với bầu trời xanh sáng hơn, bóng tối tối hơn và màu xanh lá cây chân thực.
- **ISF Day:** Tối ưu hóa hình ảnh với chế độ ISF Day (ISF ngày) cân hiệu chỉnh hoàn hảo và chất lượng hình ảnh cao.
- **ISF Night:** Tối ưu hóa hình ảnh với chế độ ISF Night (ISF đêm) cân hiệu chỉnh hoàn hảo và chất lượng hình ảnh cao.
- **ISF 3D:** Tối ưu hóa hình ảnh với chế độ ISF 3D cân hiệu chỉnh hoàn hảo và chất lượng hình ảnh cao.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu dải rộng hình ảnh

HDR / HLG

Định cấu hình cài đặt Dải Động Cao (HDR) / Nhặt ký lai Gamma (HLG) và hiệu ứng liên quan khi hiển thị video từ đầu đĩa Blu-ray 4K và thiết bị truyền video.

- **Tắt:** Tắt hiệu ứng xử lý HDR/HLG. Khi đã cài sang Tắt, máy chiếu sẽ KHÔNG giải mã nội dung HDR/HLG.
Lưu ý: Tùy chọn này không khả dụng đối với mẫu WXGA.
- **Tự động:** Tự phát hiện tín hiệu HDR/HLG.
Lưu ý: Tùy chọn này không khả dụng đối với mẫu WXGA.

HDR Brightness

Điều chỉnh độ sáng của Nội dung HDR. Tác động của cài đặt này sẽ khác biệt tùy theo nội dung. Điều chỉnh cài đặt này tới mức gần tối đa hoặc tối đa có thể làm mất chi tiết hình ảnh (tùy theo nội dung).

Lưu ý: Tùy chọn này không khả dụng đối với mẫu 1080P.

Menu độ sáng hình ảnh

Điều chỉnh độ sáng của hình ảnh.

Menu độ tương phản hình ảnh

Độ tương phản điều chỉnh mức độ khác nhau giữa các phần sáng nhất và tối nhất của hình.

Menu độ sắc nét hình ảnh

Điều chỉnh độ sắc nét hình ảnh.

Menu gamma hình ảnh

Cài đặt dạng cong gamma. Sau khi hoàn thành thiết lập ban đầu và tinh chỉnh, hãy sử dụng các bước Điều chỉnh gamma để tối ưu hóa đầu ra hình ảnh của bạn.

- **Phim:** Cho nhà hát tại gia.
- **Đồ họa:** Cho nguồn PC/Ảnh.
- **1,8 / 2,0 / 2,2 / 2,4:** Cho nguồn PC/Ảnh cụ thể.

Menu cài đặt màu sắc hình ảnh

Màu sắc

Điều chỉnh hình ảnh video từ đen trắng sang màu bão hòa hoàn toàn.

Sắc thái

Điều chỉnh độ cân bằng màu đỏ và xanh lục.

BrilliantColor™

Mục có thể điều chỉnh này sử dụng thuật toán xử lý màu và tăng cường để cho độ sáng cao hơn mà vẫn tạo ra màu sắc sống động, trung thực trong hình ảnh.

Mức độ màu

Chọn mức độ màu từ Ấm, Standard, Mát hoặc Lạnh.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

CMS

Chọn các tùy chọn sau:

- **Màu sắc:** Chỉnh mức Đỏ, Lục, Đen, Xanh ngọc, Vàng, Đỏ thẫm và Trắng cho hình ảnh.
- **Màu sắc:** Điều chỉnh độ cân bằng màu đỏ và xanh lục.
- **Độ bão hòa:** Điều chỉnh hình ảnh video từ đen trắng sang màu bão hòa hoàn toàn.
- **Tăng cường:** Chỉnh độ sáng cho màu được chọn.
- **Thiết lập lại:** Trở về cài đặt mặc định gốc để chỉnh màu.
- **Thoát:** Quay lại giao diện menu Cài đặt màu sắc.

Không gian màu

Chọn loại khuôn màu thích hợp từ tùy chọn sau: Tự động, RGB(0~255), RGB(16~235), và YUV.

Mức đen động

Dùng để tự động chỉnh độ sáng hình ảnh nhằm đạt hiệu suất độ tương phản tối ưu.

Menu màu tường hình ảnh

Được thiết kế để điều chỉnh màu của hình ảnh được trình chiếu lên tường mà không có tấm nền. Mỗi chế độ đều được tinh chỉnh kỹ càng bởi đội ngũ chuyên gia màu sắc của chúng tôi để đảm bảo hiệu năng màu ưu việt.

Bạn có thể chọn một vài chế độ được định sẵn để có hình ảnh phù hợp màu tường của bạn. Chọn giữa Tắt, Bảng đen, Light Yellow, Light Green, Light Blue, Pink, và Gray.

Lưu ý: Để có màu sắc chính xác, chúng tôi khuyến nghị nên sử dụng màn chiếu.

Menu 3D hình ảnh

Lưu ý: Máy chiếu này là sẵn sàng sử dụng với 3D bằng giải pháp 3D DLP-Link.

- Đảm bảo kính 3D của bạn được sử dụng cho 3D DLP-Link trước khi xem video.
- Máy chiếu này hỗ trợ (lật trang) khung tuần tự 3D qua các cổng HDMI1/HDMI2.
- Để bật chế độ 3D, tỷ lệ khung hình nhập phải được cài sang chỉ 60Hz; tỷ lệ khung hình thấp hơn hoặc cao hơn sẽ không được hỗ trợ.
- Để đạt hiệu suất tối ưu, bạn nên sử dụng độ phân giải 1920x1080; xin lưu ý rằng độ phân giải 4K (3840x2160) không được hỗ trợ ở chế độ 3D.

Chế độ 3D

Dùng chức năng này để bật hoặc tắt chức năng 3D.

- **Tắt:** Chọn “Tắt” để tắt chế độ 3D.
- **Bật:** Chọn “Bật” để bật chế độ 3D.

Kỹ thuật 3D

Sử dụng lựa chọn này để chọn công nghệ 3D.

- **DLP-Link:** Chọn để sử dụng cài đặt tối ưu cho Kính 3D DLP.
- **3D Sync:** Chọn để sử dụng cài đặt tối ưu cho Kính 3D phân cực, IR hoặc RF.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Định dạng 3D

Dùng tùy chọn này để chọn nội dung định dạng 3D thích hợp.

- **Tự động:** Khi tín hiệu nhận dạng 3D được phát hiện, định dạng 3D sẽ được chọn tự động.
- **Bên cạnh:** Hiển thị tín hiệu 3D ở định dạng "Bên cạnh".
- **Top and Bottom:** Hiển thị tín hiệu 3D ở định dạng "Top and Bottom".
- **Khung tuần tự:** Hiển thị tín hiệu 3D ở định dạng "Khung tuần tự".

Chuyển đổi đồng bộ hóa 3D

Dùng tùy chọn này để bật/tắt chức năng Chuyển đổi đồng bộ hóa 3D.

Thiết lập lại

Phục hồi về cài đặt mặc định gốc cho mọi cài đặt 3D.

Menu thiết lập lại hình ảnh

Trở về các cài đặt mặc định gốc cho cài đặt hình ảnh.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu hiển thị

Menu Vị trí chiếu hiển thị

Chọn trình chiếu ưa thích giữa phía trước, phía sau, trần-phía trên và phía sau-phía trên.

Menu chế độ nguồn sáng hiển thị

Chọn một chế độ nguồn sáng tùy theo yêu cầu cài đặt.

Hiển thị menu low latency mode

Bật tính năng này để giảm thời gian phản hồi (độ trễ đầu vào) xuống 8,6ms (1080P tại 120Hz) trong khi chơi game. Tất cả cài đặt hình học (ví dụ: Điều chỉnh vuông hình, 4 góc) sẽ bị tắt khi bật Low Latency Mode. More information is provided below:

Lưu ý:

- Tùy chọn này không khả dụng đối với mẫu WXGA.
- Độ trễ đầu vào của các tín hiệu được mô tả trong bảng sau:
- Các giá trị trong bảng có thể khác nhau một chút.

Định giờ nguồn phát	Trò chơi nâng cao	Định giờ đầu ra	Độ phân giải đầu ra	Độ trễ đầu vào
1080p60	Bật	1080p60	1080p	16,9 mili giây
1080p120	Bật	1080p120	1080p	8,5 mili giây
1080p240	Bật	1080p240	1080p	4,3 mili giây
4K60	Bật	4K60	4K	16,8 mili giây
1080p60	Tắt	1080p60	1080p	33,5 mili giây
1080p120	Tắt	1080p120	1080p	16,9 mili giây
1080p240	Tắt	1080p240	1080p	8,5 mili giây
4K60	Tắt	4K60	4K	33,5 mili giây

Menu loại màn chiếu hiển thị

Chọn loại màn chiếu của hình ảnh gốc trong các tùy chọn sau:

- **4:3:** Thay đổi độ phân giải của hình ảnh gốc thành sang tỷ lệ màn chiếu 4:3.
- **16:9:** Thay đổi độ phân giải của hình ảnh gốc thành sang tỷ lệ màn chiếu 16:9.
- **16:10:** Thay đổi độ phân giải của hình ảnh gốc thành sang tỷ lệ màn chiếu 16:10.
- **1:1:** Thay đổi độ phân giải của hình ảnh gốc thành sang tỷ lệ màn chiếu 1:1.
- **21:9:** Thay đổi độ phân giải của hình ảnh gốc thành sang tỷ lệ màn chiếu 21:9.
- **Lưu ý:** Tùy chọn này không khả dụng đối với mẫu WXGA & 1080P.
- **Hải quan:** Thay đổi độ phân giải của hình ảnh gốc sang tỷ lệ màn chiếu do người dùng xác định.

Lưu ý: Sau khi thay đổi loại màn chiếu, tỷ lệ khung hình sẽ bị tắt.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Hiển thị menu Tỉ lệ khung hình

Chọn tỉ lệ khung hình của hình chiếu trong số các tùy chọn sau:

- **4:3:** Định dạng này áp dụng cho nguồn đầu vào 4:3.
- **16:9:** Định dạng này dành cho nguồn đầu vào 16:9, như HDTV và DVD nâng cao cho TV màn hình rộng.
- **16:10:** Định dạng này dành cho nguồn đầu vào 16:10.
- **Full:** Lấp đầy toàn bộ màn chiếu bằng hình ảnh.
- **Tự nhiên:** Định dạng này hiển thị hình ảnh gốc mà không chia bất kỳ tỉ lệ.
- **Tự động:** Tự động chọn định dạng hiển thị phù hợp.

Bảng chia tỉ lệ 1080p:

Màn hình 16:9	480i/p	576i/p	1080i/p	720p	Máy tính
4x3	Chia tỷ lệ sang 1440x1080				
16x9	Chia tỷ lệ sang 1920x1080				
Tự nhiên	- Đặt trọng tâm hình chiếu 1:1. - Sẽ không thực hiện chia tỷ lệ; hình sẽ hiển thị với độ phân giải dựa trên nguồn đầu vào.				
Tự động	- Nếu chọn chọn tự động định dạng, loại màn chiếu sẽ tự động trở thành 16:9 (1920x1080). - Nếu nguồn vào là 4:3 thì loại màn hình sẽ có tỷ lệ là 1440 x1080. - Nếu nguồn vào là 16:9, loại màn hình sẽ có tỉ lệ là 1920x1080. - Nếu nguồn vào là 16:10, loại màn hình sẽ tự động đổi sang 1920x1200 và cắt vùng 1920x1080 để hiển thị.				

Quy tắc tự bộ trí 1080P:

Tự động	Độ phân giải đầu vào		Tự động/Chia tỉ lệ	
	Độ phân giải ngang	Độ phân giải dọc	1920	1080
4:3	640	480	1440	1080
	800	600	1440	1080
	1024	768	1440	1080
	1280	1024	1440	1080
	1400	1050	1440	1080
	1600	1200	1440	1080
Laptop màn hình rộng	1280	720	1920	1080
	1280	768	1800	1080
	1280	800	1728	1080
SDTV	720	576	1350	1080
	720	480	1620	1080
HDTV	1280	720	1920	1080
	1920	1080	1920	1080

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Bảng tỉ lệ 4K UHD DMD

Màn hình 16:9	480i/p	576i/p	720p	1080i/p	2160p
4x3	Chia tỉ lệ thành 2880 x 2160				
16x9	Chia tỉ lệ thành 3840 x 2160				
21x9	Chia tỉ lệ thành 3840 x 1644				
32x9	Chia tỉ lệ thành 3840 x 1080				
V-Stretch	Lấy hình ảnh trung tâm 3840 x 1620 và sau đó chia tỉ lệ hiển thị thành 3840 x 2160				
Toàn màn hình	Phóng to đến 5068 x 2852 (Phóng to 132%), sau đó lấy hình ảnh trung tâm 3840x2160				
Tự động	Nếu nguồn là 4:3, tự động thay đổi kích thước thành 2880 x 2160				

Quy tắc ánh xạ tự động 4K UHD DMD

Tự động	Độ phân giải đầu vào		Tự động/Chia tỉ lệ	
	Độ phân giải ngang	Độ phân giải dọc	3840	2160
4:3	800	600	2880	2160
	1024	768	2880	2160
	1280	1024	2880	2160
	1400	1050	2880	2160
	1600	1200	2880	2160
Laptop màn hình rộng	1280	720	3840	2160
	1280	768	3600	2160
	1280	800	3456	2160
SDTV	720	576	2700	2160
	720	480	3240	2160
HDTV	1280	720	3840	2160
	1920	1080	3840	2160

Bảng chia tỉ lệ 4K:

Màn hình 16:9	480i/p	576i/p	1080i/p	720p	Máy tính
4x3	Chia tỷ lệ sang 2880x2160.				
16x9	Chia tỷ lệ sang 3840x2160.				
21x9	Chia tỷ lệ sang 3840x1644				
32x9	Chia tỷ lệ sang 3840x1080				
V-Stretch	Lấy ảnh trung tâm 3840x1620, sau đó chia tỷ lệ thành 3840x2160 để hiển thị.				
Toàn màn hình	Chia tỷ lệ sang 5068x2852 (phóng to 132%), sau đó lấy ảnh trung tâm 3840x2160				
Tự động	- Nếu nguồn là 4:3, thì kích thước tự động đổi thành 2880x2160.				

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Quy tắc ánh xạ tự động 4K:

Tự động	Độ phân giải đầu vào		Tự động/Chia tỉ lệ	
	Độ phân giải ngang	Độ phân giải dọc	3840	2160
4:3	800	600	2880	2160
	1024	768	2880	2160
	1280	1024	2880	2160
	1400	1050	2880	2160
	1600	1200	2880	2160
Laptop màn hình rộng	1280	720	3840	2160
	1280	768	3600	2160
	1280	800	3456	2160
SDTV	720	576	2700	2160
	720	480	3240	2160
HDTV	1280	720	3840	2160
	1920	1080	3840	2160

Hiện thị menu hiệu chỉnh hình học

Chỉnh hình chiều dọc

Điều chỉnh độ méo hình ảnh theo chiều dọc và tạo hình ảnh vuông. Chỉnh vuông hình dọc được dùng để chỉnh sửa hình chiếu méo có biên phía trên và dưới bị nghiêng về một bên. Chức năng này nhằm mục đích sử dụng với các ứng dụng trực dọc.

H Keystone

Điều chỉnh độ méo hình ảnh theo chiều ngang và tạo hình ảnh vuông. Chỉnh vuông hình ngang được dùng để chỉnh sửa hình chiếu méo có biên bên trái và bên phải không đều nhau. Chức năng này nhằm mục đích sử dụng với các ứng dụng trực ngang.

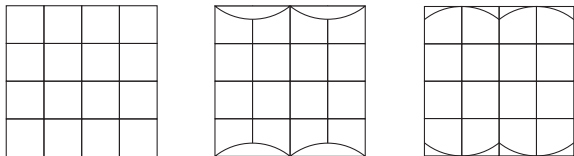
Four Corners

Cài đặt này cho phép hình ảnh được chiếu được điều chỉnh từ mỗi góc để tạo hình ảnh vuông góc khi mặt phẳng chiếu không phẳng.

5 x 5 Warp

Sử dụng chức năng warping để điều chỉnh hình ảnh sao cho khớp với viền của bề mặt chiếu (màn chiếu) hoặc để loại bỏ hiện tượng méo hình (do bề mặt không phẳng gây ra).

Lưu ý: Tùy chọn này không khả dụng đối với mẫu WXGA & 1080P.



SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Thiết lập lại

Khôi phục cài đặt gốc cho cài đặt hiệu chỉnh hình học.

Hiện thị menu zoom số

Sử dụng để thu nhỏ hoặc phóng to hình trên màn hình chiếu. Zoom kỹ thuật số không giống như zoom quang học vì nó làm giảm chất lượng hình ảnh.

Lưu ý: Các cài đặt thu phóng vẫn được giữ lại khi tắt đi và bật lại máy chiếu.

Hiện thị menu Dịch chuyển hình ảnh

Điều chỉnh vị trí hình chiếu theo chiều ngang (H) hoặc dọc (V).

Hiện thị menu dịch chuyển ống kính kỹ thuật số

Điều chỉnh vị trí hình ảnh trình chiếu theo chiều ngang (H) hoặc chiều dọc (V) mà không vượt ra ngoài các cạnh của màn chiếu.

Hiện thị menu tín hiệu

Tự động

Tự động định cấu hình tín hiệu (các mục Tần số và Pha sẽ chuyển sang màu xám). Nếu tùy chọn Tự động đang tắt, các mục Tần số và Pha sẽ hiển thị để điều chỉnh và lưu lại cài đặt.

Tần số

Thay đổi tần số dữ liệu hiển thị cho phù hợp với tần số của card đồ họa máy tính. Chỉ sử dụng chức năng này khi hình ảnh dường như bị nháy theo chiều dọc.

Pha

Đồng bộ chức năng định giờ tín hiệu của màn hình với card đồ họa. Nếu hình ảnh xuất hiện không ổn định hoặc nhấp nháy, sử dụng chức năng này để điều chỉnh.

Vị trí.Ngang

Chỉnh vị trí nằm ngang của hình chiếu.

Vị trí.Dọc

Chỉnh vị trí nằm dọc của hình chiếu.

Lưu ý:

- Menu này không khả dụng đối với mẫu 4K.
- Menu này chỉ có sẵn khi nguồn tín hiệu đầu vào là VGA.

Menu thiết lập lại hiển thị

Khôi phục cài đặt gốc của các cài đặt hiển thị.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu thiết lập

Menu thiết lập mẫu thử

Chọn mẫu kiểm tra từ Khung lưới xanh, Khung lưới đỏ thẫm, Khung lưới trắng, Trắng hoặc tắt chức năng này (Tắt).

Menu thiết lập ngôn ngữ

Chọn menu OSD đa ngôn ngữ.

Menu thiết lập cài đặt

Vị trí thực đơn

Chọn vị trí menu trên màn hình hiển thị.

Menu Timer

Cài thời lượng nơi mà menu OSD vẫn hiển thị trên màn hình.

Ẩn thông tin

Bật chức năng này để ẩn thông báo thông tin.

Menu thiết lập tăng tốc quạt

Khi chọn “Bật”, các quạt sẽ quay nhanh hơn. Tính năng này hữu ích tại các khu vực có nhiều độ cao nơi mà ít không khí.

Menu thiết lập tùy chỉnh nguồn

Bật nguồn trực tiếp

Chọn “Bật” để kích hoạt chế độ Nguồn trực tiếp. Máy chiếu sẽ tự động bật nguồn khi được có nguồn điện AC mà không cần ấn nút “Nguồn” trên bàn phím máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa.

Bật nguồn điện

Chọn “Bật” để kích hoạt chế độ Nguồn tín hiệu. Máy chiếu sẽ tự động bật nguồn khi tín hiệu đã được phát hiện, mà không cần nhấn phím “Nguồn” trên bàn phím máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa.

Lưu ý:

- Nếu “Bật” tùy chọn “Bật nguồn điện”, mức tiêu thụ điện của máy chiếu ở chế độ chờ sẽ lớn hơn 3W.
- Chức năng này có thể được áp dụng với nguồn tín hiệu HDMI.

Auto Power Off (min.)

Đặt thời gian cho bộ đếm giờ ngược. Bộ đếm giờ ngược sẽ bắt đầu chạy khi không có tín hiệu nào được gửi đến máy chiếu. Máy chiếu sẽ tự động tắt nguồn khi hết thời gian đếm ngược (tính theo phút).

Hẹn giờ tắt máy (phút)

Đặt thời gian cho bộ đếm giờ ngược. Bộ đếm giờ ngược sẽ bắt đầu chạy khi có hoặc không có tín hiệu nào được gửi đến máy chiếu. Máy chiếu sẽ tự động tắt nguồn khi hết thời gian đếm ngược (tính theo phút).

Lưu ý: Hẹn giờ tắt máy sẽ được cài lại mỗi khi tắt nguồn máy chiếu.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Chế độ chờ

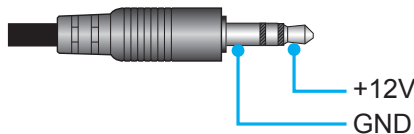
Thiết lập cài đặt chế độ nguồn.

- **Eco.:** Chọn “Eco.” để tiết kiệm thêm mức tiêu hao điện dưới 0,5W.
- **Tích cực:** Chọn “Tích cực” để trở về chế độ bình thường.
- **Active (20 mins):** Chọn “Active (20 mins)” để công suất giảm xuống dưới 0,5W sau 20 phút.

12V Trigger

Dùng chức năng này để bật hoặc tắt bộ khởi động.

Lưu ý: Giắc cắm mini 3,5mm dẫn dòng điện ra 12V 500mA (tối đa) để điều khiển hệ thống role.



- **Bật:** Chọn “Bật” để bật bộ khởi động.
- **Tắt:** Chọn “Tắt” để tắt bộ khởi động.

Thiết lập menu bảo mật

Bảo mật

Bật chức năng này để nhắc nhập mật khẩu trước khi sử dụng máy chiếu.

- **Bật:** Chọn “Bật” để sử dụng xác nhận bảo mật khi bật máy chiếu.
- **Tắt:** Chọn “Tắt” để có thể bật máy chiếu mà không cần xác nhận mật khẩu.

Bộ đếm thời gian an toàn

Có thể chọn chức năng (Tháng/Ngày/Giờ) để cài đặt số giờ mà máy chiếu có thể được sử dụng. Một khi thời gian này đã qua, bạn sẽ được yêu cầu nhập lại mật khẩu.

Đổi mật khẩu

Dùng để cài hoặc sửa mật khẩu được báo nhắc khi bật máy chiếu.

Menu thiết lập logo khởi động

Sử dụng chức năng này để cài đặt màn hình khởi động mong muốn. Nếu thực hiện các thay đổi, chúng sẽ có hiệu lực ở lần bật máy chiếu tiếp theo.

- **Chế độ mặc định:** Màn hình khởi động mặc định.
- **Người dùng:** Công cụ chụp hình nền được yêu cầu.
Lưu ý:
 - *Menu này không khả dụng đối với mẫu 4K.*
 - *Hãy truy cập trang web để tải xuống công cụ chụp logo.*
Định dạng file hỗ trợ: png/bmp/jpg.
- **Trung tính:** Logo sẽ không hiển thị trên màn hình khởi động.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu thiết lập màu nền

Sử dụng chức năng này để hiển thị màu Lam, Đỏ, Lục, Màu xám, Không hoặc màn hình biểu tượng khi không có tín hiệu.

Lưu ý: Nếu màu nền được thiết lập thành “Không”, khi đó màu nền là màu đen.

Cài đặt menu cập nhật hệ thống

Tự động

Hệ thống sẽ tự động dò tìm các bản cập nhật mỗi khi máy chiếu được kết nối với Internet (OTA).

Cập nhật

Cập nhật firmware hệ thống theo cách thủ công.

Thiết lập menu cài lại

Cài đặt OSD

Phục hồi cài đặt mặc định gốc cho thiết lập menu OSD.

Cài đặt mặc định

Phục hồi về cài đặt mặc định gốc cho mọi cài đặt.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu nguồn vào

Menu nguồn vào tự động

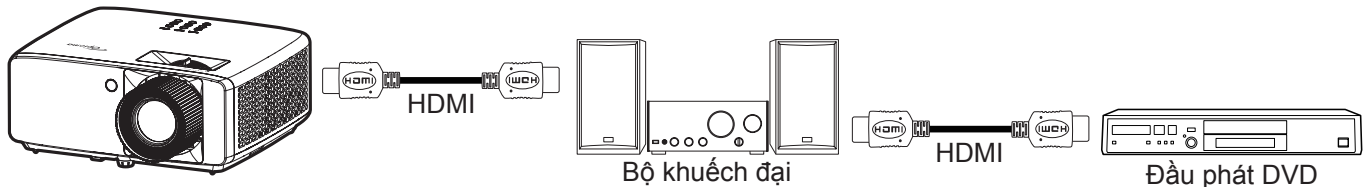
Chọn tùy chọn này để cho phép máy chiếu tự động tìm nguồn đầu vào khả dụng.

Menu tự động chuyển đổi nguồn vào

Máy chiếu sẽ tự động đổi nguồn tín hiệu vào khi phát hiện tín hiệu HDMI.

Menu cài đặt nguồn vào HDMI CEC

Lưu ý: Khi kết nối các thiết bị tương thích chuẩn HDMI CEC với máy chiếu bằng các cáp HDMI, bạn có thể kiểm soát chúng trên cùng tình trạng **Bật nguồn** hoặc **Tắt nguồn** qua tính năng kiểm soát **Liên kết HDMI** trên menu OSD của máy chiếu. Tùy chọn này cho phép bật nguồn hoặc tắt nguồn một thiết bị hoặc nhiều thiết bị trong một nhóm qua Tính năng **Liên kết HDMI** trong cấu hình chuẩn và đầu phát DVD của bạn có thể được kết nối với máy chiếu thông qua bộ âm li hoặc hệ thống nhà hát tại gia.



Liên kết HDMI

Bật/tắt chức năng Liên kết HDMI.

Bao gồm TV

Nếu được đặt thành “Có” thì sẽ có tùy chọn liên kết bật nguồn và tắt nguồn.

Liên kết cho bật nguồn

Lệnh bật nguồn CEC.

- **Liên kết tương hỗ:** Cả máy chiếu và thiết bị CEC sẽ được bật cùng một lúc.
- **PJ --> Thiết bị:** Thiết bị CEC sẽ được bật chỉ sau khi đã bật máy chiếu.
- **Thiết bị --> PJ:** Máy chiếu sẽ được bật chỉ sau khi đã bật thiết bị CEC.

Liên kết cho tắt nguồn

Bật chức năng này để cho phép cả Liên kết HDMI và máy chiếu được tắt tự động cùng một lúc.

Mở menu tìm kiếm nhanh nguồn vào

Chọn có tìm kiếm tín hiệu với tốc độ nhanh hơn hay không.

- **Bật:** Chọn “Bật” để giảm thời gian tìm kiếm tín hiệu.
- **Tắt:** Chọn “Tắt” để khôi phục thời gian tìm kiếm tín hiệu về mức bình thường.

Lưu ý: Việc bật chức năng này có thể ảnh hưởng đến độ ổn định của một số thiết bị.

Menu thiết lập lại nguồn vào

Khôi phục cài đặt gốc của các cài đặt đầu vào.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu Âm thanh

Menu Âm lượng

Chỉnh mức âm lượng.

Menu Tắt tiếng

Dùng tùy chọn này để tạm tắt âm.

- **Bật:** Chọn "Bật" để mở tiếng.
- **Tắt:** Chọn "Tắt" để tắt tiếng.

Lưu ý: Chức năng "Tắt âm" có ảnh hưởng đến cả âm lượng của loa trong và ngoài.

Menu định dạng đầu ra kỹ thuật số của âm thanh

Chọn định dạng đầu ra kỹ thuật số giữa Bitstream và PCM.

Lưu ý: Menu này không khả dụng đối với mẫu WXGA & 1080P.

Menu thiết lập lại âm thanh

Khôi phục cài đặt gốc của các cài đặt âm thanh.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu Điều khiển

Menu điều chỉnh ID thiết bị

Có thể thiết lập định nghĩa Mã nhận dạng (ID) qua menu (biên độ từ 0-99), và cho phép người dùng điều khiển máy chiếu cá nhân bằng lệnh RS232.

Lưu ý: Để biết danh sách lệnh đầy đủ của RS232, vui lòng tham khảo sổ hướng dẫn sử dụng RS232 trên trang web của chúng tôi.

Menu cài đặt điều khiển

Chức năng IR

Thiết lập cài đặt chức năng IR.

- **Bật:** Khi chọn “Bật”, máy chiếu có thể được khởi động bằng điều khiển từ xa từ bộ thu hồng ngoại ở mặt trên và mặt trước.
- **Tắt:** Nếu chọn “Tắt”, bạn không thể sử dụng máy chiếu bằng điều khiển từ xa. Khi chọn “Tắt”, bạn sẽ có thể sử dụng bàn phím.

User 1 / User 2 / User 3

Gán chức năng mặc định cho User 1, User 2, hoặc User 3 giữa HDMI 1, HDMI 2, Mẫu thử, Độ sáng, Độ tương phản, Hẹn giờ tắt máy, Tinh chỉnh màu, Mức độ màu, Gamma, Trình chiếu, Cài đặt nguồn sáng, Thu phóng và Đóng băng.

Lưu ý: Khả năng sử dụng các chức năng Người dùng 1 / Người dùng 2 / Người dùng 3 phụ thuộc vào loại điều khiển từ xa. Bộ cục điều khiển từ xa có thể khác nhau tùy theo khu vực.

Menu cài đặt bàn phím

Khóa bàn phím

Khi chức năng khóa bàn phím là “Bật”, bàn phím sẽ bị khóa. Tuy nhiên, bạn có thể sử dụng máy chiếu bằng điều khiển từ xa. Khi chọn “Tắt”, bạn sẽ có thể sử dụng lại Bàn phím.

Menu điều chỉnh LAN

Định cấu hình cài đặt mạng của máy chiếu.

Tình trạng mạng

Hiển thị tình trạng kết nối mạng. (Chỉ đọc)

Địa chỉ MAC

Hiển thị địa chỉ MAC. (Chỉ đọc)

DHCP

Bật DHCP để tự động lấy địa chỉ IP, Mặt nạ mạng con, gateway và DNS.

Địa chỉ IP

Chỉ định địa chỉ IP của máy chiếu.

Mặt nạ mạng con

Chỉ định mặt nạ cấp dưới của máy chiếu.

Gateway

Chỉ định gateway của máy chiếu.

DNS 1/DNS 2

Chỉ định DNS của máy chiếu.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Cài đặt IPv6

Cấu hình cài đặt mạng IPv6 của máy chiếu.

- IPv6
Bật và tắt tính năng IPv6.
- Cấu Hình Tự Động
Thiết lập phương thức cấu hình tự động cho địa chỉ IPv6.
- Temporary Address
Quản lý địa chỉ IPv6 tạm thời.
- Link Local
Liên quan đến địa chỉ liên kết cục bộ.
- Địa chỉ IP
Chỉ định địa chỉ IP của máy chiếu.
- Prefix Length
Độ dài tiền tố của địa chỉ IPv6.
- Gateway
Chỉ định gateway của máy chiếu.
- DNS 1/DNS 2
Chỉ định DNS của máy chiếu.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Cách sử dụng trình duyệt web để điều khiển máy chiếu của bạn

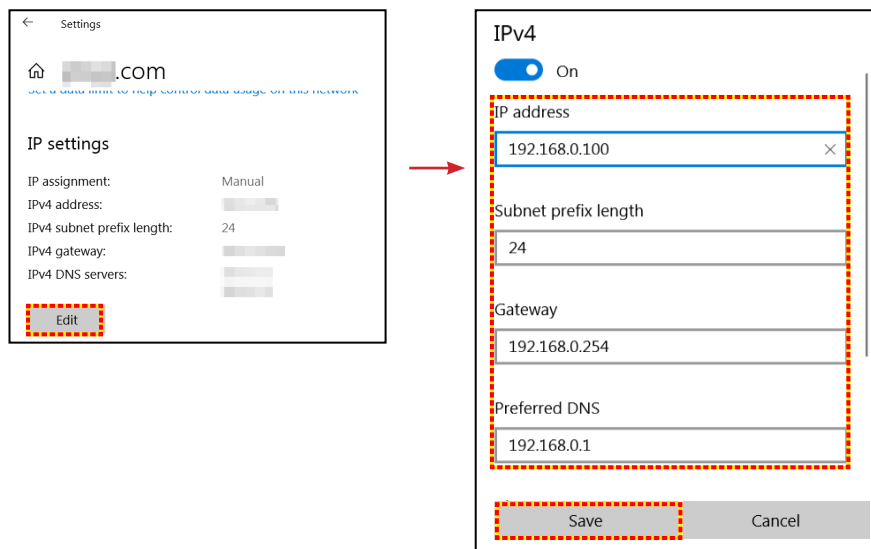
1. “Bật” tùy chọn DHCP trên máy chiếu để cho phép máy chủ DHCP tự động gán địa chỉ IP.
2. Mở trình duyệt web trên PC và nhập địa chỉ IP của máy chiếu (“Điều khiển > LAN > Địa chỉ IP”).
3. Nhập tên người dùng và mật khẩu, và nhấp “Đăng nhập”.
Giao diện web cấu hình máy chiếu sẽ mở ra.

Lưu ý:

- Tên người dùng và mật khẩu mặc định là “admin”.
- Các bước trong phần này dựa trên hệ điều hành Windows 10.

Thực hiện kết nối trực tiếp từ máy tính của bạn với máy chiếu*

1. Chuyển tùy chọn DHCP sang “Tắt” trên máy chiếu.
2. Định cấu hình Địa chỉ IP, Mặt nạ mạng con, Gateway và DNS trên máy chiếu (“Điều khiển > LAN”).
3. Mở trang **Mạng và Internet** trên PC, và gán các thông số mạng tương tự cho PC như đã thiết lập trên máy chiếu. Nhấp “Đồng ý” để lưu lại các thông số.



4. Mở trình duyệt web trên PC của bạn và nhập vào mục URL địa chỉ IP đã được gán ở bước 3. Sau đó nhấn phím “Enter”.

Thiết lập lại

Thiết lập lại cài đặt mạng về giá trị mặc định gốc.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu điều chỉnh điều khiển

Bạn có thể điều khiển máy chiếu này từ xa bằng một máy tính hoặc thiết bị bên ngoài thông qua kết nối mạng có dây. Làm như vậy cho phép người dùng điều khiển một hoặc nhiều máy chiếu từ một trung tâm điều khiển từ xa, ví dụ như bật hoặc tắt máy chiếu, điều chỉnh độ sáng hoặc độ tương phản của hình ảnh.

Dùng menu phụ Điều khiển để chọn thiết bị điều khiển cho máy chiếu.

Crestron

Điều khiển máy chiếu bằng bộ điều khiển Crestron và phần mềm liên quan. (Cổng: 41794)

Để biết thêm thông tin, truy cập <https://www.crestron.com>.

Extron

Điều khiển máy chiếu bằng thiết bị Extron. (Cổng: 2023)

Để biết thêm thông tin, truy cập <https://www.extron.com>.

Liên kết PJ

Điều khiển máy chiếu bằng lệnh PJLink v2.0. (Cổng: 4352)

Để biết thêm thông tin, truy cập <https://pjlink.jbmia.or.jp/english>.

Phát hiện thiết bị AMX

Điều khiển máy chiếu bằng thiết bị AMX. (Cổng: 9131)

Để biết thêm thông tin, truy cập <https://www.amx.com>.

Telnet

Điều khiển máy chiếu bằng lệnh RS232 qua kết nối Telnet. (Cổng: 23)

Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo "Chức năng RS232 by Telnet" ở trang 64.

HTTPS

Điều khiển máy chiếu bằng trình duyệt web. (Cổng: 443)

Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo "Cách sử dụng trình duyệt web để điều khiển máy chiếu của bạn" ở trang 53.

BT Control

Kết nối Bluetooth dongle để vận hành máy chiếu.

Ủy quyền BT

Sử dụng mật khẩu LAN để ủy quyền kết nối Bluetooth.

OMS

Điều khiển máy chiếu bằng Optoma OMS.

Lưu ý:

- Crestron là thương hiệu đã đăng ký của Crestron Electronics, Inc. tại Mỹ.
- Extron là thương hiệu đã đăng ký của Extron Electronics, Inc tại Mỹ.
- AMX là thương hiệu đã đăng ký của AMX LLC tại Mỹ.
- PJLink được áp dụng cho giấy phép đăng ký thương hiệu và logo tại Nhật, Mỹ và các quốc gia khác bởi JBMIA.
- Để có thêm thông tin về các loại thiết bị ngoại vi khác nhau vốn có thể được kết nối với cổng LAN/RJ45 và điều khiển máy chiếu từ xa, cũng như các lệnh hỗ trợ cho các thiết bị ngoại vi này, vui lòng liên hệ trực tiếp với Nhóm Hỗ trợ Dịch vụ.

Đổi mật khẩu

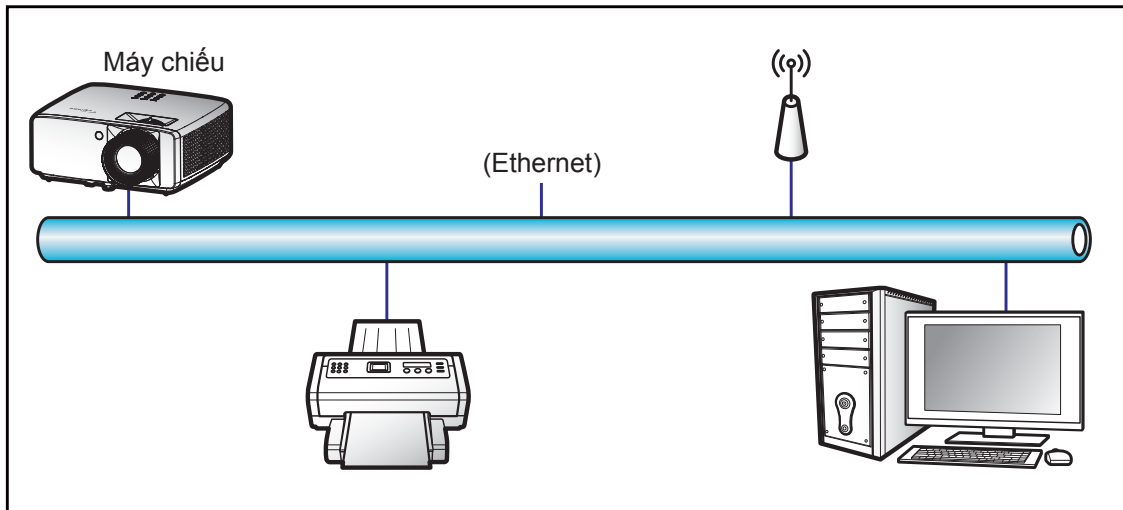
Thay đổi mật khẩu LAN.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu Thiết lập cài đặt kiểm soát mạng.

Chức năng LAN RJ45

Để người dùng vận hành đơn giản và tiện lợi, máy chiếu cung cấp nhiều tính năng kết nối mạng và quản lý từ xa. Chức năng LAN/RJ45 của máy chiếu qua mạng như quản lý từ xa: Các cài đặt Bật/Tắt nguồn, Độ sáng và Độ tương phản. Ngoài ra, bạn có thể xem thông tin tình trạng máy chiếu như: Nguồn video, Tắt âm, v.v...



Chức năng đầu cuối mạng LAN có dây

Có thể điều khiển máy chiếu này bằng PC (laptop) hoặc thiết bị ngoại vi khác qua cổng LAN/RJ45 và tương thích với Crestron/Extron/AMX (Device Discovery)/PJLink.

- Crestron là thương hiệu đã đăng ký của Crestron Electronics, Inc. tại Mỹ.
- Extron là thương hiệu đã đăng ký của Extron Electronics, Inc tại Mỹ.
- AMX là thương hiệu đã đăng ký của AMX LLC tại Mỹ.
- PJLink được áp dụng cho giấy phép đăng ký thương hiệu và logo tại Nhật, Mỹ và các quốc gia khác bởi JBMIA.

Máy chiếu được hỗ trợ bởi các lệnh quy định từ bộ điều khiển và phần mềm liên quan của Crestron Electronics, ví dụ như RoomView®.

<https://www.crestron.com/>

Máy chiếu này tương thích để hỗ trợ (các) thiết bị tham chiếu Extron.

<https://www.extron.com/>

Máy chiếu này được hỗ trợ bởi AMX (Device Discovery).

<https://www.amx.com/>

Máy chiếu này hỗ trợ tất cả các lệnh của PJLink Loại 1 (Phiên bản 1.00).

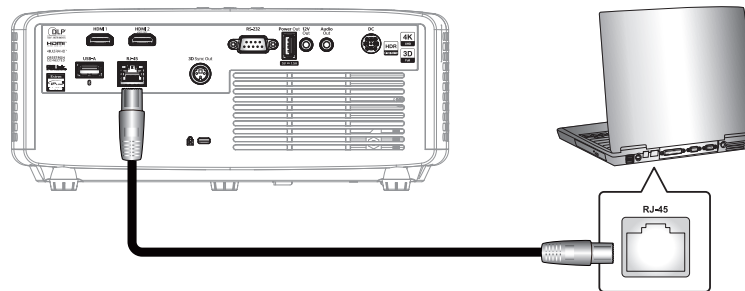
<https://pjlink.jbmia.or.jp/english/>

Để có thêm thông tin chi tiết về các loại thiết bị ngoại vi khác nhau vốn có thể được kết nối với cổng LAN/RJ45 và điều khiển máy chiếu từ xa, cũng như các lệnh hỗ trợ cho các thiết bị ngoại vi này, vui lòng liên hệ trực tiếp với Nhóm Hỗ trợ Dịch vụ.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

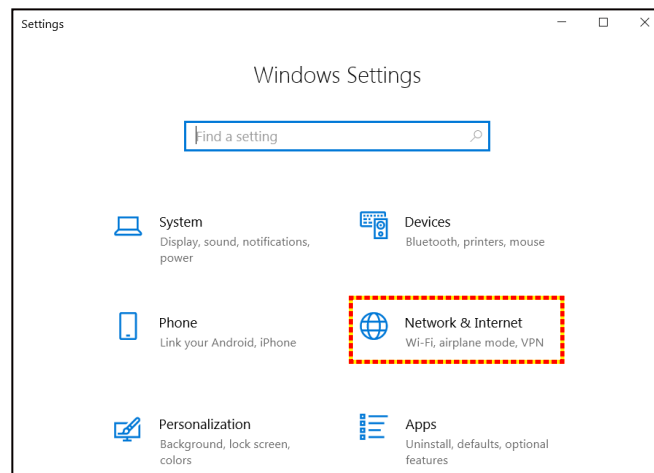
LAN RJ45

1. Cắm cáp RJ45 vào các cổng RJ45 trên máy chiếu và PC (laptop).

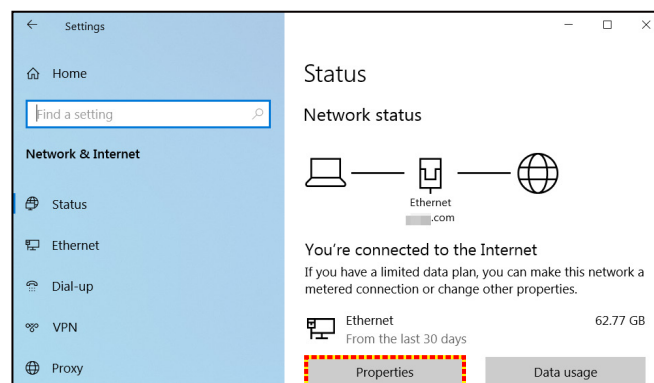


Lưu ý: Cổng I/O khả dụng khác nhau tùy từng mẫu.

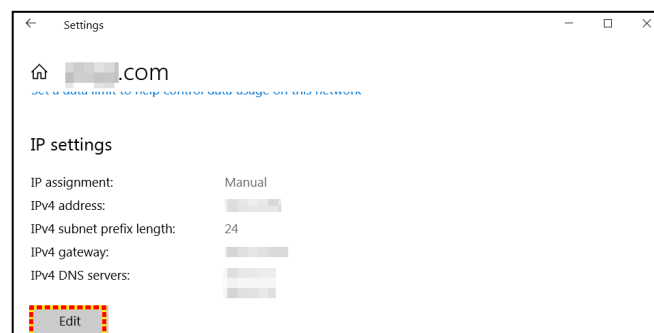
2. Trên PC (Laptop), chọn **Bắt đầu** > **Cài đặt** > **Mạng và Internet**.



3. Trong phần **Ethernet**, chọn **Thuộc tính**.

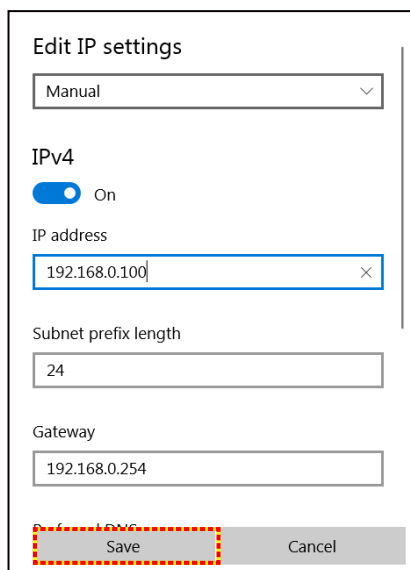


4. Trong phần **Cài đặt IP**, chọn **Chỉnh sửa**.



SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

5. Điền các mục địa chỉ IP và Gateway rồi chọn "Lưu".



Edit IP settings

Manual

IPv4

On

IP address

192.168.0.100

Subnet prefix length

24

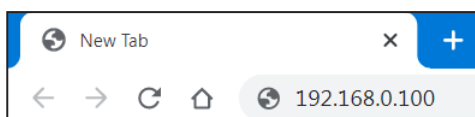
Gateway

192.168.0.254

DNS

Save Cancel

6. Nhấn nút "Menu" trên máy chiếu.
7. Mở trên máy chiếu **Điều khiển > LAN**.
8. Nhập các thông số kết nối sau:
- DHCP: Tắt
 - Địa chỉ IP: 192.168.0.100
 - Mặt nạ mạng con: 255.255.255.0
 - Gateway: 192.168.0.254
 - DNS: 192.168.0.51
9. Nhấn "Enter" để xác nhận các cài đặt.
10. Mở trình duyệt web, chẳng hạn như Microsoft Edge hoặc Chrome với phiên bản Adobe Flash Player 9.0 trở lên.
11. Trong thanh Address, nhập địa chỉ IP của máy chiếu: 192.168.0.100.



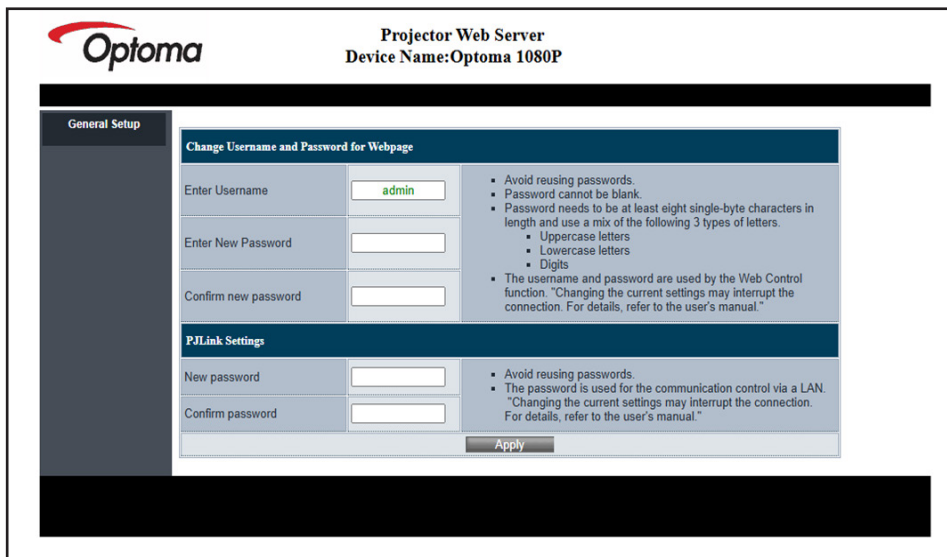
12. Nhấn "Enter".

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Máy chiếu được cài đặt để quản lý từ xa. Chức năng LAN/RJ45 sẽ hiển thị như sau:

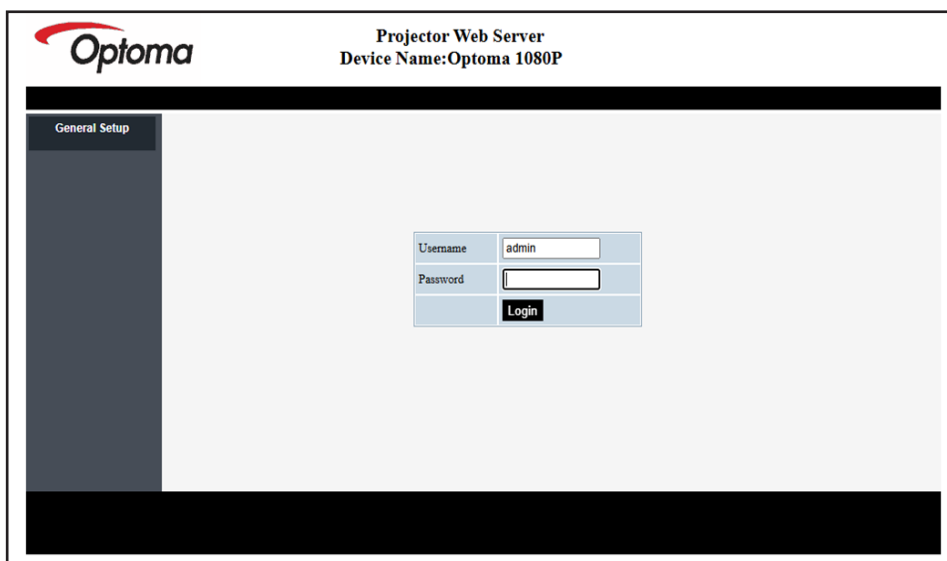
Đăng nhập

Khi bạn mở trang web này lần đầu, bạn sẽ nhìn thấy màn hình như ở phía dưới.
Vui lòng nhập mật khẩu người dùng hợp lệ.



The screenshot shows the 'Optoma Projector Web Server' interface for 'Device Name: Optoma 1080P'. On the left is a 'General Setup' sidebar. The main area is titled 'Change Username and Password for Webpage'. It contains three input fields: 'Enter Username' (with 'admin' entered), 'Enter New Password', and 'Confirm new password'. To the right of these fields is a list of password requirements: 'Avoid reusing passwords', 'Password cannot be blank', 'Password needs to be at least eight single-byte characters in length and use a mix of the following 3 types of letters' (Uppercase letters, Lowercase letters, Digits), and 'The username and password are used by the Web Control function. Changing the current settings may interrupt the connection. For details, refer to the user's manual.' Below these fields is a 'PJLink Settings' section with 'New password' and 'Confirm password' fields, and another set of password requirements. An 'Apply' button is at the bottom right.

Khi bạn mở trang web này sau khi nhập mật khẩu hợp lệ, bạn sẽ nhìn thấy màn hình như ở phía dưới. Nhập mật khẩu vào trường "Mật khẩu".



The screenshot shows the 'Optoma Projector Web Server' login interface for 'Device Name: Optoma 1080P'. On the left is a 'General Setup' sidebar. The main area is a large light gray rectangle. In the center, there is a login form with 'Username' (with 'admin' entered), 'Password' (with a masked input), and a 'Login' button.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Trạng thái hệ thống

Trạng thái hiện tại của máy chiếu sẽ hiển thị. Bạn có thể kiểm tra tên mẫu máy chiếu, phiên bản phần mềm, cấu hình LAN hiện tại và thay đổi ngôn ngữ giao diện nếu cần thiết.

Tên phiên bản hiển thị trên trang web trong sơ đồ có thể khác so với thực tế.

FW Version	
System	C04
LAN	L19

LAN Status	
IP Address	192.168.0.100
Subnet Mask	255.255.255.0
Default Gateway	192.168.0.254
MAC Address	00:50:41:B4:DD:13

LAN Status (IPv6)	
Protocol	On
Auto Configuration	On
Temporary Address	On
IP Address	0000:0000:0000:0000:0000:0000:0000:0000
Prefix Length	0
Gateway	0000:0000:0000:0000:0000:0000:0000:0000

Cài đặt chung

Tên máy chiếu đã đặt ở đây cũng sẽ được dùng để điều khiển bằng PJLink. Chỉ có thể sử dụng ký tự chữ và số để đặt tên máy chiếu. Số ký tự tối đa là 32.

Bạn chỉ có thể sử dụng ký tự chữ và số trong mật khẩu. Số ký tự tối thiểu là 8. Nếu bạn nhập một ký tự không hợp lệ, cảnh báo "Ký tự không hợp lệ" sẽ hiện lên.

Nếu các ký tự trong mật khẩu mới và ký tự trong trường nhập lại mật khẩu (mới) không trùng khớp, sẽ có thông báo lỗi hiện lên. Trong trường hợp này, hãy nhập lại mật khẩu.

Change Username and Password for Webpage	
Enter Username	admin
Enter Old Password	
Enter New Password	
Confirm new password	

PJLink Settings

PJLink Password: ☐ Enable ☒ Disable

Current password:

New password:

Confirm password:

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Điều khiển máy chiếu

Bạn có thể điều khiển máy chiếu bằng mục này. Các mục điều khiển sẽ được mô tả trong phần này.

Nút điều khiển: Khi bạn nhấn một nút, chức năng tương ứng sẽ được thực hiện.

The screenshot shows the 'Device Web Server' interface for an Optoma 1080P projector. The 'Admin > Device Control' section is active. On the left, a sidebar lists various system functions. The main area contains several control panels: Power (On/Off), Image (Reset/Resync), Input (HDMI1), Audio (Volume 40), Management (Aspect Ratio Auto, Auto Power Off 20), and Power Mode (Eco). There are also buttons for AV Mute, Freeze, 3D Format (Auto), and L/R Reverse. A 'Logout' button is in the top right corner.

System Status	Power On	Power Off	Input	HDMI1	Audio	Volume	- 40 +
General Setup	Reset	Resync	Image		Management	Aspect Ratio	Auto
Device Control	Auto Source		Brightness	- 0 +	Auto Power Off (Min.)	20	
Network Setup	AV Mute		Contrast	- 0 +	Power Mode	Eco	
Network Setup (IPv6)	Freeze		Sharpness	- 12 +	Light Source Mode	Constant Power	
Alert Setup	3D Format	Auto	Picture Mode	Vivid			
OMS	L/R Reverse						
Crestron							
Reset to Default							
Reboot System							

Cài đặt mạng

Cài đặt mạng cho máy chiếu.

The screenshot shows the 'Device Web Server' interface for an Optoma 1080P projector. The 'Admin > Network Setup' section is active. On the left, a sidebar lists various system functions. The main area contains two main sections: IP Setup and LAN Control. IP Setup includes fields for DHCP (On/Off), IP Address (192.168.0.100), Subnet Mask (255.255.255.0), Default Gateway (192.168.0.254), DNS Servers 1 (192.168.0.51), and DNS Servers 2 (192.168.0.51). LAN Control includes sections for Crestron, Extron, PJLink, AMX, and Telnet, each with On/Off radio buttons. An 'Apply' button is at the bottom of each section. A 'Logout' button is in the top right corner.

System Status	DHCP	On	Off		
General Setup	IP Address	192	168	0	100
Device Control	Subnet Mask	255	255	255	0
Network Setup	Default Gateway	192	168	0	254
Network Setup (IPv6)	DNS Servers 1	192	168	0	51
Alert Setup	DNS Servers 2	192	168	0	51
OMS	Apply				
Crestron	Crestron	On	Off		
Extron	Extron	On	Off		
PJLink	PJLink	On	Off		
AMX	AMX	On	Off		
Telnet	Telnet	On	Off		
Reset to Default	Apply				
Reboot System					

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Cài đặt mạng (IPv6)

Bật chức năng Ipv6 và tùy chỉnh cài đặt IP.

1. Giao thức:

- a) Bật: Bật đồng thời hai chức năng IPv4 và IPv6
- b) Tắt: Chỉ bật IPv4

2. Cấu hình tự động:

- a) Bật: Bộ định tuyến tự động gán địa chỉ IP
- B) Thủ công: Người dùng cài đặt thủ công địa chỉ IP

3. Địa chỉ tạm thời:

- a) Bật: Địa chỉ IP được gán tự động là địa chỉ tạm thời
- b) Tắt: Địa chỉ IP được gán tự động không bị giới hạn thời gian

4. Liên kết cục bộ: Khi IPv6 được bật, địa chỉ này có thể được sử dụng để truy cập trang web IPv6 khi địa chỉ IP được gán không hợp lệ.

5. Địa chỉ IP: Có thể sử dụng địa chỉ này để truy cập trang web IPv6.

6. Độ dài tiền tố: Độ dài tiền tố của địa chỉ IPv6 (thông thường là 64).

7. Gateway: Địa chỉ Gateway

8. Máy chủ DNS 1: Địa chỉ DNS1

9. Máy chủ DNS 2: Địa chỉ DNS2

Các bước đăng nhập vào trang web IPv6:

1. Thêm dấu '[' phía trước và ']' phía sau địa chỉ 192.168.0.100 trong URL IPv4.
2. Thay 192.168.0.100 bằng địa chỉ IPv6 link-local/IP. ([https://\[0000:0000:0000:0000:0000:0000:0000:0000\]/index_login.asp](https://[0000:0000:0000:0000:0000:0000:0000:0000]/index_login.asp)).
3. Xác nhận xong là bạn có thể đăng nhập.

The screenshot shows the 'Device Web Server' interface for an Optoma 1080P device. The page is titled 'Admin > Network Setup' and 'IPv6 Settings'. On the left is a sidebar menu with options: System Status, General Setup, Device Control, Network Setup, Network Setup (IPv6), Alert Setup, OMS, Crestron, Reset to Default, and Reboot System. The main content area displays the IPv6 configuration settings:

Protocol	On
Auto Configuration	☒ On ☐ Manual
Temporary Address	☒ On ☐ Off
Link Local	0000:0000:0000:0000:0000:0000:0000:0000
IP Address	0000:0000:0000:0000:0000:0000:0000:0000
Prefix Length	0
Gateway	0000:0000:0000:0000:0000:0000:0000:0000
DNS Servers 1	0000:0000:0000:0000:0000:0000:0000:0000
DNS Servers 2	0000:0000:0000:0000:0000:0000:0000:0000

An 'Apply' button is located at the bottom of the settings table. A 'Logout' button is in the top right corner.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Cài đặt cảnh báo

Bạn có thể gửi email cảnh báo khi có lỗi xảy ra. Bạn có thể tiến hành cài đặt thư cảnh báo trong phần này.

1. Loại cảnh báo: Kiểm tra loại lỗi mà bạn muốn gửi thư cảnh báo.
2. Thông báo thư cảnh báo: Kiểm tra và tiến hành cài đặt như sau:
 - Cài đặt SMTP: Cài đặt như sau:
 - a) Cổng SMTP: Cổng máy chủ SMTP
 - B) Mã hóa: Chọn giao thức mã hóa
 - C) Máy chủ SMTP: Địa chỉ máy chủ (tên máy chủ) (máy chủ SMTP)
 - d) Từ: địa chỉ e-mail của người gửi
 - e) Tên người dùng: Tên người dùng trong máy chủ e-mail
 - f) Mật khẩu: Mật khẩu máy chủ e-mail.
 - Cài đặt email: Cài đặt như sau:
 - a) Tiêu đề thư
 - b) Nội dung thư
 - c) Tới: Nhập địa chỉ e-mail của người gửi.
3. Nhấn "Áp dụng" để sửa giá trị.
4. Nhập địa chỉ IP của máy chiếu vào *xxx.xxx.xxx.xxx.
5. Gửi thư kiểm tra.

Khi bạn nhấn [Gửi thư kiểm tra], hệ thống sẽ gửi thư mẫu kiểm tra. Văn bản sẽ là "Email Test xxx.xxx.xxx.xxx *".

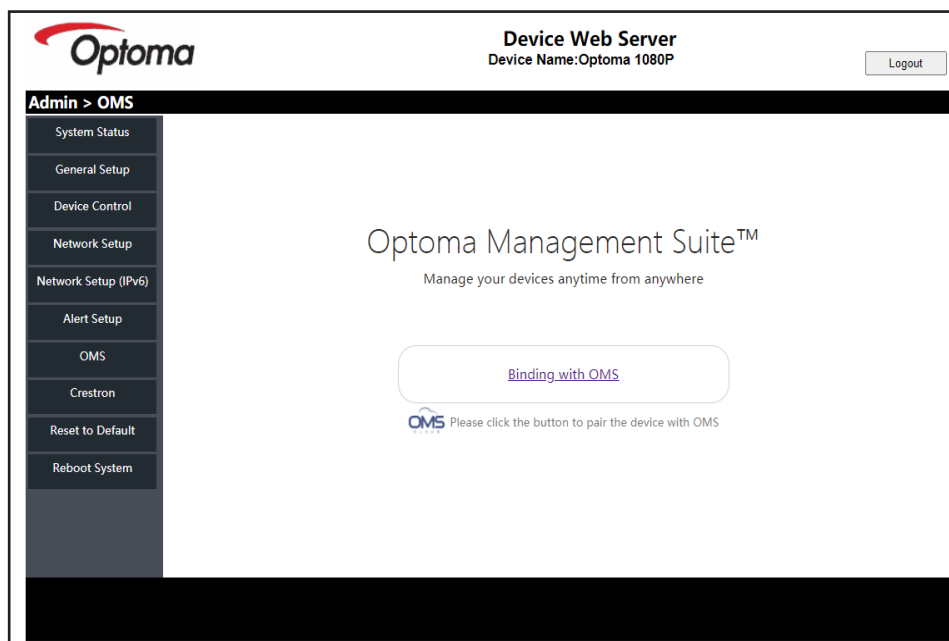


The screenshot shows the Optoma Device Web Server interface for an Optoma 1080P device. The page is titled "Admin > Alert Setup". On the left is a navigation menu with options: System Status, General Setup, Device Control, Network Setup, Network Setup (IPv6), Alert Setup (selected), OMS, Crestron, Reset to Default, and Reboot System. The main content area is divided into sections: "Alert Type" with checkboxes for Fan Error, High Temp Warning, and Light Source Error; "Alert Mail Notification" which is checked; "SMTP Settings" with fields for SMTP Port (25), Encryption (radio buttons for None, SSL, STARTTLS), SMTP Server, From, Username, and Password; and "Email Settings" with fields for Mail Subject, Mail Content, and To. At the bottom right of the form are "Apply" and "Send Test Mail" buttons.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

OMS

Nhấn “Liên kết với OMS” và làm theo hướng dẫn để sử dụng chức năng OMS.



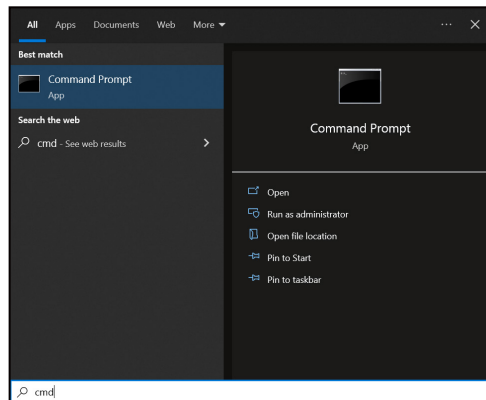
SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Chức năng RS232 by Telnet

Như một hình thức điều khiển thay thế, máy chiếu này có lệnh điều khiển RS232 qua TELNET dành cho giao tiếp LAN / RJ45.

Hướng dẫn khởi động nhanh cho "RS232 by Telnet"

- Kiểm tra và xem địa chỉ IP trên menu OSD của máy chiếu.
 - Đảm bảo PC/laptop có thể truy cập trang web của máy chiếu.
 - Đảm bảo cài đặt "Windows Firewall" được cài sang Disabled (Đã tắt) trong trường hợp lọc chức năng "TELNET" qua PC/laptop.
1. Nhấn vào **Tim kiếm**  và sau đó nhập "cmd" vào ô tìm kiếm. Nhấn phím "Enter".



2. Mở ứng dụng Command Prompt.
3. Nhập định dạng lệnh như sau:
 - telnet ttt.xxx.yyy.zzz 23 (Đã nhấn phím "Enter")
 - (ttt.xxx.yyy.zzz: Địa chỉ IP của máy chiếu)
4. Nếu Kết nối Telnet đã sẵn sàng và người dùng có thể nhập lệnh RS232, hãy nhấn phím "Enter" và kết nối Telnet sẽ sẵn sàng để điều khiển bằng lệnh RS232.

Thông số kỹ thuật cho "RS232 by TELNET":

1. Telnet: TCP.
2. Cổng Telnet: 23 (để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ với đội ngũ dịch vụ của Optoma).
3. Tiện ích Telnet: Windows "TELNET.exe" (chế độ bảng điều khiển).
4. Để kết thúc phiên Telnet này, hãy đóng cửa sổ ứng dụng Command Prompt.
5. Kết nối trực tiếp tiện ích Windows Telnet sau khi kết nối TELNET đã sẵn sàng.
 - Giới hạn 1 cho Telnet-Control: Không thể có ít hơn 50 byte cho lưu lượng mạng liên tiếp đối với ứng dụng Telnet-Control.
 - Giới hạn 2 cho Telnet-Control: Không thể có ít hơn 26 byte cho lệnh RS232 liên tiếp đối với Telnet-Control.
 - Giới hạn 3 cho Telnet-Control: Độ trễ tối thiểu cho lệnh tiếp theo phải nhiều hơn 200 mili giây (ms).

Menu thiết lập lại điều khiển

Khôi phục cài đặt gốc của các cài đặt điều khiển.

Menu thông tin

Menu thông tin

Xem thông tin máy chiếu như liệt kê sau đây:

- Điều khiển
- Số Seri
- Nguồn tín hiệu
- thông tin màu sắc
- Light Source Hours
- Picture Mode
- ID thiết bị
- Chế độ nguồn ánh sáng
- OMS
- Phiên bản FW

THÔNG TIN BỔ SUNG

THÔNG TIN BỔ SUNG

Độ phân giải tương thích

Lưu ý: Giải pháp thích ứng cho kết nối khoảng cách xa: Để đảm bảo chất lượng hình ảnh tốt nhất, chúng tôi khuyến nghị sử dụng cáp tốc độ cao hoặc cáp đạt chứng nhận và giữ chiều dài cáp trong phạm vi 5 mét.

Tín hiệu đầu vào cho HDMI

Tín hiệu	Độ phân giải	Tốc độ cập nhật (Hz)	Các ghi chú cho máy Mac
VGA	640 x 480	60	Mac 60/72/85
SVGA	800 x 600	60(*2)/72/85/120(*2)	Mac 60/72/85
XGA	1024 x 768	48/50(*4)/60(*2)/70/75/85/120(*2)	Mac 60/70/75/85
SDTV(480I)	720 x 480	60	
SDTV(480P)	720 x 480	60	
SDTV(576I)	720 x 576	50	
SDTV(576P)	720 x 576	50	
WSVGA(1024X600)	1024 x 600	60 (*3)	
HDTV(720p)	1280 x 720	50(*2)/60/120(*2)	Mac 60
WXGA	1280 x 768	60/75/85	Mac 75
	1280 x 800	60/50/48hz(*4)	Mac 60
WXGA(*5)	1366 x 768	60	
SXGA	1280 x 1024	60/75/85	Mac 60/75
	1440 x 900	60	
SXGA+	1400 x 1050	60	
UXGA	1600 x 1200	60	
HDTV(1080I)	1920 x 1080	50/60	
HDTV(1080P)	1920 x 1080	24/30/50/60	Mac 60
WUXGA	1920 x 1200(*1)	60/50(*4)	Mac 60

Lưu ý:

- (*1) 1920 x 1200 tại 60 Hz chỉ hỗ trợ RB (giảm mất tín hiệu).
- (*2) Định giờ 3D cho máy chiếu 3D Ready (STD) và máy chiếu True 3D (Tùy chọn).
- (*3) Máy chiếu New EA & Data cần phải có định giờ này, WSVGA, Proscene và Home thì có cũng tốt.
- (*4) Máy chiếu Proscene và Data >4,000L, Độ phân giải gốc cần phải hỗ trợ 50 Hz / 48 Hz.
- (*5) Định giờ tiêu chuẩn Windows 8.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Tương thích video True 3D

Độ phân giải đầu vào	Đầu vào HDMI 1.4a 3D	Định giờ đầu vào				
		1280 x 720P tại 50Hz	Trên và dưới			
		1280 x 720P tại 60Hz	Trên và dưới			
		1280 x 720P tại 50Hz	Đóng gói khung			
		1280 x 720P tại 60Hz	Đóng gói khung			
		1920 x 1080i tại 50Hz	Bên cạnh (Một nửa)			
		1920 x 1080i tại 60Hz	Bên cạnh (Một nửa)			
		1920 x 1080P tại 24Hz	Trên và dưới			
		1920 x 1080P tại 24Hz	Đóng gói khung			
	HDMI 1.3	1920 x 1080i tại 50Hz	Bên cạnh (Một nửa)	Chế độ bên cạnh bật		
		1920 x 1080i tại 60Hz				
		1280 x 720P tại 50Hz				
		1280 x 720P tại 60Hz				
		800 x 600 tại 60Hz				
		1024 x 768 tại 60Hz				
		1280 x 800 tại 60Hz				
		1920 x 1080i tại 50Hz	Trên và dưới	Chế độ trên và dưới bật		
		1920 x 1080i tại 60Hz				
		1280 x 720P tại 50Hz				
		1280 x 720P tại 60Hz				
		800 x 600 tại 60Hz				
		1024 x 768 tại 60Hz				
		1280 x 800 tại 60Hz				
		1024 x 768 tại 120Hz			Khung tuần tự	Định dạng 3D là Khung tuần tự
		1280 x 720 tại 120Hz				

Lưu ý:

- Nếu đầu vào 3D là 1080P tại 24hz, DMD sẽ phát lại với nhiều nội dung bên trong qua chế độ 3D
- 1080I tại 25Hz và 720p tại 50Hz sẽ chạy ở mức 100Hz; các định giờ 3D khác sẽ chạy ở mức 120Hz.
- 1080P tại 24Hz sẽ chạy 144Hz.

THÔNG TIN BỔ SUNG

EDID

Kỹ thuật số				
B0/Định giờ cố định	B0/Định giờ chuẩn	B0/Định giờ chi tiết	B1/Chế độ video	B1/Định giờ chi tiết
720 x 400 tại 70Hz	Định giờ 1: 1024 x 768 tại 120Hz 4:3	1080P: 1920 x 1080 @ 60Hz	640 x 480p tại 60Hz 4:3	1366 x 768 tại 60Hz
640 x 480 tại 60Hz	Định giờ 2: 1280 x 720 tại 60Hz 16:9		720(1440) x 576i tại 50Hz 4:3	
640 x 480 tại 67Hz	Định giờ 3: 1280 x 720 tại 120Hz 16:9		720(1440) x 576i tại 50Hz 16:9	
640 x 480 tại 72Hz	Định giờ 4: 1280 x 800 tại 60Hz 16:10		720(1440) x 480i tại 60Hz 4:3	
640 x 480 tại 75Hz	Định giờ 5: 1280 x 1024 tại 60Hz 5:4		720(1440) x 480i tại 60Hz 16:9	
800 x 600 tại 56Hz	Định giờ 6: 1440 x 900 tại 60Hz 16:10		720 x 576p @ 50Hz 4:3	
800 x 600 tại 60Hz	Định giờ 7: 1400 x 1050 tại 60Hz 4:3		720 x 576p tại 50Hz 16:9	
800 x 600 tại 72Hz	Định giờ 8: 1600 x 1200 tại 60Hz 4:3		720 x 480p tại 60Hz 4:3	
800 x 600 tại 75Hz			720 x 480p tại 60Hz 16:9	
832 x 624 tại 75Hz			1280 x 720p tại 50Hz 16:9	
1024 x 768 tại 60Hz			1280 x 720p tại 60Hz 16:9	
1024 x 768 tại 70Hz			1920 x 1080i tại 60Hz 16:9	
1024 x 768 tại 75Hz			1920 x 1080i tại 50Hz 16:9	
1280 x 1024 tại 75Hz			1920 x 1080P tại 24Hz 16:9	
1152 x 870 tại 75Hz			1920 x 1080P tại 30Hz 16:9	
			1920 x 1080P tại 50Hz 16:9	
			1920 x 1080P tại 60Hz 16:9	
			1920 x 1080P tại 120Hz 16:9	
			3840 x 2160p tại 24Hz 16:9	
			3840 x 2160p tại 25Hz 16:9	
			3840 x 2160p tại 30Hz 16:9	
			3840 x 2160p tại 50Hz 16:9	
			3840 x 2160p tại 60Hz 16:9	
			4096 x 2160p tại 24Hz 256:135	
			4096 x 2160p tại 25Hz 256:135	
			4096 x 2160p tại 30Hz 256:135	
			4096 x 2160p tại 50Hz 256:135	
			4096 x 2160p tại 60Hz 256:135	

THÔNG TIN BỔ SUNG

Tương tự				
B0/Định giờ cố định	B0/Định giờ chuẩn	B0/Định giờ chi tiết	B1/Chế độ video	B1/Định giờ chi tiết
720 x 400 tại 70Hz	Định giờ 1: 1280 x 720 tại 60Hz 16:9	1080P: 1920 x 1080 tại 60Hz		1366 x 768 tại 60Hz
640 x 480 tại 60Hz	Định giờ 2: 1280 x 800 tại 60Hz 16:10			1920 x 1200 tại 60Hz
640 x 480 tại 67Hz	Định giờ 3: 1280 x 1024 tại 60Hz 5:4			
640 x 480 tại 72Hz	Định giờ 4: 1400 x 1050 tại 60Hz 4:3			
640 x 480 tại 75Hz	Định giờ 5: 1600 x 1200 tại 60Hz 4:3			
800 x 600 tại 56Hz	Định giờ 6: 1440 x 900 tại 60Hz 16:10			
800 x 600 tại 60Hz	Định giờ 7: 1280 x 720 tại 120Hz 16:9			
800 x 600 tại 72Hz	Định giờ 8: 1024 x 768 tại 120Hz 4:3			
800 x 600 tại 75Hz				
832 x 624 tại 75Hz				
1024 x 768 tại 60Hz				
1024 x 768 tại 70Hz				
1024 x 768 tại 75Hz				
1280 x 1024 tại 75Hz				
1152 x 870 tại 75Hz				

THÔNG TIN BỔ SUNG

Mẫu 4K

B0/Định giờ cố định

Độ phân giải	Dọc [Hz]	Ngang [Hz]
720x400	70,0	31,5
640x480	60,0	31,5
640x480	66,6(*67)	34,9
640x480	72,0	37,9
640x480	75,0	37,5
800x600	56,0	35,1
800x600	60,0	37,9
800x600	72,0	48,1
800x600	75,0	46,9
832x624	75,0	48,9
1024x768	60,0	48,4
1024x768	70,0	56,5
1024x768	75,0	60,0
1280x1024	75,0	80,0
1152x870	75,0	67,5

B0/Định giờ chuẩn

Độ phân giải	Dọc [Hz]	Tỷ lệ
1024x768	120,0	04:03
1280x720	60,0	16:09
1280x720	120,0	16:09
1280x800	60,0	16:10
1280x1024	60,0	05:04
1440x900	60,0	16:10
1400x1050	60,0	04:03
1600x1200	60,0	04:03

B0/Định giờ chi tiết

Độ phân giải	Dọc [Hz]
3840x2160	60,0

B1/Chế độ video (4K (LPCM&ARC))

VIC	Độ phân giải	Dọc [Hz]
1	640x480p 4:3	60,0
18	720x576p 16:9	50,0
3	720x480p 16:9	60,0
19	1280x720p 16:9	50,0
4	1280x720p 16:9	60,0
5	1920x1080i 16:9	60,0
20	1920x1080i 16:9	50,0
32	1920x1080p 16:9	24,0
31	1920x1080p 16:9	50,0

THÔNG TIN BỔ SUNG

VIC	Độ phân giải	Dọc [Hz]
16	1920x1080p 16:9	60,0
63	1920x1080p 16:9	120,0
89	2560 x 1080p 64:27	50,0
90	2560 x 1080p 64:27	60,0
93	3840 x 2160p 16:9	24,0
95	3840 x 2160p 16:9	30,0
96	3840 x 2160p 16:9	50,0
97	3840 x 2160p 16:9	60,0
98	4096 x 2160p 256:135	24,0
102	4096 x 2160p 256:135	60,0

B1/Chế độ video (4K (eARC))

VIC	Độ phân giải	Dọc [Hz]
1	640x480p 4:3	60,0
18	720x576p 16:9	50,0
3	720x480p 16:9	60,0
19	1280x720p 16:9	50,0
5	1920x1080i 16:9	60,0
20	1920x1080i 16:9	50,0
32	1920x1080p 16:9	24,0
31	1920x1080p 16:9	50,0
16	1920x1080p 16:9	60,0
63	1920x1080p 16:9	120,0
89	2560 x 1080p 64:27	50,0
90	2560 x 1080p 64:27	60,0
93	3840 x 2160p 16:9	24,0
95	3840 x 2160p 16:9	30,0
96	3840 x 2160p 16:9	50,0
97	3840 x 2160p 16:9	60,0
98	4096 x 2160p 256:135	24,0
102	4096 x 2160p 256:135	60,0

B1/Định giờ chi tiết

Độ phân giải	Dọc [Hz]
2560 x 1440	120,00
1920 x 1080	240,00

THÔNG TIN BỔ SUNG

Cỡ hình và khoảng cách chiếu

Mẫu WXGA

Kích thước độ dài đường chéo màn hình (16:9)	Cỡ màn hình Rộng x Cao				Khoảng cách chiếu (D)				Bù trừ (Hd)	
	(m)		(inch)		(m)		(foot)			
	Chiều rộng	Chiều cao	Chiều rộng	Chiều cao	Rộng	Xa	Rộng	Xa	(m)	(inch)
30	0,65	0,40	25,44	15,90	Không có	1,00	Không có	3,28	0,05	1,91
40	0,86	0,54	33,92	21,20	1,02	1,33	3,34	4,37	0,06	2,54
50	1,08	0,67	42,40	26,50	1,27	1,66	4,17	5,46	0,08	3,18
60	1,29	0,81	50,88	31,80	1,52	2,00	5,00	6,55	0,10	3,82
70	1,51	0,94	59,36	37,10	1,78	2,33	5,84	7,65	0,11	4,45
80	1,72	1,08	67,84	42,40	2,03	2,66	6,67	8,74	0,13	5,09
90	1,94	1,21	76,32	47,70	2,29	3,00	7,50	9,83	0,15	5,72
100	2,15	1,35	84,80	53,00	2,54	3,33	8,34	10,92	0,16	6,36
120	2,58	1,62	101,76	63,60	3,05	4,00	10,01	13,11	0,19	7,63
150	3,23	2,02	127,20	79,50	3,81	4,99	12,51	16,39	0,24	9,54
180	3,88	2,42	152,64	95,40	4,57	5,99	15,01	19,66	0,29	11,45
200	4,31	2,69	169,60	106,00	5,08	6,66	16,68	21,85	0,32	12,72
250	5,38	3,37	212,00	132,50	6,35	8,32	20,85	27,31	0,40	15,90
300	6,46	4,04	254,40	159,00	7,62	9,99	25,02	32,77	0,48	19,08

Lưu ý:

- Tỷ lệ thu phóng: 1,3x
- Độ dịch chuyển ống kính theo chiều dọc được tính dựa trên tâm của ống kính chiếu, với khoảng cách được đo từ đáy đến tâm ống kính. Tất cả các giá trị dịch chuyển thấu kính dọc đều phải thêm 5,2 cm (2,05 inch).

Mẫu 1080P

Kích thước độ dài đường chéo màn hình (16:9)	Cỡ màn hình Rộng x Cao				Khoảng cách chiếu (D)				Bù trừ (Hd)	
	(m)		(inch)		(m)		(foot)			
	Chiều rộng	Chiều cao	Chiều rộng	Chiều cao	Rộng	Xa	Rộng	Xa	(m)	(inch)
30	0,66	0,37	26,16	14,69	Không có	0,98	Không có	3,21	0,06	2,37
40	0,89	0,50	34,87	19,59	1,00	1,30	3,27	4,28	0,08	3,16
50	1,11	0,62	43,59	24,49	1,24	1,63	4,08	5,35	0,10	3,95
60	1,33	0,75	52,31	29,39	1,49	1,96	4,90	6,42	0,12	4,73
70	1,55	0,87	61,03	34,29	1,74	2,28	5,71	7,49	0,14	5,52
80	1,77	1,00	69,75	39,18	1,99	2,61	6,53	8,56	0,16	6,31
90	1,99	1,12	78,47	44,08	2,24	2,93	7,35	9,63	0,18	7,10
100	2,21	1,24	87,18	48,98	2,49	3,26	8,16	10,69	0,20	7,89
120	2,66	1,49	104,62	58,78	2,99	3,91	9,80	12,83	0,24	9,47
150	3,32	1,87	130,78	73,47	3,73	4,89	12,25	16,04	0,30	11,84
180	3,99	2,24	156,93	88,16	4,48	5,87	14,69	19,25	0,36	14,20
200	4,43	2,49	174,37	97,96	4,98	6,52	16,33	21,39	0,40	15,78
250	5,54	3,11	217,96	122,45	6,22	8,15	20,41	26,74	0,50	19,73
300	6,64	3,73	261,55	146,94	7,46	9,78	24,49	32,08	0,60	23,67

Lưu ý:

- Tỷ lệ thu phóng: 1,3x
- Độ dịch chuyển ống kính theo chiều dọc được tính dựa trên tâm của ống kính chiếu, với khoảng cách được đo từ đáy đến tâm ống kính. Tất cả các giá trị dịch chuyển thấu kính dọc đều phải thêm 5,2 cm (2,05 inch).

THÔNG TIN BỔ SUNG

Mẫu Độ lệch tâm ngắn 1080P

Kích thước độ dài đường chéo màn hình (16:9)	Cỡ màn hình Rộng x Cao				Khoảng cách chiếu (D)				Bù trừ (Hd)	
	(m)		(inch)		(m)		(foot)		(m)	(inch)
	Chiều rộng	Chiều cao	Chiều rộng	Chiều cao	Rộng	Xa	Rộng	Xa		
30	0,66	0,37	26,16	14,69	Không có	cố định	Không có	cố định	0,09	3,69
40	0,89	0,50	34,87	19,59	0,70	cố định	2,30	cố định	0,12	4,92
50	1,11	0,62	43,59	24,49	0,87	cố định	2,87	cố định	0,16	6,15
60	1,33	0,75	52,31	29,39	1,05	cố định	3,44	cố định	0,19	7,38
70	1,55	0,87	61,03	34,29	1,22	cố định	4,02	cố định	0,22	8,61
80	1,77	1,00	69,75	39,18	1,40	cố định	4,59	cố định	0,25	9,84
90	1,99	1,12	78,47	44,08	1,57	cố định	5,16	cố định	0,28	11,07
100	2,21	1,24	87,18	48,98	1,75	cố định	5,74	cố định	0,31	12,30
120	2,66	1,49	104,62	58,78	2,10	cố định	6,89	cố định	0,37	14,76
150	3,32	1,87	130,78	73,47	2,62	cố định	8,61	cố định	0,47	18,45
180	3,99	2,24	156,93	88,16	3,15	cố định	10,33	cố định	0,56	22,14
200	4,43	2,49	174,37	97,96	3,50	cố định	11,48	cố định	0,62	24,61
250	5,54	3,11	217,96	122,45	4,37	cố định	14,34	cố định	0,78	30,76
300	6,64	3,73	261,55	146,94	5,25	cố định	17,21	cố định	0,94	36,91

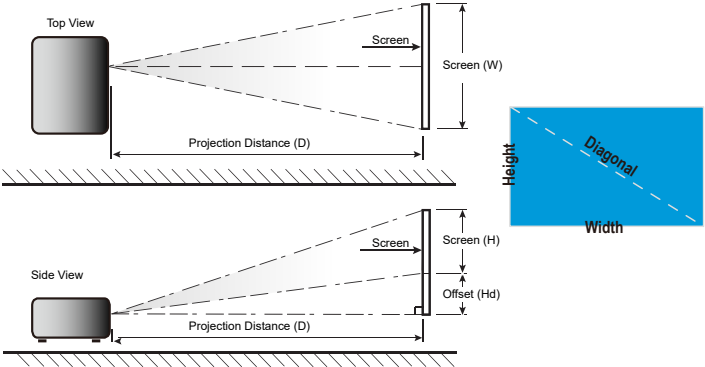
- Lưu ý:**
- *Tỉ lệ thu phóng: cố định*
 - *Độ dịch chuyển ống kính theo chiều dọc được tính dựa trên tâm của ống kính chiếu, với khoảng cách được đo từ đáy đến tâm ống kính. Tất cả các giá trị dịch chuyển thấu kính dọc đều phải thêm 5,2 cm (2,05 inch).*

Mẫu Độ lệch tâm ngắn 4K

Kích thước độ dài đường chéo màn hình (16:9)	Cỡ màn hình Rộng x Cao				Khoảng cách chiếu (D)				Bù trừ (Hd)	
	(m)		(inch)		(m)		(foot)		(m)	(inch)
	Chiều rộng	Chiều cao	Chiều rộng	Chiều cao	Rộng	Xa	Rộng	Xa		
30	0,66	0,37	26,16	14,69	Không có	cố định	Không có	cố định	0,09	3,69
40	0,89	0,50	34,87	19,59	0,70	cố định	2,30	cố định	0,12	4,92
50	1,11	0,62	43,59	24,49	0,87	cố định	2,87	cố định	0,16	6,15
60	1,33	0,75	52,31	29,39	1,05	cố định	3,44	cố định	0,19	7,38
70	1,55	0,87	61,03	34,29	1,22	cố định	4,02	cố định	0,22	8,61
80	1,77	1,00	69,75	39,18	1,40	cố định	4,59	cố định	0,25	9,84
90	1,99	1,12	78,47	44,08	1,57	cố định	5,16	cố định	0,28	11,07
100	2,21	1,24	87,18	48,98	1,75	cố định	5,74	cố định	0,31	12,30
120	2,66	1,49	104,62	58,78	2,10	cố định	6,89	cố định	0,37	14,76
150	3,32	1,87	130,78	73,47	2,62	cố định	8,61	cố định	0,47	18,45
180	3,99	2,24	156,93	88,16	3,15	cố định	10,33	cố định	0,56	22,14
200	4,43	2,49	174,37	97,96	3,50	cố định	11,48	cố định	0,62	24,61
250	5,54	3,11	217,96	122,45	4,37	cố định	14,34	cố định	0,78	30,76
300	6,64	3,73	261,55	146,94	5,25	cố định	17,21	cố định	0,94	36,91

- Lưu ý:**
- *Tỉ lệ thu phóng: 1,0x*
 - *Độ dịch chuyển ống kính theo chiều dọc được tính dựa trên tâm của ống kính chiếu, với khoảng cách được đo từ đáy đến tâm ống kính. Tất cả các giá trị dịch chuyển thấu kính dọc đều phải thêm 5,2 cm (2,05 inch).*

THÔNG TIN BỔ SUNG

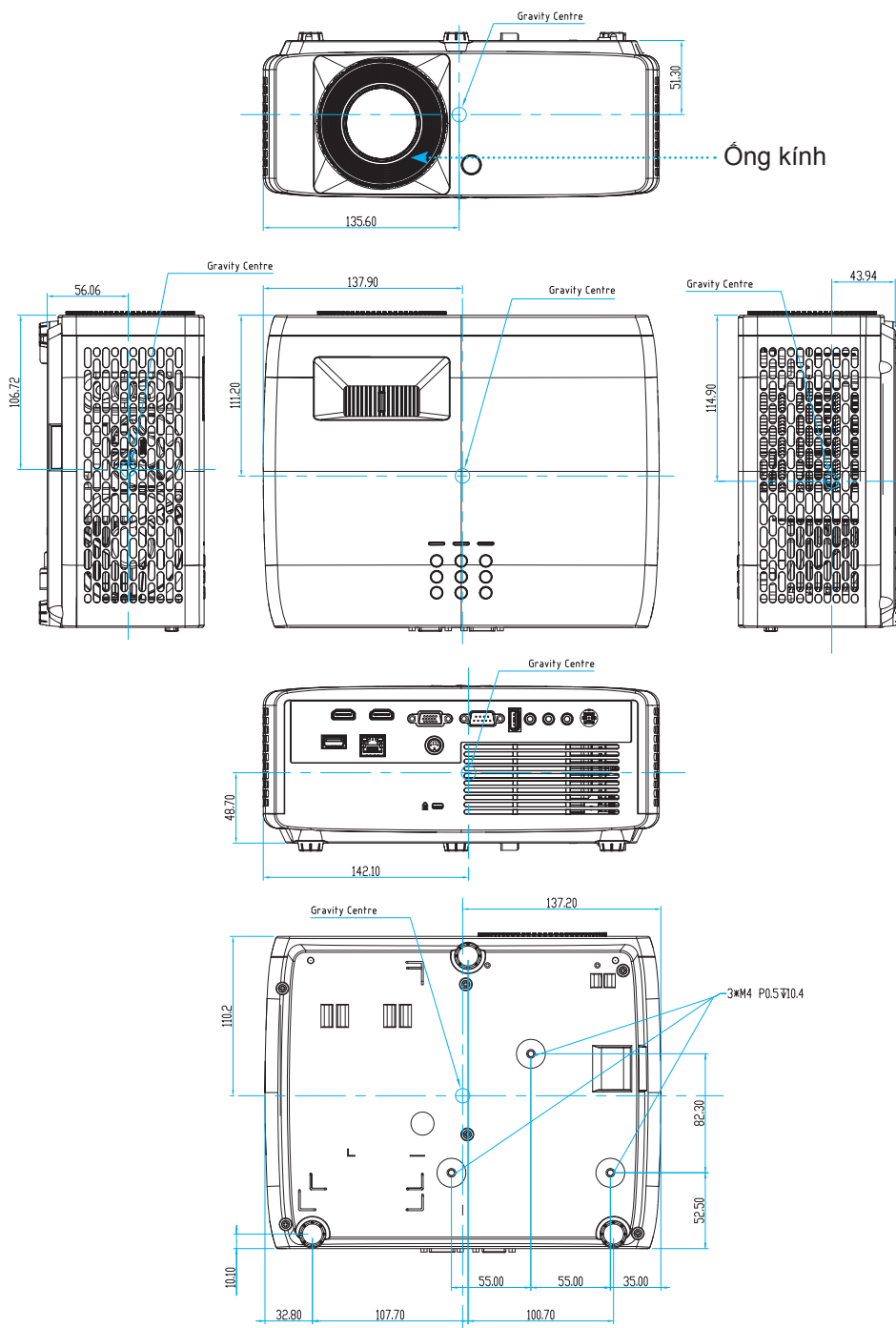


THÔNG TIN BỔ SUNG

Kích thước máy chiếu và lắp đặt giá treo trần

1. Để tránh làm hư hỏng máy chiếu, hãy sử dụng giá treo trần nhà Optoma.
2. Nếu bạn muốn sử dụng bộ giá treo trần nhà của hãng thứ ba, hãy đảm bảo các ốc vít được sử dụng để gắn vào giá treo máy chiếu phải đạt các thông số kỹ thuật sau:
 - Loại vít: M4*10 mm
 - Chiều dài vít tối thiểu: 10 mm

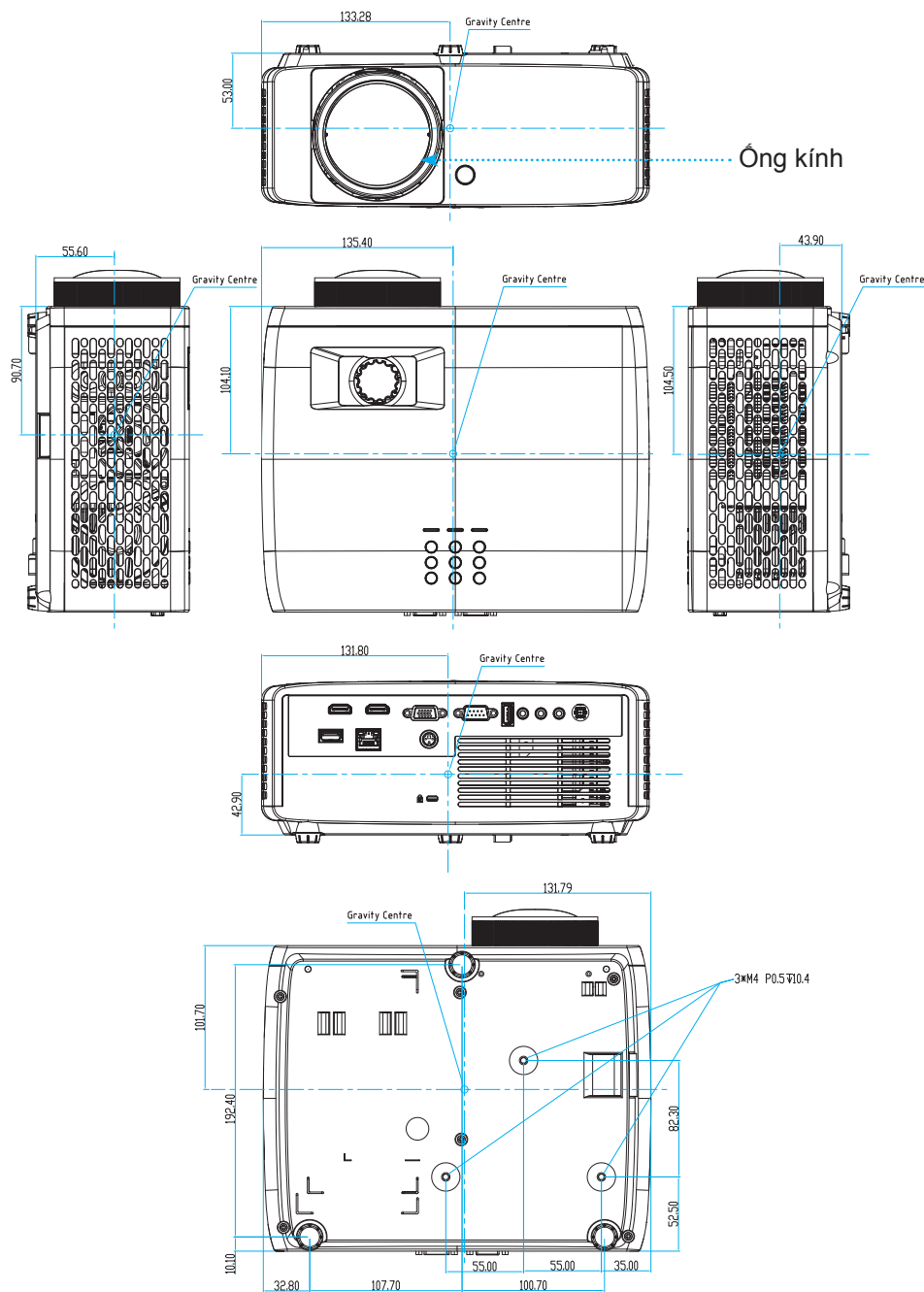
Mẫu WXGA/1080P



Đơn vị: mm

THÔNG TIN BỔ SUNG

Mẫu Độ lệch tâm ngắn



Đơn vị: mm

Lưu ý:

- Xin lưu ý rằng thiệt hại do lắp đặt máy chiếu không đúng cách sẽ không hưởng được chính sách bảo hành.
- Cổng I/O khả dụng khác nhau tùy từng mẫu.

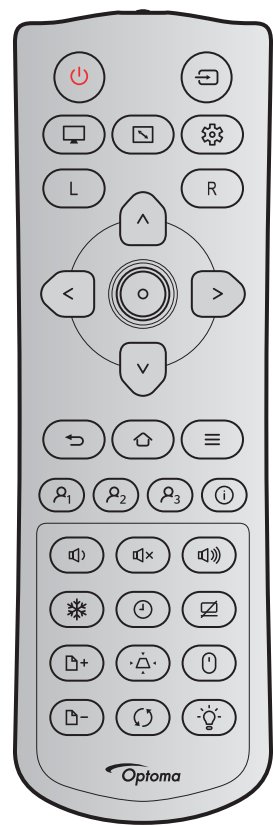


Cảnh báo:

- Nếu bạn mua giá treo trần nhà của công ty khác, hãy nhớ sử dụng đúng cỡ ốc vít. Cỡ ốc vít sẽ thay đổi tùy thuộc vào độ dày của tấm treo.
- Hãy nhớ chừa lại khe hở ít nhất 10 cm giữa trần nhà và đáy của máy chiếu.
- Tránh lắp đặt máy chiếu gần nguồn nhiệt.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Mã điều khiển hồng ngoại



Phím		Định dạng lặp lại	NEC Code				Mô tả
			Mã tùy chỉnh		Dữ liệu		
			Byte 1	Byte 2	Byte 3	Byte 4	
Nguồn		F1	32	CD	02	FD	Nhấn để bật/tắt máy chiếu.
Nguồn tín hiệu		F1	32	CD	C3	3C	Nhấn để chọn tín hiệu đầu vào.
Chế độ hiển thị		F1	32	CD	5	FA	Nhấn để thay đổi chế độ Hiển thị của hình ảnh được hiển thị.
Tỉ lệ khung hình		F1	32	CD	64	9B	Nhấn để đổi tỷ lệ khung hình của hình ảnh hiển thị.
Menu Thiết lập		F1	32	CD	A8	57	Nhấn để vào Menu cài đặt.
Nhấp chuột trái	L	F1	32	CD	CB	34	Nút chuột trái
Nhấp chuột phải	R	F1	32	CD	CC	33	Nút chuột phải

THÔNG TIN BỔ SUNG

Phím		Định dạng lặp lại	NEC Code				Mô tả
			Mã tùy chỉnh		Dữ liệu		
			Byte 1	Byte 2	Byte 3	Byte 4	
Bốn phím điều hướng (Lên)	^	F2	32	CD	11	EE	Nhấn để chọn các mục hoặc điều chỉnh lựa chọn của bạn.
Bốn phím chọn điều hướng (Trái)	<	F2	32	CD	10	EF	
Bốn phím chọn điều hướng (Phải)	>	F2	32	CD	12	ED	
Bốn phím chọn điều hướng (Xuống)	∨	F2	32	CD	14	EB	
Nhập	o	F1	32	CD	0F	F0	Xác nhận lựa chọn mục của bạn.
Quay lại	↶	F1	32	CD	0D	F2	Nhấn để trở về menu trước.
Màn hình chính	🏠	F1	32	CD	A0	5F	Nhấn để trở về menu chính khi OSD ở menu phụ. - Không có chức năng khi không hiển thị OSD. - Không có chức năng khi không hiển thị menu phím tắt.
Menu	≡	F1	32	CD	0E	F1	Nhấn để hiển thị hoặc thoát các menu OSD.
Người dùng 1	Ⓐ ₁	F1	32	CD	36	C9	Nhấn để vào chức năng được gán.
Người dùng 2	Ⓐ ₂	F1	32	CD	65	9A	Nhấn để vào chức năng được gán.
Người dùng 3	Ⓐ ₃	F1	32	CD	66	99	Nhấn để vào chức năng được gán.
Thông tin	ⓘ	F1	32	CD	25	DA	Nhấn để vào menu Thông tin.
Âm lượng -	🔊-	F2	32	CD	8F	70	Nhấn để giảm âm lượng.
Tắt tiếng	🔊×	F1	32	CD	52	AD	Nhấn để bật/tắt tạm âm thanh.
Âm lượng +	🔊))	F2	32	CD	8C	73	Nhấn để chỉnh tăng âm lượng.
Đóng băng	❄️	F1	32	CD	6	F9	Nhấn để treo hình máy chiếu.
Hẹn giờ tắt máy	⌚	F1	32	CD	63	9C	Nhấn để thiết lập hẹn giờ đếm ngược.
Chặn AV	🔇	F1	32	CD	3	FC	Nhấn để ẩn/hiện ảnh màn hình và tắt/bật âm thanh.
Page Up	📄+	F2	32	CD	C1	3E	Nhấn để lên trang.
Điều chỉnh vuông hình	⬮⬭	F1	32	CD	7	F8	Nhấn để chỉnh độ méo hình do nghiêng máy chiếu.
Chuột	🖱	F1	32	CD	3E	C1	Nhấn để Bật/Tắt chức năng chuột USB.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Phím		Định dạng lặp lại	NEC Code				Mô tả
			Mã tùy chỉnh		Dữ liệu		
			Byte 1	Byte 2	Byte 3	Byte 4	
Page Down		F2	32	CD	C2	3D	Nhấn để xuống trang.
Resync		F1	32	CD	C4	3B	Nhấn để tự động đồng bộ máy chiếu với nguồn đầu vào.
Chế độ nguồn ánh sáng		F1	32	CD	0A	F5	Nhấn để tự động chỉnh độ sáng hình ảnh nhằm đạt hiệu quả tương phản tối ưu.

THÔNG TIN BỔ SUNG



Phím		Định dạng NEC	Byte 1	Byte 2	Byte 3	Byte 4
Bật nguồn		Định dạng 1	32	CD	02	FD
Nguồn tín hiệu		Định dạng 1	32	CD	C3	3C
Đèn nền		Định dạng 1	Đèn nền bật/tắt			
Tái đồng bộ		Định dạng 1	32	CD	C4	3B
Hẹn giờ tắt máy		Định dạng 1	32	CD	63	9C
Điều chỉnh vương hình		Định dạng 1	32	CD	07	F8
Tỉ lệ khung hình		Định dạng 1	32	CD	64	9B
3D	3D	Định dạng 1	32	CD	89	76
Độ sáng		Định dạng 1	32	CD	41	BE
Độ tương phản		Định dạng 1	32	CD	42	BD
Đèn		Định dạng 1	32	CD	0A	F5
CMS	CMS	Định dạng 1	32	CD	0B	F4

THÔNG TIN BỔ SUNG

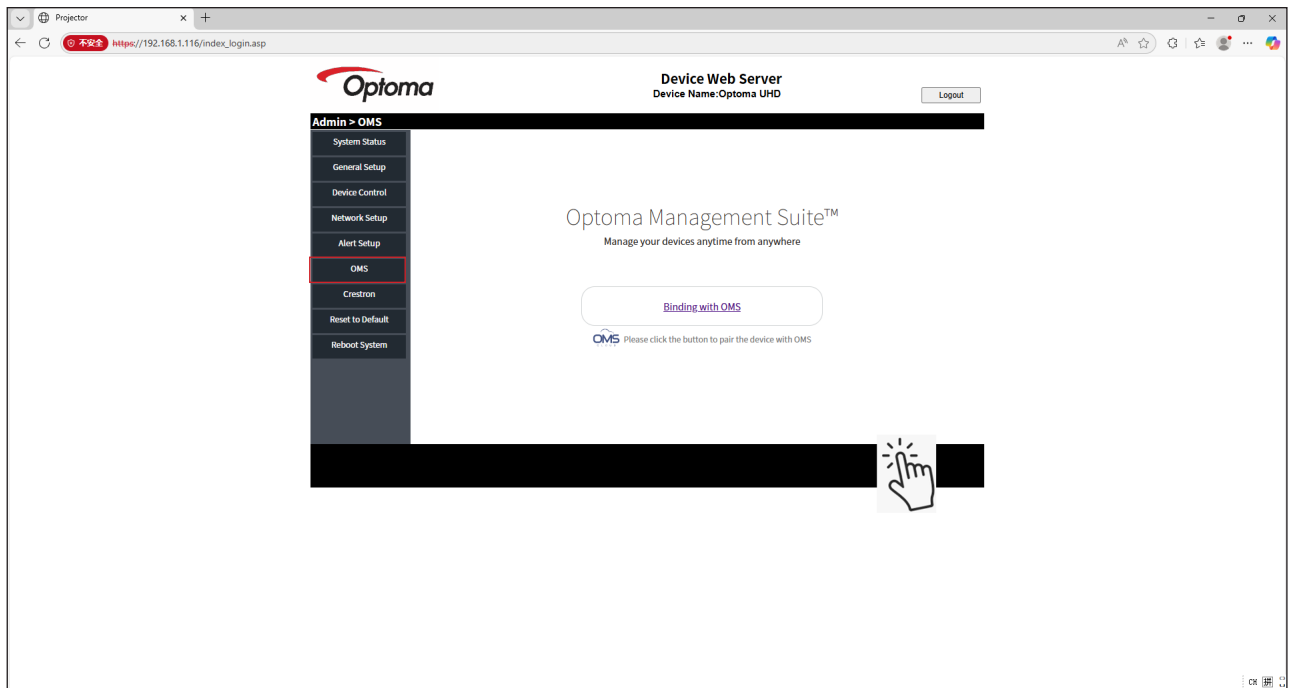
Phím		Định dạng NEC	Byte 1	Byte 2	Byte 3	Byte 4
HDR	HDR	Định dạng 1	32	CD	0C	F3
Lên	^	Định dạng 2	32	CD	11	EE
Trái	<	Định dạng 2	32	CD	10	EF
Nhập	O	Định dạng 2	32	CD	0F	F0
Phải	>	Định dạng 2	32	CD	12	ED
Xuống	v	Định dạng 2	32	CD	14	EB
Quay lại	↶	Định dạng 1	32	CD	0D	F2
Menu	≡	Định dạng 2	32	CD	0E	F1
Âm lượng -	🔊)	Định dạng 2	32	CD	8F	70
Tắt tiếng	🔊x	Định dạng 1	32	CD	52	AD
Âm lượng +	🔊)))	Định dạng 2	32	CD	8C	73
HDMI1	HDMI 1	Định dạng 1	32	CD	16	E9
HDMI2	HDMI 2	Định dạng 1	32	CD	30	CF
HDMI3	HDMI 3	Định dạng 1	32	CD	98	67
Người sử dụng1	👤 ₁	Định dạng 1	32	CD	36	C9
Người sử dụng2	👤 ₂	Định dạng 1	32	CD	65	9A
Người sử dụng3	👤 ₃	Định dạng 1	32	CD	66	99
Người sử dụng4	👤 ₄	Định dạng 1	32	CD	09	F6
Người sử dụng4	👤 ₄	Định dạng 1	32	CD	09	F6

THÔNG TIN BỔ SUNG

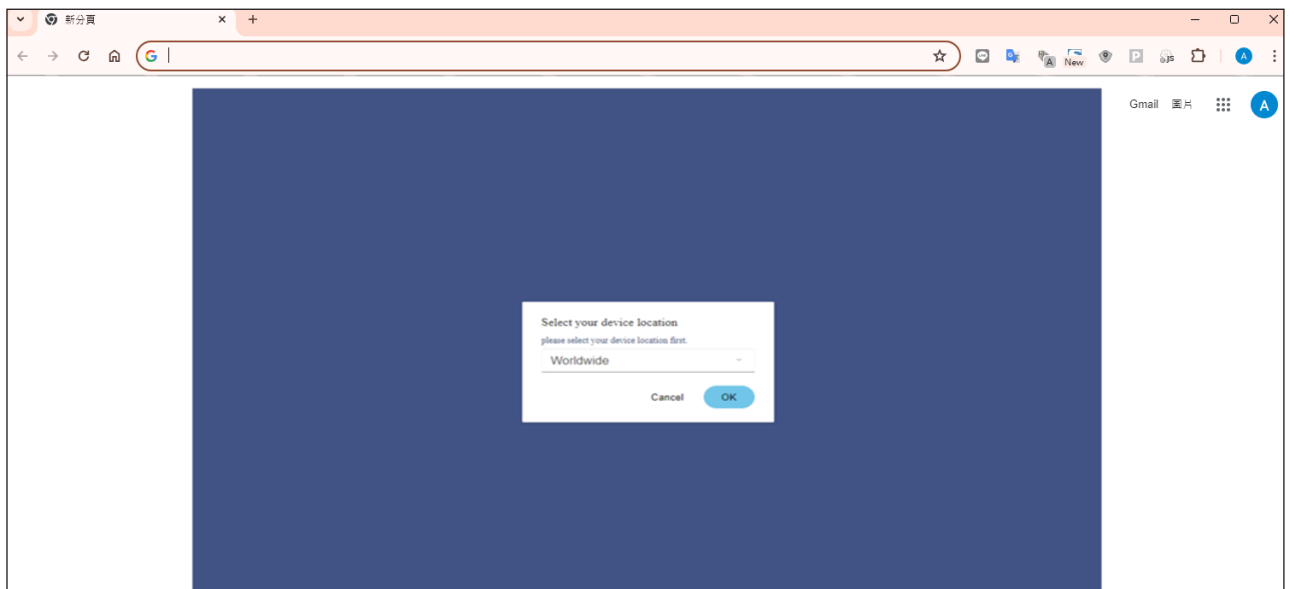
Liên kết Optoma Management Suite (OMS)

Để bắt đầu sử dụng OMS, hãy thực hiện các bước sau:

1. Từ trang *Máy chủ web của thiết bị*, chọn **OMS**.

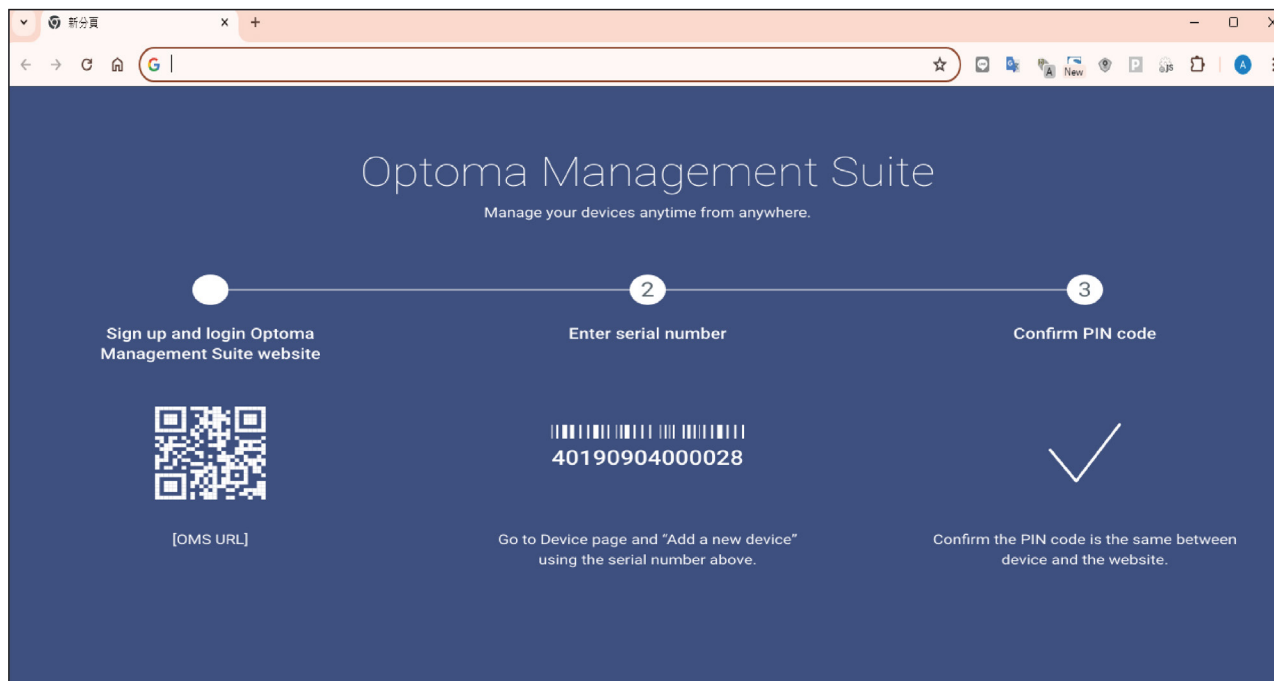


2. Một cửa sổ trình duyệt mới sẽ mở ra. Chọn vị trí mong muốn cho thiết bị. Sau đó nhấn **OK** để tiếp tục.

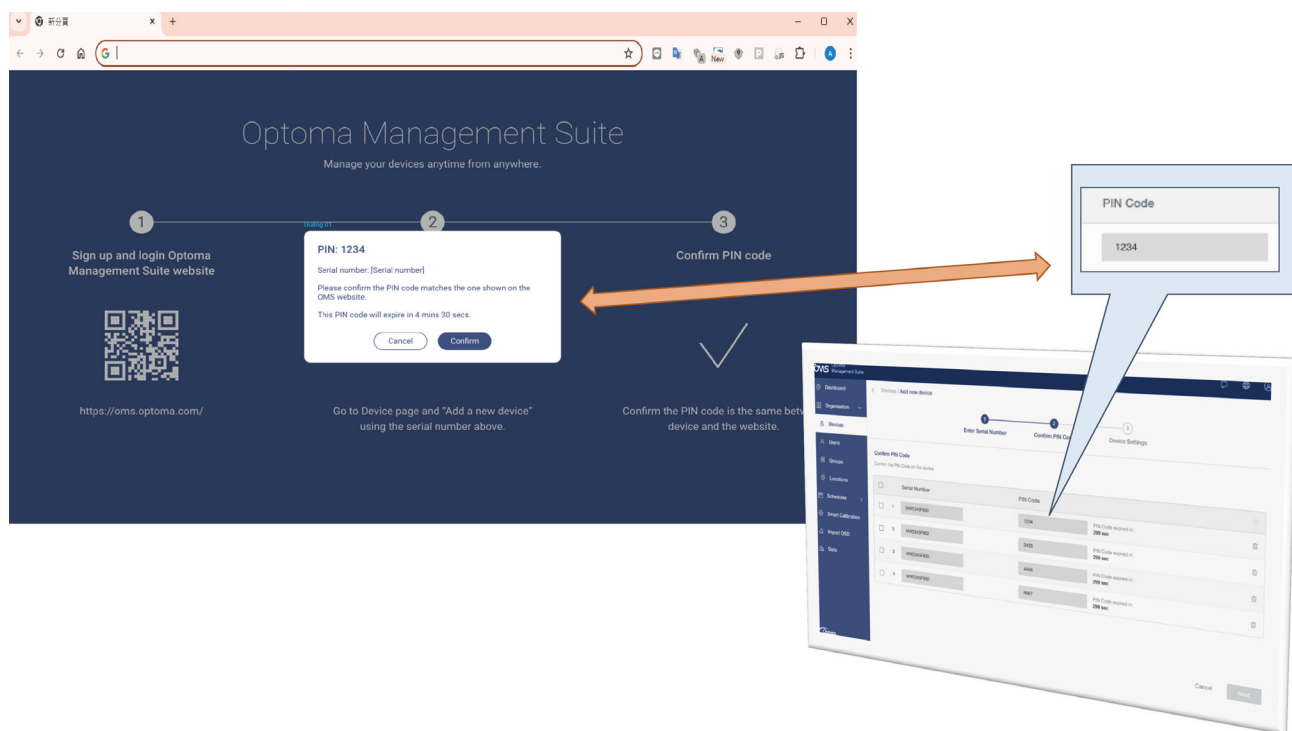


THÔNG TIN BỔ SUNG

3. Làm theo hướng dẫn trên màn hình để liên kết thiết bị với hệ thống OMS.
 - Quét mã QR. Sau đó đăng ký và đăng nhập vào trang web Optoma Management Suite.
 - Chọn **Thêm thiết bị mới** và nhập số seri của thiết bị vào hệ thống OMS.

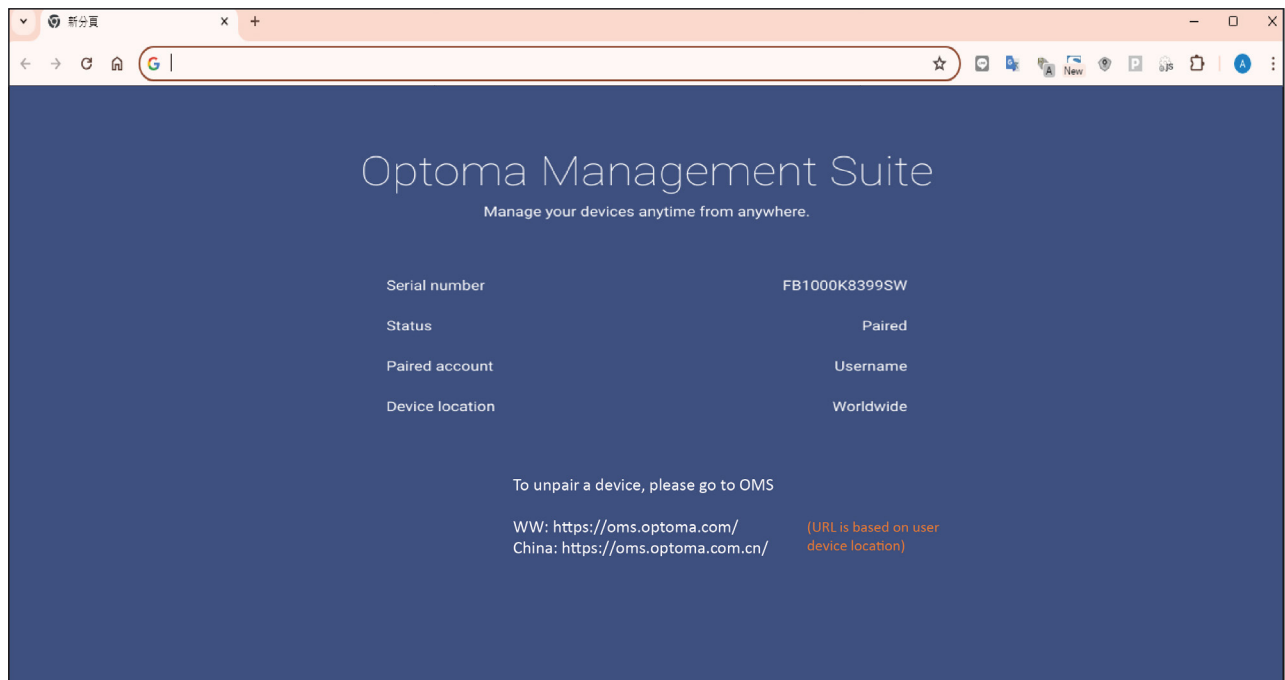


4. Sau khi nhập số seri vào hệ thống OMS, xác nhận mã PIN hiển thị trên cả hai màn hình. Nếu mã trùng khớp, chọn **Xác nhận** để tiếp tục.

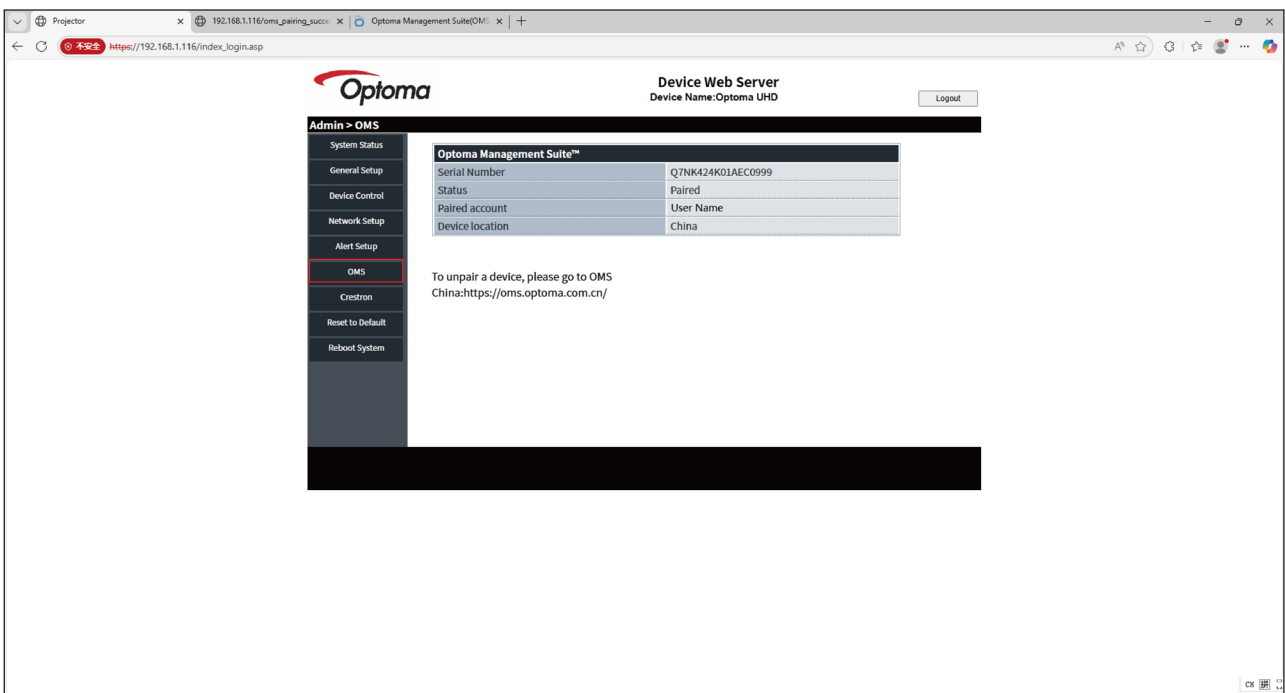


THÔNG TIN BỔ SUNG

5. Quá trình liên kết thiết bị đã hoàn tất.



6. Từ trang *Máy chủ web của thiết bị*, chọn **OMS** để xem thông tin liên kết.



THÔNG TIN BỔ SUNG

Khắc phục sự cố

Nếu bạn gặp một sự cố với máy chiếu, vui lòng tham khảo thông tin dưới đây. Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, vui lòng liên hệ với đại lý hoặc trung tâm dịch vụ địa phương.

Các sự cố về hình ảnh

-  *Không có hình ảnh trên màn hình*
 - Đảm bảo mọi cáp và kết nối nguồn đều được cắm đúng và chắc chắn như được mô tả trong phần "Cài đặt".
 - Đảm bảo tất cả các chân của đầu nối không bị cong hay gãy.
 - Đảm bảo chưa bật tính năng "Tắt âm".
-  *Hình ảnh lệch tiêu điểm*
 - Xoay vòng lấy nét theo hoặc ngược chiều kim đồng hồ cho đến khi hình chiếu sắc nét và rõ ràng. (Vui lòng tham khảo trang 22).
 - Đảm bảo màn chiếu nằm giữa khoảng cách yêu cầu với máy chiếu. (Vui lòng tham khảo trang 72~73).
-  *Hình ảnh bị kéo giãn khi hiển thị tiêu đề 16:9 DVD*
 - Khi bạn phát DVD tiệm biến hay DVD 16:9, máy chiếu sẽ hiển thị hình ảnh tốt nhất ở định dạng 16: 9 ở bên máy chiếu.
 - Nếu bạn phát tiêu đề DVD định dạng 4:3, hãy thay đổi định dạng sang 4:3 trong OSD của máy chiếu.
 - Vui lòng thiết lập định dạng hiển thị là loại tỉ lệ màn hình 16:9 (rộng) trên máy phát DVD.
-  *Hình ảnh quá nhỏ hoặc quá lớn*
 - Hãy xoay vòng chỉnh thu phóng theo hoặc ngược chiều kim đồng hồ để tăng hoặc giảm kích thước hình chiếu. (Vui lòng tham khảo trang 22).
 - Đặt máy chiếu gần hoặc xa màn chiếu hơn.
 - Nhấn "Menu" trên bảng điều khiển máy chiếu, truy cập "HIỂN THỊ → Tỉ lệ khung hình". Thử dùng các cài đặt khác.
-  *Hình ảnh có các mặt nghiêng:*
 - Nếu có thể, chỉnh lại vị trí máy chiếu sao cho nó nằm giữa màn hình và thấp hơn đáy của màn hình.
-  *Hình ảnh bị đảo ngược*
 - Chọn "HIỂN THỊ → Vị trí chiếu" từ menu OSD và điều chỉnh hướng chiếu.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Các sự cố khác



Máy chiếu dừng đáp ứng với mọi điều khiển

- Nếu có thể, hãy tắt máy chiếu, sau đó rút dây nguồn và chờ ít nhất 20 giây trước khi cắm lại nguồn.

Các sự cố về bộ điều khiển từ xa



Nếu điều khiển từ xa không hoạt động

- Kiểm tra xem góc hoạt động của điều khiển từ xa có chứa trong phạm vi $\pm 15^\circ$ sang bộ thu hồng ngoại (IR) trên máy chiếu hay không.
- Đảm bảo không có bất kỳ vật cản nào giữa điều khiển từ xa và máy chiếu. Di chuyển trong phạm vi 6 mét (19,7 foot) so với máy chiếu.
- Đảm bảo pin được lắp đúng cách.
- Thay pin nếu pin đã cạn.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Chỉ báo cảnh báo

Khi các đèn cảnh báo (xem bên dưới) sáng lên hoặc nhấp nháy, máy chiếu sẽ tự động tắt:

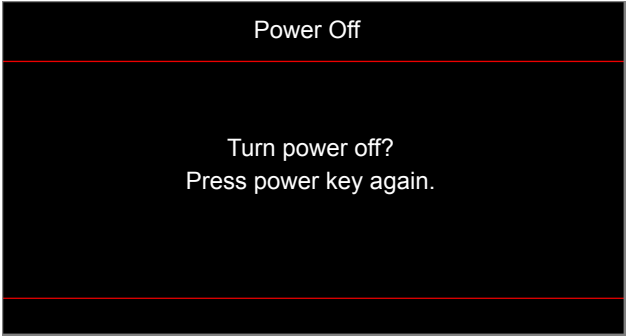
- Chỉ báo LED “Đèn” sáng đỏ và nếu chỉ báo “Nguồn” nhấp nháy màu đỏ.
- Chỉ báo LED “Nhiệt độ” sáng đỏ và nếu chỉ báo “Nguồn” nhấp nháy màu đỏ. Dấu hiệu này cho biết máy chiếu đã quá nóng. Dưới các điều kiện bình thường, máy chiếu có thể được bật trở lại.
- Chỉ báo LED “Nhiệt độ” nhấp nháy màu đỏ và nếu chỉ báo “Nguồn” nhấp nháy màu đỏ.

Rút dây nguồn khỏi máy chiếu, đợi 30 giây rồi thử lại. Nếu đèn cảnh báo sáng lên hoặc nhấp nháy, vui lòng liên hệ với trung tâm bảo hành gần nhất để được trợ giúp.

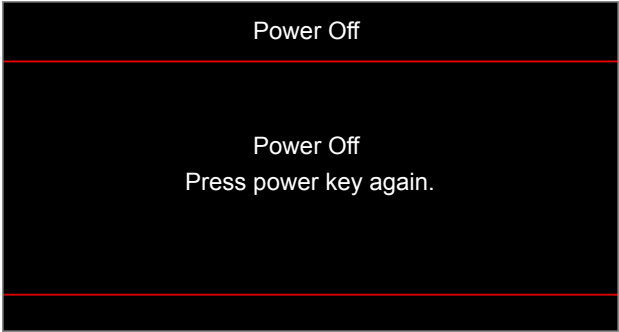
Thông báo sáng đèn LED

Tin nhắn	Đèn LED NGUỒN		Đèn LED nhiệt độ	Đèn LED bóng đèn
	(Đỏ)	(Lam)	(Đỏ)	(Đỏ)
Trạng thái chờ (Dây nguồn đầu vào)	Sáng ổn định			
Nguồn bật (Làm nóng)		Nhấp nháy (tắt 0,5 giây/bật 0,5 giây)		
Bật nguồn và Ánh sáng đèn		Sáng ổn định		
Nguồn tắt (Làm nguội)		Nhấp nháy (tắt 0,5 giây/bật 0,5 giây). Trở về đèn đỏ ổn định khi quạt làm nguội tắt.		
Lỗi (Đèn hỏng)	Nhấp nháy			Sáng ổn định
Lỗi (Quạt hỏng)	Nhấp nháy		Nhấp nháy	
Lỗi (Quá nhiệt)	Nhấp nháy		Sáng ổn định	

- Tắt nguồn (mẫu 4K):



- Tắt nguồn (mẫu 1080P):



THÔNG TIN BỔ SUNG

- Cảnh báo nhiệt độ:

Cảnh báo

Nhiệt độ quá cao

Xin vui lòng:
1. Đảm bảo không khí lối vào và lối ra không bị chặn
2. Đảm bảo nhiệt độ môi trường dưới 45°C

Nếu sự cố vẫn xảy ra như trước,
Xin vui lòng liên hệ trung tâm bảo hành để sửa chữa

THÔNG TIN BỔ SUNG

Thông số kỹ thuật

Mẫu Độ lệch tâm ngắn 4K

Mục	Mô tả
	Độ lệch tâm ngắn 4K
Độ phân giải gốc	3840x2160 (kèm bộ truyền động 4 hướng)
Độ phân giải tối đa	• Đồ họa hỗ trợ tối đa 3840x2160@60Hz • Độ phân giải tối đa: 3840x2160@60Hz (HDMI (2.0)) • Băng thông tối đa: 600MHz (HDMI (2.0))
Ống kính	• Tỷ lệ lệch tâm chuẩn 0,79 (dung sai $\pm 3\%$) • F-stop: 2,49 • Tiêu cự: 11,6 mm • Khoảng thu phóng: Không có
Độ lệch	106%~127% $\pm 5\%$
Kích cỡ ảnh	51"~167,5" Được tối ưu @82,5"
Khoảng cách chiếu	• 1~10m (hành trình cơ học) • 0,89~2,93m (hành trình quang học)
Cổng I/O	• HDMI 2.0 x2 • USB Type-A x2 • RJ45 x1 • RS232 x1 • Giắc cắm điện DC x1 • Cổng ra âm thanh x1 • 3D Sync x1 • Cổng kích hoạt 12V x1
Màu sắc	Chỉ khả dụng trong không gian màu YCbCr
Tốc độ quét	• Tốc độ dò ngang: 15~150 KHz • Tốc độ dò dọc: 24~240 Hz
Loa	15W x1
Tiêu thụ điện năng	• Tối thiểu (Chế độ Eco): - 147W $\pm 15\%$ @110VAC - 146W $\pm 15\%$ @220VAC • Tối đa (Chế độ sáng) - 196W $\pm 15\%$ @110VAC - 193W $\pm 15\%$ @220VAC
Dòng điện vào	11,79A @ 19,5V
Hướng lắp đặt	Mặt trước x1, Phía trên x1
Kích thước (Rộng x Dày x Cao)	• 274 x 216 x 108,5 mm (không đế) • 274 x 216 x 114 mm (có đế)
Trọng lượng	Tĩnh: 3,25 $\pm 0,2$ kg
Môi trường	Hoạt động trong dải nhiệt độ 0–40°C (dung sai $\pm 2^\circ\text{C}$, không ngưng tụ)

Lưu ý: Mọi thông số kỹ thuật chịu sự thay đổi mà không cần thông báo.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Mẫu WXGA/1080P

Mục	Mô tả		
	WXGA	1080P	Độ lệch tâm ngắn 1080P
Độ phân giải gốc	1280x800	1920x1080	
Độ phân giải tối đa	• Đồ họa lên tới 1920x1200 RB@60Hz • Độ phân giải tối đa: • HDMI (1.4): 1920x1080P @ 60Hz • VGA: 1920x1200RB @ 60Hz • Bảng thông tối đa: • HDMI 1.4: 170MHz	• Đồ họa hỗ trợ tối đa 4096x2160p@60Hz • Độ phân giải tối đa: • HDMI (2.0): 4096x2160p @ 60Hz • VGA: 1920x1200RB @ 60Hz • Bảng thông tối đa: • HDMI 2.0: 600MHz	
Ống kính	• Tỷ lệ lệch tâm chuẩn 1,187~1,544(dung sai ±3%) • F-stop: 2,43~2,78 • Tiêu cự: 16,901~21,6076mm • Khoảng thu phóng: 1,3x	• Tỷ lệ lệch tâm chuẩn 1,13~1,47(dung sai ±3%) • F-stop: 2,43~2,78 • Tiêu cự: 16,901~21,6076mm • Khoảng thu phóng: 1,3x	• Tỷ lệ lệch tâm chuẩn 0,79 (dung sai ±3%) • F-stop: 2,49 • Tiêu cự: 11,6 mm • Khoảng thu phóng: Không có
Độ lệch	112% ±5%	116% ±5%	106%~127%±5%
Kích cỡ ảnh	• 30,0”~300,3” (hành trình cơ học) • 51,1”~118,0” (hành trình quang học)	• 30,7”~306,8” (hành trình cơ học) • 52,2”~120,6” (hành trình quang học)	• 19,4”~303,3” (hành trình cơ học) • 50,9”~167,5” (hành trình quang học)
Khoảng cách chiếu	• 1~10m (hành trình cơ học) • 1,3~3m (hành trình quang học)	• 1~10m (hành trình cơ học) • 1,3~3m (hành trình quang học)	• 0,34~5,3m (hành trình cơ học) • 0,89~2,93m (hành trình quang học)
Cổng I/O	• HDMI 1.4 x2 (cho WXGA); HDMI 2.0 x2 (cho 1080p) • VGA-In x1 • USB Type-A x2 • RJ45 x1 • RS232 x1 • Giắc cắm điện DC x1 • Cổng vào âm thanh x1 • Cổng ra âm thanh x1 • 3D Sync x1 • Cổng kích hoạt 12V x1		
Màu sắc	1073,4 triệu màu		
Tốc độ quét	• Tốc độ dò ngang: 15~102 KHz • Tốc độ dò dọc: 24~120 Hz	• Tốc độ dò ngang: 15~135 KHz • Tốc độ dò dọc: 24~120 Hz	
Loa	15W x1, công suất đầu ra 8W (-10%/+5%)		
Tiêu thụ điện năng	• Điện hình (chế độ ECO): - 150W ±15%; 511.8BTU/hr ±15% - 147W ±15%; 501.6BTU/hr ±15% • Điện hình (chế độ Độ sáng) - 210W ±15%; 716.5BTU/hr ±15% - 205W ±15%; 699.5BTU/hr ±15%		
Dòng điện vào	11,79A		

THÔNG TIN BỔ SUNG

Mục	Mô tả		
	WXGA	1080P	Độ lệch tâm gắn 1080P
Hướng lắp đặt	Mặt trước, Phía sau, Trần, Phía sau-phía trên		
Kích thước (Rộng x Dày x Cao)	274 x 216 x 108,5 mm (không đế) 274 x 216 x 114 mm (có đế)		
Trọng lượng	2,9 ±0,2 kg		3,1 ±0,2 kg
Môi trường	Hoạt động trong dải nhiệt độ 0–40°C (dung sai ±2°C, không ngưng tụ)		

Lưu ý: Mọi thông số kỹ thuật chịu sự thay đổi mà không cần thông báo.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Văn phòng toàn cầu của Optoma

Để được bảo dưỡng hoặc hỗ trợ, vui lòng liên hệ với văn phòng địa phương.

Hoa Kỳ

Optoma Technology, Inc.
47697 Westinghouse Drive.
Fremont, Ca 94539

 888-289-6786
 510-897-8601
 services@optoma.com

Canada

Optoma Technology, Inc.
47697 Westinghouse Drive.
Fremont, Ca 94539

 888-289-6786
 510-897-8601
 services@optoma.com

Châu Mỹ Latin

Optoma Technology, Inc.
47697 Westinghouse Drive.
Fremont, Ca 94539

 888-289-6786
 510-897-8601
 services@optoma.com

Châu Âu

2nd Floor, West Wing The Maylands Building, 200 Maylands
Avenue
Hemel Hempstead, Hertfordshire
England, HP2 7TG
www.optoma.eu
Điện thoại bảo hành:
+44 (0)1923 691865

 +44 (0) 1923 691 800
 +44 (0) 1923 691 888
 service@tsc-europe.com

Benelux BV

Randstad 22-123
1316 BW Almere
The Netherlands
www.optoma.nl

 +31 (0) 36 820 0252
 +31 (0) 36 548 9052

Pháp

Bâtiment E
81-83 avenue Edouard Vaillant
92100 Boulogne Billancourt, France

 +33 1 41 46 12 20
 +33 1 41 46 94 35
 savoptoma@optoma.fr

Spain

C/ José Hierro, 36 Of. 1C
28522 Rivas VaciaMadrid,
Spain

 +34 91 499 06 06
 +34 91 670 08 32

Đức

Am Nordpark 3
41069 Mönchengladbach
Germany

 +49 (0) 2161 68643 0
 +49 (0) 2161 68643 99
 info@optoma.de

Scandinavia

Lerpeveien 25
3040 Drammen
Norway

 +47 32 98 89 90
 +47 32 98 89 99
 info@optoma.no

PO.BOX 9515
3038 Drammen
Norway

Hàn Quốc

<https://www.optoma.com/kr/>

Nhật Bản

<https://www.optoma.com/jp/>

Đài Loan

<https://www.optoma.com/tw/>

Trung Quốc

Room 701, 7F, Building 1,
No.1388 Kaixuan Road,
Changning District
Shanghai, 200052, China

 +86-21-62947376
 +86-21-62947375
www.optoma.com.cn

Úc

<https://www.optoma.com/au/>

